

Số: /BC-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

**Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến
dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định xử phạt vi
phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ
và đường sắt; hàng không dân dụng**

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Theo Chương trình công tác năm 2021 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 126/QĐ-TTg ngày 26/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính (Luật XLVPHC), Bộ Giao thông vận tải được giao chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan có liên quan nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ và đường sắt; hàng không dân dụng.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Bộ Giao thông vận tải đã rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến việc xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ và đường sắt; hàng không dân dụng, kết quả cụ thể như sau:

**I. CÁC VĂN BẢN CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG DỰ THẢO
NGHỊ ĐỊNH ĐƯỢC TIỀN HÀNH RÀ SOÁT**

1. Các Luật có liên quan

- Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020);
- Luật Tài nguyên Môi trường biển và Hải đảo

2. Các Nghị định, Quyết định của Thủ tướng, Thông tư có liên quan

- Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí.
- Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng

- Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
- Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.
- Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.
- Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải.
- Nghị định 85/2019/NĐ-CP quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu
- Nghị định số 89/2019/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực hàng không dân dụng và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về kinh doanh vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung
- Nghị định số 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021 về quản lý, khai thác cảng hàng không sân bay
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu.
- Nghị định số 28/2020/NĐ-CP ngày 01/3/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Nghị định số 10/2020/NĐ-CP quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.
- Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 ban hành Bộ quy chế An toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay
- Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay
- Thông tư 14/2016/TT-BGTVT 28/6/2016 hướng dẫn thực hiện việc cân xác nhận khối lượng toàn bộ công-te-nơ vận tải biển tuyến quốc tế.

- Thông tư số 22/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020 quy định về quản lý nhiên liệu tiêu thụ và phát thải khí CO₂ từ tàu bay trong hoạt động hàng không dân dụng.

- Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không

- Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 quy định về quản lý và bảo đảm hoạt động bay

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

- Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 quy định chi tiết Chương trình an ninh hàng không và kiểm soát chất lượng an ninh hàng không Việt Nam.

- Thông tư số 19/2018/TT/BNNPTNT hướng dẫn về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản.

- Thông tư số 43/2019/TT-BGTVT ngày 07/01/2019 quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT VÀ ĐỀ XUẤT HƯỚNG XỬ LÝ

Các nội dung rà soát cụ thể liên quan đến các văn bản quy phạm pháp luật nêu trên và dự kiến hướng xử lý trong dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ và đường sắt; hàng không dân dụng được nêu tại Phụ lục 1, 2, 3 kèm theo Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải; giao thông đường bộ và đường sắt; hàng không dân dụng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Vụ ATGT;
- Tổng cục ĐBVN;
- Các Cục: HKVN, HHVN, ĐTNĐVN, ĐSVN;
- Lưu: VT, PC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Anh Tuấn

Phụ lục 1

RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QPPL CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 142/2017/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh		
2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được quy định tại Nghị định này, bao gồm: a) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải; b) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn; c) Vi phạm quy định về hoạt động của tàu thuyền tại cảng biển; d) Vi phạm quy định về đăng ký tàu thuyền và bố trí thuyền viên; sử dụng chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên; đ) Vi phạm quy định về hoa tiêu hàng hải; e) Vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển và cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; g) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu thuyền và hoạt động phá dỡ tàu thuyền; h) Vi phạm quy định về an toàn Công-te-nơ; i) Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải; trục vớt tài sản chìm đắm và báo hiệu hàng hải; k) Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên; l) Vi phạm quy định về hoạt động ứng phó sự cố tràn	2. Hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được quy định tại Nghị định này, bao gồm: a) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý và khai thác kết cấu hạ tầng hàng hải; b) Vi phạm quy định về xây dựng, quản lý khai thác cảng cạn; c) Vi phạm quy định về hoạt động của tàu thuyền; d) Vi phạm quy định về đăng ký, xóa đăng ký tàu thuyền và bố trí thuyền viên; sử dụng chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên; đ) Vi phạm quy định về hoa tiêu hàng hải; e) Vi phạm quy định về hoạt động kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức, dịch vụ hỗ trợ vận tải biển và cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải; g) Vi phạm quy định về điều kiện hoạt động của cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu thuyền và hoạt động phá dỡ tàu thuyền; h) Vi phạm quy định về an toàn Công-te-nơ; i) Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải; trục vớt tài sản chìm đắm và báo hiệu hàng hải; k) Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên; l) Vi phạm quy định về phòng ngừa ô nhiễm môi trường biển;	- Sửa điểm c, bỏ đoạn “tại cảng biển” vì thực tế xử phạt hành vi vi phạm tàu thuyền ngoài cảng biển. - Sửa điểm d, bổ sung “xóa đăng ký” vì có điều khoản quy định xử phạt không xóa đăng ký tàu thuyền theo quy định. - Sửa đổi điểm l cho đúng với nội dung quy định tại khoản 10 điều 9 Bộ luật hàng hải Việt Nam. - Bổ sung các k hoản m, n, o là những hành vi được quy định mới tại các văn bản có liên quan đến hoạt động hàng hải; đồng thời bổ sung các mục 12, 13, 14 tại dự thảo Nghị định. - Hiện nay, công tác quản lý nhà nước về hàng hải phát sinh nhiều hoạt động ngoài vùng nước cảng

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
đầu, quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển. 3. Các hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d, đ, e, i và l khoản 2 Điều này nếu xảy ra ở ngoài vùng nước cảng biển mà chưa được quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này. 4. Các hành vi vi phạm hành chính khác liên quan đến lĩnh vực hàng hải không được quy định tại Nghị định này thì bị xử phạt theo quy định của các Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại các Điều 60, 61, 62 và 63 của Nghị định này khi phát hiện các hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản này được xử phạt theo thẩm quyền. 5. Việc xử lý hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải được thực hiện theo quy định tại Nghị định này và các quy định có liên quan của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.	<i>m) Vi phạm quy định về lao động hàng hải; khai báo tai nạn lao động hàng hải;</i> <i>n) Vi phạm quy định về phòng chống thiên tai trong lĩnh vực hàng hải;</i> <i>o) Vi phạm quy định về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong lĩnh vực hàng hải.</i> 3. Các hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này nếu xảy ra ở ngoài vùng nước cảng biển mà chưa được quy định tại Nghị định về xử phạt vi phạm hành chính trên các vùng biển, đảo và thềm lục địa của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng bị xử phạt theo quy định tại Nghị định này.”	biển (ví dụ: hoạt động điện gió ngoài vùng nước cảng biển) nên cần sửa đổi khoản 3 cho phù hợp.
Điều 2. Đối tượng áp dụng		

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	2a. Tổ chức quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm: a) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp gồm: Doanh nghiệp tư nhân, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty hợp danh và các đơn vị phụ thuộc doanh nghiệp (chi nhánh, văn phòng đại diện); b) Tổ chức kinh tế được thành lập theo quy định của Luật Hợp tác xã gồm: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; c) Tổ chức được thành lập theo quy định của Luật Đầu tư gồm: Nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài và tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài; văn phòng đại diện, chi nhánh của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng đại diện của tổ chức xúc tiến thương mại nước ngoài tại Việt Nam; d) Tổ chức xã hội, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội nghề nghiệp; đ) Đơn vị sự nghiệp và các tổ chức khác theo quy định của pháp luật. 2b. Hộ kinh doanh phải đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật và hộ gia đình thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị xử phạt vi phạm như đối với cá nhân.	Bổ sung khoản 2a và khoản 2b theo ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp.
Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính	Điều 3. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính	
Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là 01 năm; đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng cảng biển, cảng cạn, công trình hàng hải, bảo vệ môi trường, thời hiệu xử phạt là 02 năm.	Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải là 01 năm; riêng đối với hành vi vi phạm hành chính về xây dựng cảng biển, cảng cạn, công trình hàng hải, bảo vệ môi trường, quản lý giá, quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt là 02 năm.”	Sửa đổi, bổ sung Điều 3 theo hướng bổ sung cụm từ “quản lý giá, quản lý lao động ngoài nước” vì dự thảo đã bổ sung phạm vi điều chỉnh và nội dung

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
		quy định vi phạm hành chính về quản lý giá, quản lý lao động ngoài nước.
	Điều 3a. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện	
	1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc gồm những hành vi vi phạm sau đây: a) Hành vi vi phạm quy định về xếp hàng hóa tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 16: thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ khi phát hiện hành vi chở hàng vượt quá khối lượng cho phép chuyên chở của phương tiện; b) Các hành vi vi phạm được phát hiện thông qua kỹ thuật nghiệp vụ: thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ khi phát hiện hành vi vi phạm. 2. Các hành vi vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này là các hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện.	Rà soát bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020)
Điều 4. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả 2. Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung sau đây: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng; b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 tháng đến 24 tháng; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.	5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 4 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung khoản 2 như sau: <i>“2. Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung sau đây:</i> a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn; b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn; <i>c) Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết</i>	Bổ sung theo ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
3. Ngoài các hình thức xử phạt được quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục hậu quả quy định cụ thể tại Chương II của Nghị định này.	<i>bị khác có thời hạn;</i> d) Tịch thu tang vật <i>bao gồm: giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp và phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.</i> b) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 như sau: <i>“3. Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:</i> <i>a) Buộc bố trí đủ cán bộ an ninh cảng biển theo quy định; bố trí đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định; bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải; sử dụng hoặc bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu bảo đảm điều kiện an toàn; bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên theo quy định; bố trí đưa thuyền viên hồi hương theo thời gian quy định;</i> <i>b) Buộc có kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định;</i> <i>c) Buộc thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải;</i> <i>d) Buộc dỡ bỏ, hạ phần hàng quá tải trọng, quá khổ cho phép đối với hành vi vi phạm hoặc theo</i>	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>hướng dẫn của lực lượng chức năng tại nơi phát hiện vi phạm;</i> <i>đ) Buộc trang bị thiết bị cứu sinh hoặc trang bị thiết bị cứu sinh phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm;</i> <i>e) Buộc thiết lập đầy đủ, thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định;</i> <i>g) Buộc di dời dăng đáy, lồng bè hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải không đúng vị trí quy định;</i> <i>h) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên tục;</i> <i>i) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công;</i> <i>k) Buộc phải có hoặc thực hiện đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;</i> <i>l) Buộc xây dựng phương án bảo vệ công trình hàng hải hoặc buộc tổ chức thực hiện phương án bảo vệ công trình hàng hải đã được phê duyệt; xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định;</i> <i>m) Buộc thay đổi, sửa chữa tên cảng cạn đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố;</i> <i>m) Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin đối với hành vi vi phạm;</i>	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
4. Đối với các hành vi vi phạm hành chính được quy định mức xử phạt theo dung tích của tàu thuyền, tổng dung tích (GT) là dung tích được đo theo quy định của Công ước quốc tế về đo dung tích tàu năm 1969, được ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan đăng kiểm cấp. Trường hợp giấy chứng nhận của tàu thuyền không ghi GT, tổng dung tích của tàu thuyền được tính quy đổi như sau: a) Tàu biển và phương tiện thủy nội địa tự hành: 1,5 tấn trọng tải được tính bằng 01 GT; b) Sà lan: 01 tấn trọng tải toàn phần được tính bằng 01 GT; c) Tàu kéo, tàu đẩy, tàu chở khách (kể cả thủy phi cơ) và cầu nổi: 01 mã lực (HP, CV) được tính bằng 0,5 GT; 01 KW được tính bằng 0,7 GT; 01 tấn sức nâng của cầu đặt trên tàu thuyền được tính bằng 06 GT; d) Tàu thuyền chở khách không ghi công suất máy: 01 ghế ngồi dành cho hành khách được tính bằng 0,67 GT; 01 giường nằm được tính bằng 04 GT; đ) Trường hợp tàu thuyền là đoàn lai kéo, lai đẩy hoặc lai cập mạn: Được tính bằng tổng dung tích của cả đoàn bao gồm sà lan, đầu kéo hoặc đầu đẩy; e) Việc quy đổi quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 4 Điều này được chọn phương thức quy đổi có tổng dung tích lớn nhất;	<i>o) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định; hoàn trả chi phí trực vớt tài sản chìm đắm theo quy định;</i> <i>p) Buộc di chuyển chướng ngại vật trên mặt cầu cảng đúng nơi quy định; di rời khỏi vùng hoạt động không phù hợp với cấp tàu hoạt động;</i> <i>q) Buộc cho rời tàu thuyền số người quá số lượng quy định; thuyền viên phải rời tàu đối với vi phạm bố trí thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam;</i> <i>r) Buộc thực hiện biện pháp bảo đảm an toàn đối với hành vi vận tải hàng hóa siêu trường, siêu trọng;</i> <i>s) Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định;</i> <i>t) Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định; làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định;</i> <i>t) Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao; cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu; cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương;</i> <i>u) Buộc thực hiện trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu;</i>	- Bổ sung Khoản 5: đối

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
g) Đơn vị tính công suất máy: Công suất máy chính của tàu thuyền được tính theo HP, CV hoặc KW; phần lẻ dưới 01 HP hoặc 01 KW được tính tròn bằng 01 HP, 01 CV hoặc 01 KW.	<i>u) Buộc giao kết lại hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên có đầy đủ các nội dung theo quy định; giao kết lại hợp đồng lao động thuyền viên phù hợp với giấy phép lao động;</i> <i>v) Buộc cải chính thông tin về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai.”</i> c) Bổ sung khoản 5 vào sau khoản 4 Điều 4 như sau: <i>“5. Đối với hành vi vi phạm hành chính liên quan đến tàu thuyền không có các thông tin để tính quy đổi tổng dung tích tàu quy định tại khoản 4 Điều này, phương pháp xác định trọng tải toàn phần, công suất tàu thuyền để áp dụng xử phạt như sau:</i> <i>a) Trọng tải toàn phần của tàu thuyền ký hiệu là T (tấn) và được tính theo công thức $T = A \times K$, trong đó:</i> <i>- A là giá trị của số đo chiều dài boong chính, đo từ mũi đến lái tàu thuyền nhân với số đo chiều rộng mép boong ở giữa tàu thuyền nhân với số đo chiều cao mạn, đo từ đáy đến mặt boong ở giữa tàu thuyền, được tính theo công thức $A = L \times B \times D$, trong đó:</i> <i>L (m): Chiều dài boong chính đo từ mũi đến hết lái tàu thuyền;</i>	với các trường hợp tàu thuyền không có dữ liệu về trọng tải toàn phần, sức nâng, số ghế ngồi, công suất máy chính mà chỉ có dữ liệu về Lượng giãn nước hoặc kích thước $L \times B \times H$... nhằm phục vụ cho việc áp dụng khung hình phạt tương ứng khi xử lý vi phạm hành chính.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>B (m): Chiều rộng mép boong đo ở giữa tàu thuyền;</i> <i>D (m): Chiều cao mạn đo từ đáy đến mặt boong ở giữa tàu thuyền;</i> <i>- K là hệ số tương ứng với giá trị A và áp dụng như sau:</i> <i>Giá trị của A từ 4,55 m³ đến 18,76 m³ thì hệ số K = 0,26;</i> <i>Giá trị của A từ trên 18,76 m³ đến 49,80 m³ thì hệ số K = 0,29;</i> <i>Giá trị của A từ trên 49,80 m³ đến 387,20 m³ thì hệ số K = 0,35;</i> <i>Giá trị của A từ trên 387,20 m³ đến 1.119,80 m³ thì hệ số K = 0,51;</i> <i>Giá trị của A trên 1.119,80 m³ thì hệ số K = 0,57.</i> <i>b) Nếu tàu thuyền không phải là tàu thuyền vận tải hàng hóa, hành khách thì căn cứ vào tổng công suất máy chính lắp trên tàu thuyền để áp dụng hình thức, mức xử phạt. Trường hợp không có cơ sở để xác định công suất máy chính lắp trên tàu thuyền, không nhãn mác, thì áp dụng mức xử phạt theo công suất máy 50 mã lực.</i> <i>c) Trường hợp không xác định được trọng tải toàn phần theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều này, người có thẩm quyền đề nghị Cơ quan đăng kiểm xác định trọng tải toàn phần của tàu thuyền để làm căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.</i> <i>d) Đối với tàu thuyền như: bến nổi hoặc kết cấu nổi khác mà trên đó đặt thiết bị thi công cuốc,</i>	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>hút để nạo vét luồng, khai thác khoáng sản, xếp dỡ hàng hóa nếu không đủ căn cứ để xác định trọng tải toàn phần hoặc công suất của tàu thuyền thì xác định như sau:</i> - <i>Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất đến 10 mét hoặc có chiều rộng lớn nhất đến 4 mét thì được xác định như tàu thuyền có trọng tải toàn phần từ 5 tấn đến 15 tấn;</i> - <i>Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 10 mét hoặc có chiều rộng lớn nhất trên 4 mét thì được xác định tàu thuyền có trọng tải toàn phần trên 15 tấn;</i> - <i>Chiều dài của tàu thuyền được tính từ điểm ngoài cùng của mũi phươg tiện đến điểm ngoài cùng của lái tàu thuyền hoặc từ hai điểm ngoài cùng của tàu thuyền nơi có mặt cắt lớn nhất trên mặt boong;</i> - <i>Chiều rộng của tàu thuyền được tính từ mép boong bên này đến mép boong bên kia, ở vị trí có kích thước lớn nhất.”</i>	
Điều 5. Nguyên tắc xác định mức phạt tiền Mức phạt tiền của mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này là mức phạt áp dụng đối với cá nhân; trường hợp có cùng một hành vi vi phạm hành chính thì mức phạt tiền đối với tổ chức bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.		
Điều 6. Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính 1. Trong những trường hợp cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính, người có thẩm quyền được phép tạm giữ tang vật,	6. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau: “Điều 6. Tịch thu, tạm giữ tang vật, phương tiện theo thủ tục hành chính 1. Trong những trường hợp thật cần thiết quy định tại khoản 1 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành	Sửa tên Điều và nội dung cho thống nhất với điểm d khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được sử dụng để thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại: khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 5 Điều 14; điểm a khoản 2, điểm a khoản 4 và khoản 5 Điều 17; điểm b khoản 4 Điều 20; khoản 2 Điều 25; điểm c khoản 3 Điều 40; điểm b, c khoản 4 Điều 42; điểm b khoản 5 Điều 46 và điểm b khoản 4 Điều 47 Nghị định này. 2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì có thể bị tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. Việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ hành nghề trong thời gian chờ ra quyết định không làm ảnh hưởng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề của cá nhân, tổ chức đó. 3. Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương III Nghị định này thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Trường hợp có căn cứ để cho rằng nếu không tạm giữ ngay thì tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tẩu tán, tiêu hủy thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 4 Điều 125 Luật xử lý vi phạm hành chính phải tạm giữ ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. 4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ hành nghề được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan khác của pháp luật.	chính, người có thẩm quyền được phép tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại: khoản 2 Điều 7; điểm b khoản 5 Điều 14; điểm b khoản 3, khoản 5 và khoản 6 Điều 17; điểm b khoản 4 Điều 20; khoản 2 Điều 25; điểm c khoản 3 Điều 40; điểm b, c khoản 4 Điều 42; điểm b khoản 5 Điều 46 và điểm b khoản 4 Điều 47 Nghị định này. 2. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính thuộc trường hợp bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ thì có thể bị tạm giữ giấy phép, chứng chỉ để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt. Việc tạm giữ giấy phép, chứng chỉ trong thời gian chờ ra quyết định không làm ảnh hưởng quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ của cá nhân, tổ chức đó. 3. Người có thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính quy định tại Chương III Nghị định này thì có thẩm quyền tạm giữ tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính. Thẩm quyền tạm giữ không phụ thuộc vào giá trị của tang vật, phương tiện vi phạm hành chính. 4. Việc tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, giấy phép, chứng chỉ được thực hiện theo quy định tại Nghị định này, Luật xử lý vi phạm hành chính và các quy định có liên quan khác của pháp luật.”	- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 3 cho phù hợp với Khoản 3 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi năm 2020).

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Chương II HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ		
Mục 1. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ VÀ KHAI THÁC KẾT CẤU HẠ TẦNG HÀNG HẢI		
Điều 7. Vi phạm quy định về công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không khai báo sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng.	7. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau: “Điều 7. Vi phạm quy định về công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi khai báo sai lệch thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng biển, cảng dầu khí ngoài khơi, cầu cảng, bến cảng. 3. Hình phạt xử phạt bổ sung: Tịch thu giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.”	- Sửa đổi, bổ cụm từ “cố tình” vì khai sai là bị phạt và rất khó để chứng minh hành vi “cố tình” hay “không cố tình”. - Sửa đổi, bổ sung cho thống nhất với điểm d khoản 2 Điều 4 dự thảo Nghị định. - Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp, bổ sung khoản 3.
Điều 9. Vi phạm quy định về cho thuê lại kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng	Bãi bỏ Điều 9	Nội dung Điều này được xây dựng để xử phạt vi

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê lại kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng khi chưa có văn bản chấp thuận của bên cho thuê. 2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bên thuê lại cho thuê kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng được thuê. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.		phạm hành vi tại Điều 35 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. Tuy nhiên, Điều 35 và toàn bộ Mục 5 Chương II đã bị bãi bỏ bởi Nghị định số 43/2018/NĐ-CP, không còn quy định về cho thuê lại kết cấu hạ tầng bến cảng, cầu cảng
Điều 10. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, trật tự trong hoạt động khai thác cảng biển	Bổ sung điểm i và điểm k vào sau điểm h khoản 5 như sau: <i>“i. Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ phục vụ quản lý, vận hành và bảo trì công trình hàng hải;</i> <i>k) Không thực hiện kiểm định hoặc điều khiển phương tiện, thiết bị xếp dỡ, xe, máy móc chuyên dùng trong nội bộ của cảng mà không được kiểm định theo quy định”.</i> b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 6 như sau: <i>“d) Không thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải;”</i> c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 như sau: “7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Đình chỉ việc tiếp nhận tàu thuyền hoạt động tuyến quốc tế vào cảng biển từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và e	- Bổ sung điểm k vì xe máy chuyên dùng nội bộ của cảng (phương tiện vận tải nội bộ của cảng) phải kiểm định theo quy định tại QCVN 13:2011/BGTVT và Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. Thiết bị xếp dỡ của cảng phải kiểm định theo quy định của QCVN22:2018 của Bộ Giao thông vận tải ban hành kèm theo Thông

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này; <i>b) Đình chỉ việc tiếp nhận tàu thuyền vào cảng biển từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này.</i> <i>8. Biện pháp khắc phục hậu quả</i> <i>a) Buộc bố trí đủ cán bộ an ninh cảng biển theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm e khoản 5 Điều này;</i> <i>b) Buộc có kế hoạch an ninh cảng biển đã được phê duyệt theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này;</i> <i>c) Buộc thực hiện kiểm định chất lượng kết cấu hạ tầng bến cảng đúng thời hạn quy định hoặc sau sự cố va chạm, đâm va có ảnh hưởng đến kết cấu công trình hàng hải đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 6 Điều này”.</i>	tư số 27/2019/Tt-BGTVT ngày 07/8/2019. - Theo quy định tại phụ lục IX Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 Bổ sung hình thức xử phạt bổ sung và khoản quy định về biện pháp khắc phục hậu quả.
Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường khi xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc khi xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải tại vùng nước cảng biển 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không có trang thiết bị cứu sinh hoặc trang	9. Sửa đổi, bổ sung Điều 12 như sau: “Điều 12. Vi phạm quy định về bảo đảm an toàn hàng hải và bảo vệ môi trường khi xây dựng mới hoặc cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc khi xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không có trang thiết bị cứu sinh hoặc trang thiết bị cứu sinh không phù hợp theo quy định; b) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết về việc xây dựng các công trình khác trong vùng nước cảng biển; c) Thiết lập báo hiệu hàng hải không đầy đủ	Sửa tên Điều 12 và sắp xếp lại nội dung Điều 12.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
thiết bị cứu sinh không phù hợp theo quy định; b) Không thông báo cho Cảng vụ hàng hải biết về việc xây dựng các công trình khác trong vùng nước cảng biển; c) Thiết lập báo hiệu hàng hải không đầy đủ hoặc thiết lập báo hiệu hàng hải không phù hợp theo quy định hoặc báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc báo hiệu sai lệch khu vực đang thi công công trình; d) Tàu công trình, tàu phục vụ thi công công trình neo đậu ngoài vùng giới hạn cho phép, gây cản trở giao thông hàng hải trên luồng hàng hải; đ) Không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và chuyển đồ bùn-đất nạo vét hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định; không thực hiện báo cáo định kỳ với Cảng vụ hàng hải và Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình, kết quả thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định; e) Đóng đăng đáy hoặc đặt các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng vị trí hoặc không đúng thời gian đã được chấp thuận. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công sai vị trí được phép; b) Thi công quá thời gian quy định ghi trong giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận của cơ	hoặc thiết lập báo hiệu hàng hải không phù hợp theo quy định hoặc báo hiệu hàng hải không hoạt động hoặc báo hiệu sai lệch khu vực đang thi công công trình; d) Tàu công trình, tàu phục vụ thi công công trình neo đậu ngoài vùng giới hạn cho phép, gây cản trở giao thông hàng hải trên luồng hàng hải; đ) Không ghi chép kết quả giám sát về quá trình thi công nạo vét và vận chuyển đồ chất nạo vét hoặc không ghi nhật ký thi công theo quy định; không thực hiện báo cáo định kỳ với Cảng vụ hàng hải và Cục Hàng hải Việt Nam về tình hình, kết quả thực hiện dự án nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển kết hợp tận thu sản phẩm theo quy định; e) Đặt lồng bè hoặc đặt các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng vị trí hoặc không đúng thời gian đã được chấp thuận; g) Đóng đăng đáy trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công sai vị trí được cấp phép; b) Thi công quá thời gian quy định ghi trong giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; c) Sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để khảo sát, nạo vét luồng, thiết lập báo hiệu hàng hải và tiến hành các hoạt động khác trong vùng nước cảng	Sửa điểm đ khoản 2 cụm từ “chất nạo vét” cho thống nhất với quy định tại khoản 6 Điều 3 Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018. - Tách điểm e thành điểm e và điểm g; Bổ sung “Đặt lồng bè” tại điểm e khoản 2 vì thực tế có hành vi đặt lồng bè trong vùng nước cảng biển. - Tách nội dung tự ý đóng đăng đáy vì hiện nay Bộ NN&PTNT đã cấm sử dụng khai thác thủy sản ở vùng ven biển, vùng nước thủy nội địa tại Thông tư số 19/2018/TT/BNNPTNT nên Cảng vụ hàng hải không thực hiện thủ tục chấp thuận.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
quan có thẩm quyền theo quy định; c) Sử dụng phương tiện, thiết bị chuyên dùng để khảo sát, nạo vét luồng, thiết lập báo hiệu hàng hải và tiến hành các hoạt động khác trong vùng nước cảng biển khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải theo quy định; d) Không thu dọn, thanh thải chướng ngại vật phát sinh trong quá trình thi công sau khi công trình đã hoàn thành; đ) Không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; e) Tạo các chướng ngại vật trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải; g) Lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước không phù hợp theo quy định; hệ thống giám sát nạo vét không bảo đảm thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hoạt động không liên tục, ổn định theo quy định; h) Không bố trí tư vấn giám sát trên phương tiện tham gia vận chuyển bùn đất trong thi công nạo vét theo quy định. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không thiết lập báo hiệu hàng hải theo quy định; b) Không lắp đặt theo quy định hệ thống giám	biển khi chưa được sự chấp thuận của Cảng vụ hàng hải theo quy định; d) Không thu dọn, thanh thải chướng ngại vật phát sinh trong quá trình thi công sau khi công trình đã hoàn thành; đ) Không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; e) Tạo ra các chướng ngại vật trong vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam gây ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải; g) Lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong hoạt động nạo vét không phù hợp theo quy định; hệ thống giám sát nạo vét không bảo đảm thông số kỹ thuật tối thiểu hoặc không ở trạng thái sẵn sàng hoạt động hoặc hoạt động không liên tục, ổn định theo quy định; h) Không tổ chức giám sát công tác thi công, đổ chất nạo vét theo quy định. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không thiết lập báo hiệu hàng hải theo quy định; b) Không lắp đặt theo quy định hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước; c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án	- Sửa đổi điểm đ khoản 3, bổ sung “<i>Phương án bảo đảm an toàn giao thông</i>” cho phù hợp quy định tại Nghị định số 159/2018/NĐ-CP ngày 28/11/2018 về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn đất trong thi công nạo vét, duy tu luồng hàng hải, khu nước, vùng nước; c) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế-kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 6. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn; b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn; c) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 6 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc trang bị thiết bị cứu sinh hoặc trang bị thiết bị cứu sinh phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này;	<i>bảo đảm an toàn giao thông</i> đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình không thuộc các trường hợp quy định tại <i>điểm a</i> khoản 5 Điều này khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 5. Phạt tiền <i>từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng</i> đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Tổ chức thi công công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định; <i>b) Xây dựng công trình không đúng thiết kế được thẩm định, phê duyệt;</i> <i>c) Không có phương án bảo đảm an toàn hàng hải, phương án bảo đảm an toàn giao thông theo quy định.</i> 6. Phạt tiền <i>từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng</i> đối với hành vi xây dựng công trình không phù hợp với quy hoạch được duyệt. 7. Phạt tiền từ <i>80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng</i> đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công công trình khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn; b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn; c) Không có hoặc <i>thực hiện không đúng</i>	- Tách hành vi tại điểm c khoản 3

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
b) Buộc thiết lập đầy đủ, thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 2 Điều này; c) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d, e-khoản 2 và điểm e khoản 3 Điều này; d) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, điểm a khoản 3, khoản 5 và điểm a, b khoản 6 Điều này; đ) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn-đất trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên tục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 3 Điều này; e) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ bùn-đất trong thi công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này; g) Buộc phải có phương án bảo đảm an toàn hàng hải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này.	phương án bảo đảm an toàn hàng hải, <i>phương án bảo đảm an toàn giao thông</i> đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn. 8. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ việc xây dựng, cải tạo, nâng cấp cảng biển hoặc xây dựng, lắp đặt các công trình, thiết bị khác có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại <i>điểm c khoản 7</i> Điều này. 9. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc trang bị thiết bị cứu sinh hoặc trang bị thiết bị cứu sinh phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại <i>điểm a khoản 1</i> Điều này; b) Buộc thiết lập đầy đủ, thiết lập báo hiệu hàng hải phù hợp theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; c) Buộc di dời đăng đáy, lồng bè hoặc các phương tiện đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, khai thác tài nguyên trong vùng nước cảng biển, luồng hàng hải không đúng vị trí quy định tại điểm e <i>và điểm g</i> khoản 1 Điều này; d) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do các hành vi vi phạm quy định tại các điểm d khoản 1 và điểm e khoản 2 Điều này; đ) Buộc <i>phá dỡ</i> công trình, phần công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2, khoản 4, khoản 5, khoản 6 và điểm a và điểm b khoản 7 Điều này; e) Buộc khắc phục hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ <i>chất nạo vét</i> trong thi công phải bảo đảm hoạt động sẵn sàng, liên	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	tục đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này; g) Buộc lắp đặt hệ thống giám sát nạo vét trên phương tiện tham gia vận chuyển đồ chất nạo vét trong thi công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này; h) Buộc phải có phương án bảo đảm an toàn hàng hải, <i>phương án bảo đảm an toàn giao thông</i> đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại <i>điểm c khoản 5 và điểm c khoản 7; thực hiện hoặc thực hiện đúng</i> phương án bảo đảm an toàn hàng hải, <i>phương án bảo đảm an toàn giao thông</i> đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 và điểm c khoản 7 Điều này.”	
Điều 15. Vi phạm quy định về cân xác nhận khối lượng toàn bộ đối với mỗi Công-te-nơ vận tải biển quốc tế 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không cân xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ hoặc cân xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ không đúng phương pháp theo quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không xác nhận hoặc xác nhận không đúng khối lượng toàn bộ Công-te-nơ theo quy định.	10. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau: “Điều 15. Vi phạm quy định về cân xác nhận khối lượng toàn bộ đối với mỗi Công-te-nơ vận tải biển <i>Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:</i> 1. Không cân xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ theo quy định. 2. <i>Không cung cấp bản xác nhận khối lượng toàn bộ Công-te-nơ theo quy định.</i>”	Sửa đổi, bổ sung Điều 15, tăng mức tiền phạt đối với hành vi vi phạm tại khoản 1; ghép 2 khoản cùng 1 mức phạt - Bổ sung theo khoản 2, Điều 9 Thông tư 14/2016/TT-BGTVT 28/6/2016

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 16. Vi phạm quy định về xếp hàng hóa lên xe ô tô trong vùng đất cảng 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 10% đến 50%; b) Xếp hàng hóa lên xe ô tô mà không ký xác nhận việc xếp hàng hóa vào Giấy vận tải theo quy định. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%. 3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100%.	11. Sửa đổi, bổ sung Điều 16 như sau: “Điều 16. Vi phạm quy định về xếp hàng hóa lên xe ô tô trong vùng đất cảng 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 10% đến 50%; riêng với xe xi téc chở chất lỏng, trên 20% đến 50%; b) Xếp hàng hóa lên xe ô tô mà không ký xác nhận việc xếp hàng hóa vào Giấy vận tải theo quy định. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.” 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100%. 4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm chất xếp hàng siêu trường, siêu trọng lên phương tiện không có Giấy	- Sửa điểm a khoản 1 cho thống nhất với quy định tại Nghị định số 100/2019/NĐ-CP của Chính phủ; - Tăng mức phạt tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 theo dự thảo sửa đổi tại khoản 3, khoản 5 Điều 28 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP. - Bổ sung khoản 4: bổ sung hành vi chất xếp hàng siêu trường, siêu

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải hạ phần hàng xếp vượt quá tải trọng cho phép chở của xe ô tô trong trường hợp xe ô tô được xếp hàng chưa rời khỏi khu vực xếp hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.	<i>phép lưu hành, Giấy phép lưu hành hết hạn sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.</i> 5. Hình phạt bổ sung: Tịch thu Giấy phép lưu hành đã hết giá trị sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải hạ phần hàng xếp vượt quá trọng tải cho phép chở của xe ô tô trong trường hợp xe ô tô được xếp hàng chưa rời khỏi khu vực xếp hàng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.”	trọng. - Bổ sung khoản 5 theo quy định bổ sung tại khoản 4 dự thảo nghị định.
Điều 17. Vi phạm quy định đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô trong vùng đất cảng 1. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/giờ đến dưới 10 km/giờ. 2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí thở; b) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/giờ đến 20 km/giờ.	12. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau: “Điều 17. Vi phạm quy định đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô trong vùng đất cảng 1. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 05 km/giờ đến dưới 10 km/giờ. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/giờ đến 20 km/giờ. 3. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương	- Sửa đổi, bổ sung Điều 17 điều chỉnh mức phạt và hình thức xử phạt bổ sung với mức phạt và hình thức xử phạt bổ sung quy định tại Điều 5 Nghị định số 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt đối với cùng một hành vi vi phạm để đảm bảo tính

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/giờ đến 35 km/giờ. 4. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở; b) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/giờ. 5. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 mà gây tai nạn giao thông hoặc hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này; e) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời	tự ô tô chạy quá tốc độ trên 20 km/giờ đến 35 km/giờ; b) Điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí thở. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/giờ. 5. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở. 6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với người điều khiển ô tô và các loại phương tiện tương tự ô tô mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe có thời hạn từ 02 tháng đến 04 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3, khoản 4 Điều này; c) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ có thời hạn 10 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;	đồng nhất giữa các quy định của pháp luật.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hạn từ 03 tháng đến 05 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này; d) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ có thời hạn 04 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.	<i>d) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ có thời hạn 16 tháng đến 18 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này;</i> <i>d) Tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ có thời hạn 22 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 6 Điều này.”</i>	
Điều 18. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do hoạt động khai thác cảng biển 1. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. 2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí phương tiện, thiết bị để tiếp nhận rác thải, nước thải và chất lỏng độc hại khác từ tàu thuyền theo quy định. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	Bãi bỏ Điều 18	Chuyển nội dung Điều 18 xuống Mục 11 dự thảo Nghị định. Nội dung khoản 1 chuyển xuống khoản 2 Điều 57 dự thảo; nội dung khoản 2 chuyển xuống khoản 3 Điều 58a.
Điều 20. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận và điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, cho mượn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh khai thác cảng biển	13. Sửa đổi, bổ sung Điều 20 như sau: “Điều 20. Vi phạm quy định về sử dụng giấy chứng nhận và điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, <i>mượn</i>, cho mượn giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000	Sửa đổi Khoản 3 cho phù hợp với Nghị định số

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
không đúng giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định; c) Không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; d) Không có đủ cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển hoặc không có hợp đồng thuê kho, bãi với thời gian thuê kho, bãi tối thiểu là 05 năm đối với trường hợp cảng biển không có đủ kho, bãi theo quy định; đ) Không có đủ phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định; e) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại khu vực cảng biển theo quy định; g) Kinh doanh khai thác cảng biển không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển;	đồng đối với hành vi kinh doanh khai thác cảng biển không đúng giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không có phương án bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động theo quy định; b) Không có đủ điều kiện an toàn về phòng cháy, chữa cháy hoặc không có phương án chữa cháy theo quy định; c) Không có đủ hồ sơ về bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; d) Không có đủ cơ sở vật chất, kho, bãi, trang thiết bị cần thiết phù hợp theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng biển hoặc không có hợp đồng thuê kho, bãi đối với trường hợp cảng biển không có đủ kho, bãi theo quy định; đ) Không có đủ phương tiện tiếp nhận, thu hồi các chất thải từ tàu để xử lý theo quy định; e) Không có đủ nhân lực hoặc hệ thống, công trình hoặc thiết bị quản lý, xử lý chất thải phát sinh tại khu vực cảng biển theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Kinh doanh khai thác cảng biển không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai	147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018. - Chuyển hành vi tại điểm g khoản 3 xuống điểm a khoản 4.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
b) Cố tình sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Tịch thu giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.	thác cảng biển; c) Sử dụng một trong các <i>giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp</i> trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này; b) Tịch thu <i>các giấy chứng nhận, giấy xác nhận, giấy phép, văn bản cho phép, chứng chỉ, giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển</i> và giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh khai thác cảng biển đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều này.”	- Tiếp thu ý kiến góp ý của Bộ Tư pháp, sửa điểm b khoản 5.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 21. Vi phạm quy định về công khai thông tin về giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không niêm yết giá vận chuyển bằng đường biển, phụ thu, giá dịch vụ tại cảng biển trên trang thông tin điện tử hoặc tại trụ sở của doanh nghiệp theo quy định; b) Niêm yết giá vận chuyển bằng đường biển, phụ thu, giá dịch vụ tại cảng biển không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng. 2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần, tái phạm.	14. Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau: “Điều 21. Vi phạm quy định về niêm yết thông tin về giá, phụ thu ngoài giá dịch vụ vận chuyển hàng hóa Công-te-nơ bằng đường biển, giá dịch vụ tại cảng biển <i>Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:</i> <i>1. Không niêm yết giá vận chuyển bằng đường biển, phụ thu, giá dịch vụ tại cảng biển hoặc niêm yết không đúng theo quy định;</i> <i>2. Không thông báo bằng văn bản tới Cục Hàng hải Việt Nam về địa chỉ trang thông tin điện tử nơi niêm yết theo quy định;</i> <i>3. Không cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ số liệu, tài liệu có liên quan theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi có yêu cầu.”</i>	- Sửa tên Điều theo quy định tại Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016. - Bổ sung hành vi tại điểm b khoản 1 theo quy định tại Nghị định số 146/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016. - Bỏ khoản 2 tại Nghị định số 142/2017/NĐ-CP vì trường hợp vi phạm nhiều lần và tái phạm đã được quy định là tính tiết tăng nặng tại Luật xử lý vi phạm hành chính.
Điều 22. Vi phạm quy định về kê khai giá dịch vụ tại cảng biển 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi kê khai không đủ các nội dung của văn bản kê khai giá sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền tiếp nhận kê khai giá đã có văn bản nhắc nhở, yêu cầu nộp lại văn bản kê khai giá. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:	Bãi bỏ Điều 22	Bãi bỏ Điều 22 vì các hành vi vi phạm về kê khai giá được quy định tại Luật Giá và đã được quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
a) Không thông báo bằng văn bản về mức giá điều chỉnh tăng hoặc giảm cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong các trường hợp phải thực hiện thông báo giá theo quy định của pháp luật về giá; b) Áp dụng mức giá kê khai không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về giá kể từ ngày thực hiện kê khai giá với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.		24/9/2013 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí.
Điều 23. Vi phạm quy định về giá dịch vụ tại cảng biển 1. Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp dịch vụ tại cảng biển không đúng với mức giá cụ thể hoặc không nằm trong khung giá hoặc cao hơn mức giá tối đa hoặc thấp hơn mức giá tối thiểu do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc trả lại cho khách hàng toàn bộ tiền chênh lệch do bán cao hơn mức giá quy định và mọi chi phí phát sinh do hành vi vi phạm gây ra tại khoản 1 Điều này, trong trường hợp khó thực hiện hoặc không xác định được khách hàng để trả lại thì nộp toàn bộ số tiền chênh lệch vào ngân sách nhà nước.	Bãi bỏ Điều 23	Bãi bỏ Điều 23 vì các hành vi vi phạm về kê khai giá được quy định tại Luật Giá và đã được quy định tại Nghị định số 109/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giá, phí, lệ phí.
Mục 2. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ XÂY DỰNG, QUẢN LÝ KHAI THÁC CẢNG CẠN		
Điều 24. Vi phạm quy định về đầu tư xây dựng cảng cạn 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này		

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công sai vị trí được phép; b) Thi công quá thời gian quy định ghi trong giấy phép thi công hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền; c) Không thu dọn, thanh thải chướng ngại vật phát sinh trong quá trình thi công sau khi công trình đã hoàn thành; d) Không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. 3. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức thi công công trình thuộc trường hợp phải lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình hoặc lập dự án đầu tư xây dựng công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định. 4. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thi công công trình khi chưa có giấy phép hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền và để xảy ra tai nạn; b) Thi công sai vị trí được phép và để xảy ra tai nạn; c) Không có hoặc không thực hiện đầy đủ phương án bảo đảm an toàn đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến xảy ra tai nạn; d) Kết cấu hạ tầng cảng cạn được đầu tư xây	Khoản 5: Thay cụm từ “tháo dỡ” thành “phá dỡ”.	Sửa theo Luật Xử lý vi phạm hành chính sửa đổi năm 2020

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
dụng không phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với cảng cạn để thực hiện các chức năng của cảng cạn. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng trái phép đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, b khoản 2; khoản 3; điểm a, b khoản 4 Điều này.		
Điều 25. Vi phạm quy định về công bố mở cảng cạn 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi cố tình khai báo sai lệnh thông tin trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng cạn. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố tình sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ đề nghị công bố mở cảng cạn.		
Điều 26. Vi phạm quy định về đặt tên, đổi tên cảng cạn 1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi tự ý đặt tên, đổi tên cảng cạn không đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố. 2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thay đổi, sửa chữa tên cảng cạn đúng với tên do cơ quan có thẩm quyền công bố đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.		
Điều 27. Vi phạm quy định về cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng cạn 1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê lại kết cấu hạ tầng cảng	Bãi bỏ Điều 27	Bãi bỏ điều này vì Kết cấu hạ tầng cảng cạn đều do doanh nghiệp đầu tư,

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
cạn khi chưa có văn bản chấp thuận của bên cho thuê. 2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi bên thuê lại cho thuê kết cấu hạ tầng cảng cạn được thuê. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số tiền bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.		hoạt động quản lý, khai thác và cho thuê theo hợp đồng.
Mục 3. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN	15. Sửa đổi, bổ sung tên Mục 3 Chương II như sau: “Mục 3. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN”	Sửa đổi tên Mục e, bỏ cụm từ “<i>tại cảng biển</i>” vì hiện nay có nhiều hành vi vi phạm ngoài cảng biển nhưng cần xử lý vi phạm khi tàu thuyền về cảng biển
Điều 31. Vi phạm quy định về thủ tục đến cảng biển hoặc quá cảnh 1. Đối với hành vi vi phạm của tàu thuyền khi đến cảng hoặc quá cảnh không thực hiện việc thông báo, xác báo theo quy định hoặc thực hiện việc thông báo, xác báo chậm hơn thời gian quy định; tàu thuyền đến vị trí dự kiến đến cảng hoặc đến vị trí đón, trả hoa tiêu để vào cảng hoặc quá cảnh chậm hơn thời gian đã xác báo; tàu thuyền đến cảng không thực hiện khai báo an ninh tàu biển cho Cảng vụ hàng hải theo quy định hoặc thực hiện việc khai báo an ninh tàu biển chậm hơn thời gian quy định sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT;		

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
b) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; c) Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên. 2. Đối với hành vi tàu thuyền đến cảng hoặc quá cảnh mà không làm thủ tục theo quy định sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT; b) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; c) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.		
Điều 32. Vi phạm quy định về thủ tục vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đủ hoặc sai một trong các thông tin trong thông báo, xác báo tàu đến, rời cảng hoặc bản khai chung hoặc danh sách thuyền	16. Sửa đổi, bổ sung Điều 32 như sau: “Điều 32. Vi phạm quy định về thủ tục vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi khai báo không đủ hoặc sai một trong các thông tin trong thông báo, xác báo tàu đến,	- Sửa đổi, bổ sung Điều 32: tăng mức xử phạt để tăng tính răn đe, hạn chế hành vi vi phạm xảy ra; bổ sung những hành vi vi

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
viên, danh sách hành khách theo quy định. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh chậm hơn thời gian quy định. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thiếu một trong các giấy tờ khi làm thủ tục vào, rời cảng hoặc quá cảnh theo quy định; b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ giấy tờ về hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển trên tàu theo quy định; c) Không có bản chính hoặc bản sao công chứng bảo lãnh ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với tàu biển để chi trả chi phí hồi hương cho thuyền viên theo quy định; d) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về vũ khí, vật liệu nổ, người trốn trên tàu theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi tự ý bóc dỡ hàng hóa hoặc cho thuyền viên, hành khách hoặc những người không có nhiệm vụ lên tàu trước khi tàu làm xong thủ tục nhập cảnh hoặc rời tàu sau khi đã làm xong thủ tục xuất cảnh theo quy định.	rời cảng hoặc bản khai chung hoặc danh sách thuyền viên, danh sách hành khách theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Làm thủ tục cho tàu thuyền vào, rời cảng biển hoặc quá cảnh chậm hơn thời gian quy định; b) Không làm thủ tục cấp lại Giấy phép rời cảng cho tàu thuyền hết hiệu lực theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Trong thời gian quy định, không cung cấp được một trong các giấy chứng nhận, tài liệu, giấy tờ hoặc cung cấp giấy chứng nhận, tài liệu, giấy tờ không phù hợp khi làm thủ tục vào, rời cảng hoặc quá cảnh; b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ giấy tờ về hàng hóa nguy hiểm được vận chuyển trên tàu theo quy định; c) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ các tài liệu, giấy chứng nhận về ngăn ngừa ô nhiễm môi trường; tài liệu, giấy chứng nhận về quản lý nước dằn tàu; hệ thống chống hà theo quy định; d) Không có bản chính hoặc bản sao chứng thực bảo lãnh ngân hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với tàu biển để chi trả chi phí hồi hương cho thuyền viên theo quy định; đ) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ thông tin về vũ khí, vật liệu nổ, người trốn trên tàu theo quy định; e) Tự ý bóc dỡ hàng hóa hoặc cho thuyền viên,	phạm đã được quy định nhưng chưa có chế tài xử phạt. - Sửa điểm a khoản 3, gộp nội dung của điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 142/2017/NĐ-CP. - Bổ sung hành vi không cung cấp các tài liệu, giấy chứng nhận về môi trường theo quy định cho đầy đủ hành vi.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
5. Đối với hành vi không có giấy phép rời cảng cuối cùng theo quy định hoặc có rời cảng khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên. 6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi của tàu thuyền nước ngoài tham gia vận tải nội địa hoặc thực hiện các hoạt động đặc thù khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các	hành khách hoặc những người không có nhiệm vụ lên tàu trước khi tàu làm xong thủ tục nhập cảnh hoặc rời tàu sau khi đã làm xong thủ tục xuất cảnh theo quy định. 4. Đối với hành vi không có Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính còn hiệu lực theo quy định đối với tàu thuyền chở khách, chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách dưới 50 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích dưới 200 GT; b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 50 người đến dưới 100 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; c) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 100 người đến dưới 300 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 300 người trở lên; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên. 5. Đối với hành vi không có giấy phép rời cảng	- Bổ sung khoản 4: chuyển nội dung từ khoản 4 Điều 40 Nghị định số 142/2017/NĐ-CP lên khoản 4 Điều 32 cho phù hợp.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
khoản tiền liên quan khác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.	cuối cùng theo quy định hoặc rời cảng khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên. 6. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi của tàu thuyền nước ngoài tham gia vận tải nội địa hoặc thực hiện các hoạt động đặc thù khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 01 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khai báo bổ sung và đính chính thông tin đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này; b) Buộc thanh toán phí, lệ phí hàng hải và các khoản tiền liên quan khác theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này.”	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 35. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường do tàu thuyền gây ra 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không trang bị các thiết bị chứa, phân loại rác theo quy định hoặc không dự trữ rác đúng nơi quy định; b) Gỡ ri, sơn tàu thuyền khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không bố trí hoặc bố trí người trực không đủ tiêu chuẩn để tiếp nhận nhiên liệu trên tàu. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Bơm, xả các loại rác hoặc nước bẩn tàu, nước có cặn bẩn từ tàu xuống cầu cảng hoặc vùng nước cảng biển không đúng quy định; b) Tiến hành bơm chuyển nhiên liệu giữa tàu thuyền và phương tiện khác khi chưa được phép của Cảng vụ hàng hải theo quy định; c) Không có đủ các trang thiết bị phân ly dầu nước theo quy định hoặc có trang thiết bị nhưng không sử dụng được; d) Không chấp hành một trong những quy trình, quy tắc an toàn kỹ thuật khi tiếp nhận nhiên liệu; đ) Cho tàu thuyền khác cập mạn khi đang trong quá trình tiếp nhận nhiên liệu giữa hai tàu; e) Sử dụng lò đốt rác, lò đốt chất thải trong khu vực cảng biển hoặc sử dụng dầu nhiên liệu chạy máy	Bãi bỏ Điều 35	Chuyển nội dung xuống Mục 11 dự thảo Nghị định, Điều 58b

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
chính, máy đèn có hàm lượng lưu huỳnh vượt quá chỉ số mức Nox, SO₂ cho phép. 4. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 90.000.000 đồng đối với hành vi đổ bùn, đất, chất thải từ nạo vét không đúng vị trí quy định. 5. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi đổ bùn đất, chất thải từ nạo vét không đúng vị trí quy định trong phạm vi luồng hàng hải, vùng nước trước cầu, bến cảng, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng đón trả hoa tiêu, vùng kiểm dịch. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc thực hiện những biện pháp khắc phục ô nhiễm môi trường theo quy định đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3; khoản 4 và khoản 5 Điều này.		
Mục 4. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ TÀU THUYỀN VÀ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN; SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN, SỐ THUYỀN VIÊN	17. Sửa đổi tên Mục 4 Chương II như sau: “Mục 4. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ, XÓA ĐĂNG KÝ TÀU BIỂN, TÀU BIỂN CÔNG VỤ, TÀU NGẦM, TÀU LẶN, KHO CHỨA NỔ, GIẢN KHOAN DI ĐỘNG VÀ BỐ TRÍ THUYỀN VIÊN TRÊN TÀU THUYỀN; SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ	Sửa đổi, bổ sung tên mục 4, bổ sung cụm từ “xóa đăng ký”; sửa “tàu thuyền” thành “tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	CHUYÊN MÔN, SỐ THUYỀN VIÊN	nổi, giàn di động”
Điều 40. Vi phạm quy định về đăng ký tàu thuyền 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Đăng ký tàu thuyền không đúng thời hạn theo quy định; b) Thiếu một trong các loại giấy chứng nhận, tài liệu của tàu thuyền hoặc một trong các loại giấy chứng nhận, tài liệu đó hết giá trị sử dụng. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Khai thác tàu thuyền khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu thuyền; b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ tàu thuyền theo quy định khi tàu thuyền đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu; c) Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định khi tàu thuyền có sự thay đổi tên tàu, địa chỉ chủ tàu, thông số kỹ thuật, công dụng của tàu thuyền, tổ chức đăng kiểm tàu biển; d) Không thực hiện xóa đăng ký tàu theo quy định. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn một trong các giấy chứng nhận của tàu thuyền; b) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận của	18. Sửa đổi, bổ sung Điều 40 như sau: “Điều 40. Vi phạm quy định về đăng ký, xóa đăng ký; sử dụng các giấy chứng nhận của tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện đăng ký thay đổi theo quy định; b) Không thực hiện đăng ký thay đổi chủ sở hữu sau khi đã được mua, bán, chuyển quyền sở hữu; c) <i>Không thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận định biên an toàn tối thiểu khi thay đổi doanh nghiệp quản lý, khai thác;</i> d) Khai báo sai lệch thông tin; sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa <i>hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp</i> trong hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận; <i>đ) Chủ tàu biển Việt Nam không gửi bản sao Giấy chứng nhận đăng ký về Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia Việt Nam để quản lý khi tàu biển đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài;</i> e) <i>Không đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với tàu biển được mua, đóng mới của doanh nghiệp nhà nước hoặc doanh nghiệp có vốn góp của nhà nước;</i> g) Không thực hiện xóa đăng ký theo quy định. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000	- Bỏ điểm a khoản 1 Điều 40 do không có quy định về đăng ký tàu thuyền không đúng; - Chuyển điểm b khoản 1 lên Điều 32 dự thảo Nghị định. - Sắp xếp lại nội dung Điều 40, sửa mức phạt đối với các hành vi cho phù hợp. - Bổ sung điểm d khoản 1 theo phụ lục 14 Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT. - Bổ sung điểm e, g khoản 1; theo quy định tại Điều 30 Nghị định 171/2016/NĐ-CP

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
tàu thuyền khác, giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa sai lệch nội dung hoặc giấy chứng nhận giả; c) Cố tình khai báo sai lệnh thông tin; sử dụng giấy tờ tẩy xóa, sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận của tàu thuyền. 4. Đối với hành vi không có hoặc có giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính đối với tàu thuyền chở khách, chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác nhưng đã hết hạn sử dụng theo quy định sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách dưới 50 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích dưới 200 GT; b) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 50 người đến dưới 100 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; e) Phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 100 người đến dưới 300 người; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với tàu thuyền chở khách từ 300 người trở lên; tàu thuyền chở dầu mỏ, chế phẩm từ dầu mỏ hoặc các hàng hóa nguy hiểm khác có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.	<i>đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:</i> a) Khai thác <i>tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động</i> khi chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký; b) Sử dụng một trong các giấy chứng nhận của <i>tàu biển, tàu biển công vụ, tàu ngầm, tàu lặn, kho chứa nổi, giàn khoan di động</i> khác hoặc giấy chứng nhận bị tẩy xóa, sửa chữa sai lệch nội dung hoặc giấy chứng nhận <i>không do cơ quan có thẩm quyền cấp.</i> <i>3. Hình thức xử phạt bổ sung:</i> Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm <i>d khoản 1</i> và điểm b khoản 2 Điều này. <i>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</i> a) Buộc làm thủ tục đăng ký mang cờ quốc tịch Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm tại <i>điểm e khoản 1</i> Điều này. b) Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại <i>điểm g khoản 1</i> Điều này.”	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 3 Điều này. 6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc làm thủ tục xóa đăng ký tàu theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.		
Điều 41. Vi phạm quy định về niên hạn sử dụng của phương tiện thủy nội địa khi vào, rời và hoạt động tại cảng biển 1. Đối với hành vi khai thác tàu thuyền quá niên hạn sử dụng sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 45.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng đối với phương tiện chở hàng nguy hiểm, chở dầu, chở khí hóa lỏng, tàu đệm khí; b) Phạt tiền từ 55.000.000 đồng đến 65.000.000 đồng đối với phương tiện chuyên vận tải hành khách có sức chở trên 12 người mà không phải là tàu thủy lưu trú du lịch ngủ đêm, khách sạn nổi, nhà hàng nổi, tàu đệm khí; c) Phạt tiền từ 65.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với nhà hàng nổi, khách sạn nổi, phương tiện lưu trú du lịch ban đêm. 2. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng bằng thuyền trưởng hoặc giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 02 tháng đến 03 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	Bãi bỏ Điều 41	Bãi bỏ điều này vì đã được quy định tại Nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực ĐTNĐ.
Điều 42. Vi phạm quy định về bố trí thuyền viên, cấp và sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên	19. Sửa đổi, bổ sung Điều 42 như sau: “Điều 42. Vi phạm quy định về bố trí thuyền viên, sử dụng chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ	- Sửa đổi tên Điều 42 và các khoản cho đầy đủ và phù hợp với quy định tại

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không ghi hoặc ghi không đầy đủ thông tin trong sổ thuyền viên hoặc không khai báo hoặc khai báo không đầy đủ thông tin vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Bố trí thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên hoặc có chứng chỉ hành nghề nhưng hết hiệu lực hoặc bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với chứng chỉ hành nghề của thuyền viên; b) Giao nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không phù hợp với chức danh trong sổ thuyền viên trái quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên giả mạo hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung trái quy định; b) Sử dụng chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên của người khác để làm việc trên tàu; c) Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên. 5. Hình thức xử phạt bổ sung:	hành nghề, sổ thuyền viên trên tàu biển: 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây: a) Không ghi hoặc ghi không đầy đủ, chính xác thông tin trong sổ thuyền viên theo quy định; b) Không mang theo đầy đủ chứng chỉ hành nghề, chứng chỉ chuyên môn, sổ thuyền viên khi làm việc trên tàu biển theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Bố trí thuyền viên làm việc trên tàu thuyền không có đủ chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên hoặc có chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề nhưng hết hiệu lực hoặc bố trí chức danh thuyền viên không phù hợp với chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề của thuyền viên; b) Giao nhiệm vụ cho thuyền viên làm việc trên tàu biển không phù hợp với chức danh trong sổ thuyền viên trái quy định; c) Không thực hiện việc khai báo hoặc khai báo không chính xác thông tin xuống, rời tàu và việc bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn chứng chỉ chuyên môn, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:	Thông tư 03/2020/TT-BGTVT và Thông tư 40/2019/TT-BGTT. - Bổ sung các hành vi vi phạm cho đầy đủ, theo quy định tại Thông tư số 03/2020/TT-BGTVT.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này; b) Tịch thu chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.	a) Sử dụng <i>chứng chỉ chuyên môn</i>, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên <i>không do cơ quan có thẩm quyền cấp</i> hoặc đã bị sửa chữa, tẩy xóa; b) Sử dụng <i>chứng chỉ chuyên môn</i>, chứng chỉ hành nghề, sổ thuyền viên của người khác để làm việc trên tàu; c) Khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, hoặc <i>không do cơ quan có thẩm quyền cấp</i> trong hồ sơ <i>đề nghị</i> cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề, <i>chứng chỉ chuyên môn</i>, sổ thuyền viên. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề, <i>chứng chỉ chuyên môn</i> có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều này; b) Tịch thu chứng chỉ hành nghề, <i>chứng chỉ chuyên môn</i>, sổ thuyền viên đối với hành vi vi phạm quy định tại <i>khoản 4</i> Điều này. <i>6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khai báo đầy đủ, chính xác thông tin xuống, rời tàu và bố trí chức danh cho thuyền viên bằng phương thức điện tử vào Cơ sở dữ liệu quản lý thuyền viên của Cục Hàng hải Việt Nam theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm c khoản 2 Điều này.</i>	- Bổ sung cho phù hợp với hành vi vi phạm bổ sung tại điểm c khoản 2 Điều này.
Mục 5. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOA TIÊU HÀNG HẢI		
Điều 43. Vi phạm quy định về sử dụng hoa tiêu hàng hải của tàu thuyền 1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với hành vi tàu thuyền không treo cờ hiệu	Bỏ khoản 1 Điều 43	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hoặc sử dụng đèn hiệu theo quy định khi xin hoa tiêu hoặc khi hoa tiêu có mặt trên tàu. 2. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không thông báo hoặc thông báo không chính xác cho hoa tiêu hàng hải biết về đặc điểm và tính năng điều động của tàu thuyền; b) Không có thang hoa tiêu hoặc thang hoa tiêu không bảo đảm an toàn theo quy định hoặc thang hoa tiêu được bố trí tại nơi không phù hợp hoặc không có các biện pháp bảo đảm an toàn khác cho hoa tiêu lên, rời tàu; c) Đình chỉ hoặc yêu cầu thay thế hoa tiêu mà không có lý do chính đáng; d) Đón trả hoa tiêu không đúng địa điểm theo quy định. 3. Đối với hành vi điều khiển tàu vào, rời cảng và di chuyển mà không sử dụng hoa tiêu hàng hải theo quy định sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 1.000 GT; b) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 1.000 GT đến dưới 3.000 GT; c) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT trở lên.		
Điều 44. Vi phạm quy định về điều động và bố trí hoa tiêu hàng hải	20. Sửa đổi, bổ sung Điều 44 như sau: “Điều 44. Vi phạm quy định về điều động và	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Gửi kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày chậm hơn thời gian quy định hoặc không thông báo về sự thay đổi đột xuất kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu cho Cảng vụ hàng hải; b) Bố trí hoa tiêu không đúng với kế hoạch điều động của Cảng vụ hàng hải mà không báo trước cho Cảng vụ hàng hải biết. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu không phù hợp với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải; b) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao mà không có lý do chính đáng. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng hoặc không bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu không bảo đảm điều kiện an toàn. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ một phần hoạt động dẫn tàu của tổ chức hoa tiêu có thời hạn từ 03 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm	bổ trí hoa tiêu hàng hải 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Gửi kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu hàng ngày chậm hơn thời gian quy định hoặc không thông báo về sự thay đổi đột xuất kế hoạch hoa tiêu dẫn tàu cho Cảng vụ hàng hải; b) Bố trí hoa tiêu không đúng với kế hoạch điều động của Cảng vụ hàng hải mà không báo trước cho Cảng vụ hàng hải biết. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu có giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải không phù hợp; b) Không cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao mà không có lý do chính đáng. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng hoặc không bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu không bảo đảm điều kiện an toàn. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không có đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc bố trí hoa tiêu hàng hải dẫn tàu phù hợp	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
quy định tại khoản 4 Điều này.	<i>với giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải hoặc giấy chứng nhận vùng hoạt động của hoa tiêu hàng hải đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 2 Điều này;</i> <i>b) Buộc cung cấp đầy đủ, kịp thời dịch vụ hoa tiêu dẫn tàu trong vùng hoa tiêu hàng hải bắt buộc hoặc trên tuyến dẫn tàu được giao đối với hành vi vi phạm tại điểm b khoản 2 Điều này;</i> <i>c) Buộc sử dụng hoặc bố trí đủ phương tiện đưa, đón hoa tiêu theo quy định hoặc sử dụng phương tiện đưa, đón hoa tiêu bảo đảm điều kiện an toàn đối với hành vi vi phạm tại khoản 3 Điều này;</i> <i>d) Buộc bố trí đủ số lượng hoa tiêu hoặc phương tiện tối thiểu theo quy định đối với hành vi vi phạm tại khoản 4 Điều này.”</i>	
Điều 45. Vi phạm quy định trong khi dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây của hoa tiêu: a) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải khi phát hiện tai nạn, sự cố hay những thay đổi của luồng hàng hải và báo hiệu hàng hải trong thời gian dẫn tàu; b) Không thông báo, xác báo cho Cảng vụ hàng hải về thời gian, địa điểm lên tàu, rời tàu hoặc tình hình dẫn tàu theo quy định; c) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải việc tàu thuyền chạy quá tốc độ cho phép tại khu vực có quy định giới hạn tốc độ và chạy ngược chiều	21. Sửa đổi, bổ sung Điều 45 như sau: “Điều 45. Vi phạm quy định trong khi dẫn tàu của hoa tiêu hàng hải 1. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây của hoa tiêu: a) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải khi phát hiện tai nạn, sự cố hay những thay đổi của luồng hàng hải và báo hiệu hàng hải trong thời gian dẫn tàu; b) Không thông báo, xác báo cho Cảng vụ hàng hải về thời gian, địa điểm lên tàu, rời tàu hoặc tình hình dẫn tàu theo quy định; c) Không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải việc tàu thuyền chạy quá tốc độ cho phép tại khu vực có quy định giới hạn tốc độ và chạy ngược chiều	- Sửa đổi, bổ sung Điều 45, tăng mức phạt và hình thức xử phạt bổ sung; điều chỉnh các hành vi vi phạm về nồng độ cồn theo Nghị định số 100/2019/NĐ-CP.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
tại luồng một chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt; d) Lên tàu chậm hơn thời gian quy định hoặc lên, xuống tàu không đúng địa điểm quy định mà không có lý do chính đáng; đ) Dẫn tàu vào, rời cảng hoặc di chuyển không đúng theo kế hoạch điều động tàu của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng với tàu được phân công dẫn mà không có lý do chính đáng; e) Tự ý rời tàu khi chưa có sự đồng ý của thuyền trưởng; g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn tàu. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Hoa tiêu hàng hải dẫn tàu vào neo đậu, cập cầu hoặc di chuyển trong vùng nước cảng khi chưa có lệnh điều động hoặc sai vị trí chỉ định của Cảng vụ hàng hải; b) Từ chối dẫn tàu mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải hoặc tổ chức hoa tiêu hàng hải về việc từ chối dẫn tàu; c) Tự ý dẫn tàu không đúng tuyến luồng hàng hải đã được công bố; d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng; đ) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất	tại luồng một chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt; d) Lên tàu chậm hơn thời gian quy định hoặc lên, xuống tàu không đúng địa điểm quy định mà không có lý do chính đáng; đ) Dẫn tàu vào, rời cảng hoặc di chuyển không đúng theo kế hoạch điều động tàu của Cảng vụ hàng hải hoặc không đúng với tàu được phân công dẫn mà không có lý do chính đáng; e) Tự ý rời tàu khi chưa có sự đồng ý của thuyền trưởng; g) Không sử dụng trang phục hoa tiêu theo quy định khi dẫn tàu. 2. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm: Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/01 lít khí hoặc có sử dụng các chất kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Hoa tiêu hàng hải dẫn tàu vào neo đậu, cập cầu hoặc di chuyển trong vùng nước cảng khi chưa có lệnh điều động hoặc sai vị trí chỉ định của Cảng vụ hàng hải; b) Từ chối dẫn tàu mà không có lý do chính đáng hoặc không thông báo kịp thời cho Cảng vụ hàng hải hoặc tổ chức hoa tiêu hàng hải về việc từ chối dẫn tàu; c) Tự ý dẫn tàu không đúng tuyến luồng hàng	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
kích thích khác mà luật cấm sử dụng khi dẫn tàu. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải nghiêm trọng; b) Chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép từ 01 hải lý/giờ đến 02 hải lý/giờ. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng; b) Chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép trên 02 hải lý/giờ hoặc chạy ngược chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này; b) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải của hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm được quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.	hải đã được công bố; d) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải ít nghiêm trọng. 4. Phạt tiền từ 16.000.000 đồng đến 18.000.000 đồng đối với hành vi <i>hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 50 miligam đến 80 miligam /100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/01 lít khí thở khi dẫn tàu.</i> 5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải nghiêm trọng; b) Hoa tiêu chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép từ 01 hải lý/giờ đến 02 hải lý/giờ. 6. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Hoa tiêu dẫn tàu có lỗi dẫn đến tai nạn hàng hải đặc biệt nghiêm trọng; b) Hoa tiêu chỉ dẫn cho thuyền trưởng điều động tàu thuyền được dẫn chạy quá tốc độ cho phép trên 02 hải lý/giờ hoặc chạy ngược chiều hoặc tránh vượt nhau tại khu vực cấm tránh vượt. c) Hoa tiêu có nồng độ cồn trong máu hoặc hơi thở vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/01 lít khí thở khi dẫn tàu. 7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>được quy định tại khoản 2 và điểm a khoản 5 Điều này;</i> <i>b) Trước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 06 tháng đến 09 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 4 và điểm a khoản 6 Điều này;</i> <i>c) Trước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải có thời hạn từ 09 tháng đến 12 tháng đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm c khoản 6 Điều này.”</i>	
Mục 6. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VẬN TẢI BIỂN, VẬN TẢI ĐA PHƯƠNG THỨC, DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI BIỂN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ BẢO ĐẢM AN TOÀN HÀNG HẢI		

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 46. Vi phạm quy định về sử dụng giấy phép và điều kiện kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không đúng nội dung ghi trong giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển không đúng nội dung ghi trong giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển không có giấy chứng nhận do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; c) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển nhưng không đáp ứng các điều kiện theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy	22. Sửa đổi, bổ sung Điều 46 như sau: “Điều 46. Vi phạm quy định về điều kiện kinh doanh vận tải biển, vận tải đa phương thức và dịch vụ hỗ trợ vận tải biển 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi mua, bán, thuê, cho thuê, mượn, cho mượn giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh vận tải đa phương thức không đúng nội dung ghi trong giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định. 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Kinh doanh vận tải đa phương thức không có giấy phép do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Kinh doanh dịch vụ vận tải biển, dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ lai dắt tàu biển nhưng không đáp ứng các điều kiện theo quy định. 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi tiếp tục hoạt động kinh doanh khi đã bị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đình chỉ hoạt động kinh doanh, tước quyền sử dụng giấy phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện;	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
phép hoặc giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh. 5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung ghi trong giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện; b) Cố tình sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc giả mạo trong hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm; b) Tước quyền sử dụng giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm; c) Tịch thu giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.	b) Sử dụng một trong các giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa hoặc <i>không do cơ quan có thẩm quyền cấp</i> trong hồ sơ xin cấp giấy phép kinh doanh, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với dịch vụ kinh doanh có điều kiện. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép kinh doanh có thời hạn từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này trong trường hợp vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm; b) Tịch thu giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 5 Điều này.”	
Điều 48. Vi phạm quy định về trách nhiệm của chủ tàu, người quản lý, khai thác tàu đối với tàu thuyền và thuyền viên 1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định;	23. Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 và điểm e vào sau điểm đ khoản 5 Điều 48 như sau:	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
b) Không bố trí cho thuyền viên nghỉ đủ số ngày nghỉ hằng năm theo quy định; c) Không thực hiện khai báo, điều tra, thống kê, báo cáo tai nạn lao động hàng hải và bệnh nghề nghiệp theo quy định. 2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực, thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định; b) Không cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương theo quy định; c) Không thanh toán phần chi phí đồng chi trả và những chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả gồm điều trị y tế, phẫu thuật, nằm viện, các loại thuốc, trang thiết bị điều trị cần thiết, chi phí ăn, ở của thuyền viên từ khi sơ cứu đến khi thuyền viên bình phục hoặc đến khi xác định là mãn tính; không trả đủ tiền lương ghi trong hợp đồng lao động thuyền viên trong thời gian điều trị; d) Không thanh toán chi phí mai táng trong trường hợp thuyền viên bị tử vong trên tàu hoặc trên bờ trong thời gian đi tàu; đ) Không mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu theo quy định. 3. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp đầy đủ nguyên, nhiên, vật liệu bảo đảm duy trì hoạt động	a) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 2 như sau: <i>“e) Không bố trí cho thuyền viên hồi hương đúng theo thời gian quy định.”</i>	- Bổ sung hành vi theo quy định tại Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 quy định chi tiết một số điều của Công ước Lao động hàng hải năm 2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
cho tàu khi đang khai thác tàu. 4. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này. 5. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc bố trí thời gian nghỉ ngơi cho thuyền viên theo quy định đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này; b) Buộc cung cấp nhu yếu phẩm, lương thực thực phẩm cho thuyền viên làm việc trên tàu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều này; c) Buộc cung cấp kinh phí cho thuyền viên hồi hương đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 Điều này; d) Buộc thực hiện trách nhiệm của chủ tàu đối với thuyền viên bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều này; đ) Buộc mua bảo hiểm bắt buộc cho thuyền viên làm việc trên tàu đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này.	b) Bổ sung điểm e vào sau điểm đ khoản 5 như sau: <i>“e. Buộc bố trí đưa thuyền viên hồi hương theo thời gian quy định tại điểm e khoản 2 Điều này”.</i>	biển. - Bổ sung hành vi khắc phục hậu quả theo hành vi bổ sung tại điểm e khoản 2 Điều này.
Điều 51. Vi phạm các quy định về hoạt động phá dỡ tàu thuyền 1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện phá dỡ tàu biển trong thời hạn quy định.	24. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 51 như sau: “1. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với mỗi hành vi sau đây: a) Không thực hiện phá dỡ tàu biển trong thời hạn quy định; <i>b) Phá dỡ từng tàu biển khi chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án phá dỡ tàu biển</i>	- Bổ sung theo quy định tại Nghị định 82/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không lập kế hoạch thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ đối với từng tàu hoặc không có hợp đồng với doanh nghiệp được phép kinh doanh dịch vụ này về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ từng tàu; b) Không bố trí các khu vực để lưu giữ an toàn các loại chất thải phát sinh từ hoạt động phá dỡ tàu thuyền trước khi xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; c) Không xây dựng phương án khắc phục sự cố về môi trường xảy ra trong hoạt động phá dỡ tàu thuyền; d) Thực hiện phá dỡ tàu thuyền khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền. 3. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với cơ sở có hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.	<i>theo quy định.”</i>	
Mục 11. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG ỨNG PHÓ SỰ CỐ TRẦN DẦU, QUẢN LÝ TIẾP NHẬN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI LỎNG CÓ DẦU TỪ TÀU BIỂN TẠI CẢNG BIỂN	Mục 8. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN CÔNG-TE-NO	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 9 Điều 10 Bộ luật Hàng hải Việt Nam
Điều 57. Vi phạm quy định về hoạt động ứng	Điều 52. Vi phạm quy định về an toàn Công-	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
phó sự cố tràn dầu 1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đầy đủ kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu; kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất độc; kế hoạch hoạt động chuyển tải dầu giữa tàu với tàu trên biển theo quy định. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng nguồn lực ứng phó sự cố tràn dầu theo quy định.	te-nơ 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không gắn Biển chứng nhận an toàn Công-te-nơ hoặc gắn biển không đúng quy cách hoặc làm sai lệch thông tin ghi trên Biển chứng nhận an toàn Công-te-nơ; b) Kích thước và nội dung của Biển chứng nhận an toàn Công-te-nơ không đầy đủ hoặc không đúng quy định; c) Không có giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho Công-te-nơ do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định hoặc giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật cho Công-te-nơ được cấp đã hết hạn sử dụng. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Công-te-nơ không được kiểm tra, bảo dưỡng đúng hạn; b) Sử dụng Công-te-nơ bị hư hỏng, có nguy cơ gây mất an toàn theo quy định. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Đình chỉ hoạt động của Công-te-nơ có thời hạn từ 02 tháng đến 06 tháng đối với các hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.	- Sửa đổi hành vi theo quy định tại Điều 46, Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021; mức phạt theo điều 33 của Nghị định số 155/2016/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường
Điều 58. Vi phạm quy định về hoạt động quản lý tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tại cảng biển 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không báo cáo kết quả giao, nhận, xử lý chất thải lỏng có dầu tới cơ quan có thẩm	Mục 9. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG TÌM KIẾM, CỨU NẠN HÀNG HẢI; TRỤC VỐT TÀI SẢN CHÌM ĐÁM VÀ BÁO HIỆU HÀNG HẢI	Nội dung Điều 58 đã được chuyển lên Điều 57

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
quyền theo quy định. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi tàu biển vào cảng biển không khai báo hoặc khai báo không đúng cho Cảng vụ hàng hải tại khu vực về số lượng nước thải lẫn dầu có trên tàu khi cập cảng. 3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển mà không có kế hoạch giao, nhận chất thải lỏng được Cảng vụ hàng hải tại khu vực chấp thuận. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cảng biển, bến cảng không trang bị phương tiện tiếp nhận hoặc trạm xử lý chất thải lỏng có dầu hoặc không có danh mục các tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu do Cảng vụ hàng hải tại khu vực cung cấp theo quy định. 5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi chuyển giao chất thải lỏng có dầu từ tàu biển tới phương tiện tiếp nhận khi chưa được chấp thuận của Cảng vụ hàng hải tại khu vực. 6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện hoạt động tiếp nhận và xử lý chất thải lỏng có dầu từ tàu biển mà không được cấp phép hành nghề theo quy định.		
	Điều 53. Vi phạm quy định về hoạt động tìm kiếm, cứu nạn hàng hải 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Phát tín hiệu cấp cứu trong khi phương tiện, con người vẫn đang trong tình trạng an toàn mà không có biện pháp cải chính ngay sau đó; b) Không cung cấp thông tin, dữ liệu về phao Cospas-Sarsat chính xác, đầy đủ và kịp thời phục vụ cho công tác tìm kiếm, cứu nạn theo quy định; c) Không tham gia diễn tập và thực hiện đầy đủ phương án phối hợp tìm kiếm, cứu nạn theo quy định. 2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không thực hiện nghĩa vụ theo quy định về tìm kiếm, cứu nạn hàng hải; b) Thực hiện chậm trễ lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền để tìm kiếm, cứu nạn theo quy định. 3. Đối với hành vi không thực hiện lệnh điều động của cơ quan có thẩm quyền để tìm kiếm, cứu nạn theo quy định sẽ bị xử phạt như sau: a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích dưới 200 GT; b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 200 GT đến dưới 500 GT; c) Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 500 GT đến dưới 3.000 GT; d) Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với tàu thuyền có tổng dung tích từ 3.000 GT	Bổ sung các hành vi quy định tại Thông tư số 41/2017/TT-BGTVT ngày 14/11/2017.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	trở lên. 4. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn của thuyền trưởng có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 và khoản 3 Điều này.	
	Điều 54. Vi phạm quy định về trục vớt tài sản chìm đắm tại cảng biển 1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo hoặc cung cấp thông tin, thông báo, báo cáo không đúng theo quy định về tài sản chìm đắm tại cảng biển. 2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không lập hoặc không trình phương án trục vớt tài sản chìm đắm đúng thời hạn theo quy định. 3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không lắp đặt hoặc lắp đặt không kịp thời báo hiệu phù hợp với vị trí tài sản bị chìm đắm; b) Thực hiện việc trục vớt hoặc kết thúc việc trục vớt tài sản bị chìm đắm quá thời gian quy định; c) Trục vớt tài sản chìm đắm khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền; d) Không bàn giao hoặc bàn giao không đầy đủ tài sản chìm đắm ngẫu nhiên trục vớt được theo quy định; đ) Không thanh toán các chi phí liên quan đến việc trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định;	- Chuyển nội dung từ Điều 35 Nghị định 142 - Giữ nguyên hành vi theo Khoản 1 Điều 35 Nghị định 142, tăng mức phạt tại khoản 1. - Khoản 5, Điều 113, Nghị định 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017. - Bổ sung điểm c theo Khoản 2 Điều 118 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. - Bổ sung điểm d theo quy định tại khoản 4 Điều 116 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP. - Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT; Các phụ lục I, II IV, V, VI Công ước Marpol; QCVN 26:2018/BGTVT.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	e) Trục vớt tài sản chìm đắm mà không thực hiện đầy đủ phương án thăm dò, trục vớt tài sản chìm đắm đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định. 4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt tài sản chìm đắm cấp độ 1 theo quy định. 5. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không trục vớt tài sản chìm đắm cấp độ 2 theo quy định. 6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm c khoản 3 Điều này; b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn đối với hoạt động thăm dò, trục vớt tài sản từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 3 Điều này. 7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hoàn trả chi phí trục vớt tài sản chìm đắm theo quy định đối với các hành vi vi phạm được quy định tại điểm đ khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.	- Sửa đổi từ khoản 5 Điều 35 Nghị định 142
	Điều 55. Vi phạm quy định về báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải 1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi làm che khuất, làm nhiễu hoặc làm suy giảm hiệu lực của báo hiệu hàng hải. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Thiết lập báo hiệu hàng hải sai vị trí quy định;	- Điều 4 Công ước AFS. - Điều 5 Công ước AFS. - Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	b) Không thiết lập báo hiệu hàng hải hoặc thiết lập không kịp thời khi có chướng ngại vật gây nguy hiểm; c) Không kịp thời sửa chữa, khôi phục lại các báo hiệu hàng hải bị hư hỏng hoặc bị trôi dạt; d) Làm dịch chuyển hoặc hư hỏng báo hiệu hàng hải; đ) Làm mất hiệu lực hoặc thay đổi đặc tính báo hiệu hàng hải; e) Thiết lập báo hiệu hàng hải không đúng quy định; g) Báo hiệu hàng hải đưa vào hoạt động không được công bố Thông báo hàng hải theo quy định. 3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau: a) Tự ý dịch chuyển báo hiệu hàng hải khác với vị trí ban đầu khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép, chấp thuận; b) Sửa chữa, thay thế báo hiệu hàng hải không đúng với thiết kế được duyệt, trừ trường hợp xử lý sự cố đột xuất theo quy định; c) Không có hồ sơ thiết kế kỹ thuật của báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải tại đơn vị trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải. 4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với quy định do các hành vi vi phạm được quy định tại khoản 1, điểm d và điểm đ khoản 2, điểm a khoản 3 Điều này.	- Cấm hoàn toàn trên toàn thế giới nên mức phạt cần phù hợp.
	Mục 10. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐÀO	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	TẠO, HUẤN LUYỆN THUYỀN VIÊN	- Bổ sung hành vi quy định Thông tư số 55/2019/TT-BGTVT. - Khoản 1 Điều 117 Nghị định 58/2017/NĐ-CP. - Thông tư 15/2018/TT-BGTVT ngày 4/4/2018 ban hành QCVN 99:2017 Áp dụng cho tàu từ 400 GT trở lên hoạt động đến cảng của các quốc gia thành viên Công ước BWM.
	Điều 56. Vi phạm quy định về đào tạo, huấn luyện thuyền viên 1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không tiếp nhận và tạo điều kiện thuận lợi cho học viên thực tập trên tàu biển theo quy định. 2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau: a) Không thực hiện đúng quy chế tuyển sinh; b) không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nội dung, chương đào tạo, huấn luyện theo khung chương trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; c) Tài liệu giảng dạy, hướng dẫn thực hành không đúng quy định;	- Sửa lại đúng câu từ tại Khoản 4 Điều 35 Nghị định 142 phù hợp với Nghị định 159/2018/NĐ-CP. - Sửa lại đúng câu từ tại Khoản 5 Điều 35 Nghị định 142 phù hợp với Nghị định 159/2018/NĐ-CP. - Khoản 2 Điều 62 Luật Tài nguyên Môi trường biển và Hải đảo

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	d) Thiếu một trong những trang, thiết bị phục vụ huấn luyện, đào tạo theo quy định hoặc trang, thiết bị không bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật; đ) Không thực hiện đúng quy chế thi, kiểm tra đối với học viên; e) Tổ chức đào tạo tại địa điểm không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận. 3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau: a) Thiếu 01 giảng viên hoặc huấn luyện viên hoặc giảng viên, huấn luyện viên không có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương theo quy định; b) Tỷ lệ học viên/giảng viên, huấn luyện viên vượt quá quy định cho phép đến 20%. 4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm sau: a) Thiếu từ 02 giảng viên hoặc huấn luyện viên hoặc giảng viên, huấn luyện viên không có Giấy chứng nhận huấn luyện viên chính hoặc chứng chỉ tương đương trở lên theo quy định; b) Tỷ lệ học viên/giảng viên, huấn luyện viên vượt quá quy định cho phép trên 20%. 5. Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động đào tạo, huấn luyện thuyền viên có thời hạn từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.	
	32. Bổ sung Mục 12 vào sau Mục 11 của Chương II và bổ sung các điều 58e, 58g, 58h như sau:	.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>“Mục 12: VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ LAO ĐỘNG HÀNG HẢI; KHAI BÁO TAI NẠN LAO ĐỘNG HÀNG HẢI</i>	
	Điều 58e: Vi phạm quy định về giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên <i>Phạt tiền đối với người sử dụng lao động với hành vi không giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên bằng văn bản đối với công việc có thời hạn từ đủ 03 tháng trở lên; giao kết hợp đồng lao động, hợp đồng lao động thuyền viên không đầy đủ các nội dung chủ yếu của hợp đồng theo một trong các mức sau đây:</i> <i>1. Từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng với vi phạm từ 01 thuyền viên đến 10 thuyền viên;</i> <i>2. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng với vi phạm từ 11 thuyền viên đến 50 thuyền viên;</i> <i>3. Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng với vi phạm từ 51 thuyền viên đến 100 thuyền viên;</i> <i>4. Từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng với vi phạm từ 101 thuyền viên đến 300 thuyền viên;</i> <i>5. Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng với vi phạm từ 301 thuyền viên trở lên.</i>	Bổ sung hành vi và chế tài xử phạt theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT ngày 31/5/2017 và Thông tư số 43/2019/TT-BGTVT ngày 07/01/2019 quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam. Bổ sung hành vi và mức phạt theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 28/2020/NĐ-CP.
	Điều 58g. Vi phạm quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam <i>1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi giao kết hợp đồng lao động thuyền viên không phù hợp với giấy phép lao động do</i>	Bổ sung hành vi và chế tài xử phạt theo quy định tại Thông tư số 17/2017/TT-BGTVT ngày 31/5/2017 và Thông tư số 43/2019/TT-

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp.</i> 2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 45.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm bố trí thuyền viên nước ngoài không có giấy phép lao động do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc giấy phép lao động đã hết hạn. 3. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc giao kết lại hợp đồng lao động thuyền viên phù hợp với giấy phép lao động đối với hành vi vi phạm tại khoản 1 Điều này; b) Buộc thuyền viên phải rời tàu đối với hành vi vi phạm tại khoản 2 Điều này.	BGTVT ngày 07/01/2019 quy định về điều kiện để thuyền viên nước ngoài làm việc trên tàu biển Việt Nam; - Mức phạt theo điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 28/2020/NĐ-CP.
	Điều 58h. Vi phạm quy định về khai báo khi trên tàu xảy ra tai nạn lao động hàng hải Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm không khai báo tai nạn lao động hàng hải theo quy định.”	- Bổ sung theo Thông tư số 37/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về khai báo, điều tra, thống kê và báo cáo tai nạn lao động hàng hải
	33. Bổ sung Mục 13 vào Chương II và bổ sung Điều 58i như sau: “Mục 13. VI PHẠM CÁC QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI	
	Điều 58i. Vi phạm các quy định về phòng chống thiên tai của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực hàng hải 1. Vi phạm quy định về xây dựng phương án ứng phó thiên tai và báo cáo về phòng, chống thiên	Bổ sung hành vi vi phạm theo quy định tại Thông tư 10/2019/TT-BGTVT hướng dẫn phòng chống thiên tai trong lĩnh vực

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>tai trong lĩnh vực hàng hải</i> <i>Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:</i> <i>a) Không xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định;</i> <i>b) Không thực hiện chế độ báo cáo trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra gửi Cảng vụ hàng hải theo quy định.</i> <i>2. Vi phạm quy định về phòng ngừa thiên tai</i> <i>Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây:</i> <i>a) Cung cấp thông tin sai lệch về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai;</i> <i>b) Không tuân thủ quy định về phòng, chống thiên tai đối với tàu thuyền;</i> <i>c) Không chuẩn bị hoặc chuẩn bị không đầy đủ nhân lực, vật tư, phương tiện, trang thiết bị, nhu yếu phẩm phục vụ ứng phó thiên tai theo phương án ứng phó thiên tai được phê duyệt.</i> <i>3. Vi phạm quy định về ứng phó thiên tai</i> <i>Phạt tiền từ 25.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi không sẵn sàng thực hiện yêu cầu của Cảng vụ hàng hải về việc điều động các phương tiện tham gia khắc phục hậu quả thiên tai.</i> <i>4. Biện pháp khắc phục hậu quả:</i> <i>a) Buộc xây dựng phương án ứng phó thiên tai theo quy định đối với hành vi vi phạm tại điểm a khoản 1 Điều này;</i> <i>b) Buộc cải chính thông tin về vị trí, tình trạng của tàu thuyền đang hoạt động khi có thiên tai đối</i>	hàng hải Mức phạt tham khảo tại Nghị định 104/2017/NĐ-CP xử phạt VPHC trong lĩnh vực Phòng chống thiên tai.

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>với hành vi vi phạm theo quy định điểm a khoản 2 tại Điều này.”</i>	
	34. Bổ sung Mục 14 và Điều 58k: Mục 14. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG CHỐNG DỊCH BỆNH TRUYỀN NHIỄM TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI	Bổ sung hành vi và mức xử phạt có đặc thù hoạt động hàng hải, mức phạt thống nhất với Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.
	Điều 58k. Vi phạm quy định về phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong lĩnh vực hàng hải 1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không thông báo; thông báo không chính xác hoặc không kịp thời các thông tin về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm cho người lao động, thuyền viên, hành khách theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; b) Không thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh, bảo vệ cá nhân ngăn ngừa dịch bệnh truyền nhiễm trên tàu, thuyền theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; c) Không thực hiện xét nghiệm theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong quá trình thực hiện giám sát bệnh truyền nhiễm. 2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: a) Không liên lạc ngay với tổ chức kiểm dịch y tế trong trường hợp hành khách hoặc thuyền viên	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>trên tàu thuyền có triệu chứng hoặc có dấu hiệu mắc bệnh truyền nhiễm trước khi tàu thuyền cập cảng;</i> <i>b) Tự ý lên hoặc xuống tàu thuyền, tiến hành bốc dỡ hoặc tiếp nhận hàng hóa trong thời gian tàu thuyền chờ kiểm dịch y tế hoặc đang thực hiện kiểm dịch y tế, trừ trường hợp tàu thuyền đang gặp tai nạn.</i> 3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: <i>a) Không chấp hành việc kiểm tra y tế, xử lý y tế của tổ chức kiểm dịch y tế theo quy định của pháp luật trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 5 Điều này;</i> <i>b) Không thực hiện đúng quy định về tín hiệu kiểm dịch y tế cho tàu thuyền khi nhập cảnh;</i> <i>c) Không khai báo y tế hoặc khai báo không trung thực về kiểm dịch y tế biên giới theo quy định của pháp luật.</i> 4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi che giấu, không báo cáo, khai báo hoặc báo cáo, khai báo không kịp thời hiện trạng bệnh truyền nhiễm của bản thân hoặc của người khác mắc bệnh truyền nhiễm trên tàu thuyền. 5. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với mỗi hành vi vi phạm sau đây: <i>a) Tự ý rời tàu khi chưa thực hiện các thủ tục kiểm dịch y tế hoặc chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền;</i> <i>b) Không chấp hành cách ly y tế, cưỡng chế cách ly y tế, xử lý y tế đối với người, tàu thuyền, hàng hóa và các đối tượng phải kiểm dịch khác mang tác</i>	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>nhân gây bệnh truyền nhiễm theo quy định hoặc khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.</i> 6. Biện pháp khắc phục hậu quả <i>a) Buộc thực hiện việc kiểm tra, xử lý y tế đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;</i> <i>b) Buộc quay lại tàu hoặc khu vực cách ly y tế đối với hành vi quy định tại điểm a khoản 5 Điều này;</i> <i>c) Buộc thực hiện việc cách ly y tế cưỡng chế cách ly y tế, xử lý y tế đối với người, tàu thuyền, hàng hóa mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm được quy định tại điểm b khoản 5 Điều này.”</i>	
Chương III THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH VÀ THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH		
Mục 1. THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH		
Điều 59. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 60, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải phải kịp thời ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên tàu biển thì thuyền trưởng hoặc người được	35. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 như sau: “Điều 59. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và công chức, viên chức thuộc quyền quản lý của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định tại các Điều 60, 61, 62, 63, 64, 65 và 66 của Nghị định này đang thi hành công vụ, nhiệm vụ thuộc phạm vi trách nhiệm của mình, phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải phải kịp thời ngăn chặn và lập biên bản vi phạm hành chính theo quy định. Đối với hành vi vi phạm hành chính xảy ra trên	- Bỏ quy định “hoặc người được thuyền trưởng giao theo Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi năm 2020). - Bổ sung phương tiện thủy nội địa tại khoản 1 vì

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
thuyền trưởng giao có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu biển về đến bến cảng.	tàu biển, <i>phương tiện thủy nội địa</i> thì thuyền trưởng, <i>người lái phương tiện thủy nội địa</i> có trách nhiệm tổ chức lập biên bản và chuyển ngay cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính khi tàu biển về đến bến cảng.”	phương tiện thủy nội địa vào, rời các cảng biển.
Mục 2. THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH		
Điều 60. Thẩm quyền của Thanh tra 1. Thanh tra viên thuộc thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Thanh tra viên chuyên ngành hàng hải, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành hàng hải đang thi hành công vụ có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 500.000 đồng; c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 500.000 đồng; d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các Điểm a, c và d khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính. 2. Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Cục Hàng hải Việt Nam có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành	36. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 60 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau: c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị <i>không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</i>” b) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 2 như sau: d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị <i>không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</i>”	Sửa đổi, bổ sung Điều 60 theo Điều 46 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi năm 2020).

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
chính có giá trị đến 50.000.000 đồng; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này. 3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành Bộ Giao thông vận tải có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 70.000.000 đồng; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này. 4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải có quyền: a) Phạt cảnh cáo; b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng; c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy	c) Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 3 như sau: “d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính <i>có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;</i>”	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
định tại Chương II của Nghị định này.		
Điều 61. Thẩm quyền của Cảng vụ hàng hải 1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải có quyền: - Phạt cảnh cáo; - Phạt tiền đến 10.000.000 đồng; - Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 10.000.000 đồng. 2. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cảng vụ hàng hải có quyền: - Phạt cảnh cáo; - Phạt tiền đến 25.000.000 đồng; - Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; - Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 25.000.000 đồng; - Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ, i và k khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.	37. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 61 như sau: a) Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 1 như sau: “c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị <i>không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này</i>.” b) Sửa đổi, bổ sung điểm b và d khoản 2 như sau: “b) Phạt tiền đến <i>50.000.000 đồng</i>;” d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;”	Sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 47 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi năm 2020).
Điều 62. Thẩm quyền của Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam có quyền: - Phạt cảnh cáo; - Phạt tiền đến 100.000.000 đồng; - Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời		

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hạn; 4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; 5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.		
Điều 63. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền: 1. Phạt cảnh cáo; 2. Phạt tiền đến 100.000.000 đồng; 3. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; 4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính; 5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả khác quy định tại Chương II của Nghị định này.		
Điều 64. Thẩm quyền của lực lượng Công an nhân dân 1. Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại: điểm d và điểm e khoản 2 Điều 12; các Điều 13, 18 , 28, 30; các khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33; điểm a khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều 35 của Nghị định này.	38. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 64 như sau: “1. Lực lượng Công an nhân dân có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính <i>của phương tiện thủy nội địa hoạt động trong vùng nước cảng biển hoặc ngoài vùng nước cảng biển nơi phương tiện thủy nội địa được phép hoạt động và các hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d, điểm e và điểm g khoản 1 Điều 12</i> ; các Điều 13, 28,	- Khoản 5 Điều 35 được sửa đổi bổ sung tại điểm a khoản 1 Điều 58đ

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
2. Mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt của lực lượng Công an nhân dân được thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24 và Điều 39 của Luật xử lý vi phạm hành chính.	30; các khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, khoản 10 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 58đ của Nghị định này có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý.	
Điều 65. Thẩm quyền của lực lượng Bộ đội biên phòng 1. Lực lượng Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại các khoản 3, 4 Điều 19; khoản 1, khoản 2, điểm a khoản 3, điểm e khoản 5 và khoản 10 Điều 33; các Điều 34, 35, 36, 37, 40 và 42 của Nghị định này. 2. Mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt của lực lượng Bộ đội biên phòng thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24 và Điều 40 của Luật xử lý vi phạm hành chính.	39. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 65 như sau: “1. Lực lượng Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính phát hiện có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại các khoản 3, 4 Điều 19; khoản 1, khoản 2, khoản 3, điểm e khoản 5 và khoản 10 Điều 33; các Điều 34; 36; 37; 40; khoản 1, 2, 3, điểm a, b, c khoản 4 Điều 42; điểm a, b khoản 1, điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 58b; điểm a khoản 1 Điều 58đ, Điều 58g của Nghị định này.”	- Điều 35 được sửa đổi bổ sung tại điểm a, b khoản 1, điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 58b; điểm a khoản 1 Điều 58đ
Điều 66. Thẩm quyền của lực lượng Cảnh sát biển 1. Lực lượng Bộ đội biên phòng có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại các khoản 4, điểm e khoản 5 và khoản 6 Điều 33; các Điều 34, 35, 36, 37, 40 và 42 của Nghị định này.	40. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 66 như sau: “1. Lực lượng Cảnh sát biển có quyền xử phạt đối với những hành vi vi phạm hành chính phát hiện ngoài vùng nước cảng biển có liên quan trực tiếp đến lĩnh vực ngành mình quản lý được quy định tại Điểm a khoản 3, khoản 4, điểm e khoản 5 và khoản 6 Điều 33; các Điều 34; 36; 37; 40; khoản 1, 2, 3, điểm a, b, c khoản 4 Điều 42; điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 58b; điểm a khoản 1 Điều 58đ, Điều 58g của Nghị định	- Điều 35 được sửa đổi bổ sung tại điểm a, b khoản 1, điểm a, b, c, d, đ khoản 2 Điều 58b; điểm a khoản 1 Điều 58đ

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
2. Mức phạt tiền tối đa và thẩm quyền xử phạt của lực lượng Cảnh sát biển thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 24 và Điều 41 của Luật xử lý vi phạm hành chính.	này.”	
Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH Điều 67. Hướng dẫn về thu, nộp, quản lý sử dụng khoản tiền buộc nộp lại của tổ chức, cá nhân Bộ Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn cụ thể việc thu, nộp và quản lý sử dụng khoản tiền buộc nộp lại của các tổ chức, cá nhân liên quan đến hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.		
	41. Bổ sung Điều 67a vào sau Điều 67 như sau: “Điều 67a. Bổ sung nhóm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về giao thông hàng hải quy định tại Mục IV Phụ lục Danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ <i>1. Bổ sung các khoản 6, 7, 8, và 9 Mục IV Phụ lục Danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và danh</i>	

Nghị định số 142/2017/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường như sau:</i> <i>“6. Máy đo tốc độ có ghi hình ảnh; 7. Phương tiện đo nồng độ cồn trong hơi thở; 8. Thiết bị đo, thử ma túy; 9. Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải (Hệ thống VTS); 10. Hệ thống nhận dạng tự động (Hệ thống AIS); 11. Hệ thống truy theo tầm xa (LRIT). 2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải, cá nhân, tổ chức được giao quản lý phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện hành vi vi phạm hành chính được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng hải”.</i>	- Khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

PHỤ LỤC 2

**RÀ SOÁT CÁC VĂN BẢN QPPL CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 100/2019/NĐ-CP
NGÀY 30/12/2019 QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ VÀ ĐƯỜNG SẮT**

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 4. Các biện pháp khắc phục hậu quả và nguyên tắc áp dụng		
1. Các biện pháp khắc phục hậu quả vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt bao gồm:		
b) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;	b) Buộc tháo dỡ phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
2. Các biện pháp khắc phục hậu quả khác trong lĩnh vực giao thông đường bộ:		
a) Buộc phải tháo dỡ các vật che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông hoặc buộc phải di dời cây trồng không đúng quy định;	a) Buộc phải tháo dỡ phá dỡ các vật che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông hoặc buộc phải di dời cây trồng không đúng quy định;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
	Điều 5a. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc, hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện <i>1. Hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc gồm những hành vi vi phạm sau đây:</i> <i>a) Hành vi vi phạm quy định về xếp hàng hóa tại điểm a khoản 1 điều 28, điểm a khoản 3 Điều 28. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ khi phát hiện hành vi chở</i>	Tại khoản 1 Điều 4 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020) giao Chính phủ quy định hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>hàng vượt quá khối lượng cho phép chuyên chở của phương tiện;</i> <i>b) Hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c khoản 5 Điều 30. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ khi phát hiện hành vi vi phạm;</i> <i>c) Các hành vi vi phạm được phát hiện thông qua kỹ thuật nghiệp vụ. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được tính từ thời điểm phương tiện, thiết bị ghi nhận hành vi vi phạm.</i> <i>2. Các hành vi vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này là các hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện.”</i>	chính đang thực hiện.
Điều 5. Xử phạt người điều khiển xe ô tô và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy tắc giao thông đường bộ		
4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
c) Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí;	c) Điều khiển xe không đủ điều kiện để thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng (<i>xe không gắn thẻ đầu cuối hoặc gắn thẻ đầu cuối mà số tiền trong tài khoản thu phí không đủ để chi trả khi qua làn thu phí điện tử không dừng</i>) đi vào làn đường dành riêng thu phí theo hình thức điện tử tự động không dừng tại các trạm thu phí;	Rà soát mô tả rõ hành vi để phù hợp với Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17/6/2020 về việc thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng
6. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu để người lái xe	b) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ;	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
khác biết khi buộc phải dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; quay đầu xe trên đường cao tốc;		
7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Không chú ý quan sát, điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định gây tai nạn giao thông; dừng xe, đỗ xe, quay đầu xe, lùi xe, tránh xe, vượt xe, chuyển hướng, chuyển làn đường không đúng quy định gây tai nạn giao thông; không đi đúng phần đường, làn đường, không giữ khoảng cách an toàn giữa hai xe theo quy định gây tai nạn giao thông hoặc đi vào đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển, đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều” gây tai nạn giao thông, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 8 Điều này;		
b) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; chạy quá tốc độ đuổi nhau trên đường bộ; dùng chân điều khiển vô lăng xe khi xe đang chạy trên đường;		
	d) Dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; không có báo hiệu để người lái xe khác biết khi buộc phải dừng xe, đỗ xe trên đường cao tốc không đúng nơi quy định; quay đầu xe trên đường cao tốc;	
11. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:		
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 5;	) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 5; điểm a,	Bổ sung quy định tước

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
điểm a, điểm b khoản 6; khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng. Thực hiện hành vi quy định tại một trong các điểm, khoản sau của Điều này mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng: điểm a, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1; điểm b, điểm d, điểm g khoản 2; điểm b, điểm g, điểm h, điểm m, điểm n, điểm r, điểm s khoản 3; điểm a, điểm c, điểm e, điểm g, điểm h khoản 4; điểm a, điểm b, điểm e, điểm g, điểm h khoản 5 Điều này;	điểm b khoản 6; <i>điểm a, điểm b và điểm c</i> khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng. Thực hiện hành vi quy định tại một trong các điểm, khoản sau của Điều này mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng: điểm a, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g khoản 1; điểm b, điểm d, điểm g khoản 2; điểm b, điểm g, điểm h, điểm m, điểm n, điểm r, điểm s khoản 3; điểm a, điểm c, điểm e, điểm g, điểm h khoản 4; điểm a, điểm b, điểm e, điểm g, điểm h khoản 5 Điều này;	quyền sử dụng giấy phép lái xe đối với hành vi vi phạm được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7
d) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 9 Điều này hoặc tái phạm hành vi quy định tại điểm b khoản 7 Điều này, bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng;	d) Thực hiện hành vi quy định tại <i>điểm d</i> khoản 7, khoản 9 Điều này hoặc tái phạm hành vi quy định tại điểm b khoản 7 Điều này, bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng	Bổ sung quy định tước quyền sử dụng giấy phép lái xe đối với hành vi vi phạm được bổ sung tại điểm d khoản 7
Điều 6. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy tắc giao thông đường bộ		
2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
k) Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;		Bãi bỏ điểm k khoản 2
3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	n) Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ;	
	o) Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật	
4. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
đ) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ;		Bãi bỏ điểm d khoản 4
5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện hành vi đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều này và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định.	5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện <i>một trong các hành vi vi phạm sau đây</i> : a) Đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 6 Điều này và các trường hợp xe ưu tiên đang đi làm nhiệm vụ khẩn cấp theo quy định; b) Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.	
10. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm e, điểm i khoản 3; điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 4; khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm e, điểm i khoản 3; điểm e, điểm g, điểm h khoản 4; khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	Rà soát với các hành vi vi phạm được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Điều này
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 6; điểm a, điểm b khoản 7; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 8 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng; tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 8 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện. Thực hiện hành vi quy định tại một trong các điểm, khoản sau của Điều này mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng: Điểm a, điểm g, điểm h, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n, điểm q khoản 1; điểm b, điểm d, điểm e, điểm g, điểm l, điểm m khoản 2; điểm b, điểm c, điểm k, điểm m khoản 3; điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 4 Điều này;	c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 6; điểm a, điểm b khoản 7; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 8 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng; tái phạm hoặc vi phạm nhiều lần hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 8 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng, tịch thu phương tiện. Thực hiện hành vi quy định tại một trong các điểm, khoản sau của Điều này mà gây tai nạn giao thông thì bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng: Điểm a, điểm g, điểm h, điểm k, điểm l, điểm m, điểm n, điểm q khoản 1; điểm b, điểm d, điểm e, điểm g, điểm l, điểm m khoản 2; điểm b, điểm c, điểm k, điểm m khoản 3; điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h khoản 4; điểm b khoản 5 Điều này;	Rà soát với các hành vi vi phạm được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ tại Điều này
Điều 7. Xử phạt người điều khiển máy kéo, xe máy chuyên dùng (sau đây gọi chung là xe) vi phạm quy tắc giao thông đường bộ		
Điều 8. Xử phạt người điều khiển xe đạp, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện), người điều khiển xe thô sơ khác vi phạm quy tắc giao thông đường bộ		
1. Phạt tiền từ 80.000 đồng đến 100.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Không đi bên phải theo chiều đi của mình, đi		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
không đúng phần đường quy định;		
b) Dừng xe đột ngột; chuyển hướng không báo hiệu trước;		
c) Không chấp hành hiệu lệnh hoặc chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 2, điểm c khoản 3 Điều này;		
d) Vượt bên phải trong các trường hợp không được phép;		
đ) Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường;		
e) Chạy trong hầm đường bộ không có đèn hoặc vật phát sáng báo hiệu; dừng xe, đỗ xe trong hầm đường bộ không đúng nơi quy định; quay đầu xe trong hầm đường bộ;		
g) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy đi dàn hàng ngang từ 03 xe trở lên, xe thô sơ khác đi dàn hàng ngang từ 02 xe trở lên;		
h) Người điều khiển xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù), điện thoại di động; chở người ngồi trên xe đạp, xe đạp máy sử dụng ô (dù);		
i) Điều khiển xe thô sơ đi ban đêm không có báo hiệu bằng đèn hoặc vật phản quang;		
k) Để xe ở lòng đường đô thị, hè phố trái quy định của pháp luật; đỗ xe ở lòng đường đô thị gây cản trở giao thông, đỗ xe trên đường xe điện, đỗ xe trên cầu gây cản trở giao thông;		
l) Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
2, điểm b khoản 3 Điều 49 Nghị định này;		
m) Dùng xe đẩy làm quây hàng lưu động trên đường, gây cản trở giao thông;		
n) Không nhường đường cho xe đi trên đường ưu tiên, đường chính từ bất kỳ hướng nào tới tại nơi đường giao nhau;		
o) Xe đạp, xe đạp máy, xe xích lô chở quá số người quy định, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu;		
p) Xếp hàng hóa vượt quá giới hạn quy định, không bảo đảm an toàn, gây trở ngại giao thông, che khuất tầm nhìn của người điều khiển;		
q) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.		
2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Điều khiển xe đạp, xe đạp máy buông cả hai tay; chuyển hướng đột ngột trước đầu xe cơ giới đang chạy; dùng chân điều khiển xe đạp, xe đạp máy;		
b) Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của người điều khiển giao thông hoặc người kiểm soát giao thông;		
c) Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, mang vác vật công kênh; điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác;		
d) Không nhường đường cho xe xin vượt khi có đủ		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
điều kiện an toàn hoặc gây cản trở đối với xe cơ giới xin vượt, gây cản trở xe ưu tiên;		
đ) Không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông.		
3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ <i>200.000 đồng đến 250.000 đồng</i> đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe lạng lách, đánh võng; đuổi nhau trên đường;		
b) Đi xe bằng một bánh đối với xe đạp, xe đạp máy; đi xe bằng hai bánh đối với xe xích lô;		
c) Đi vào khu vực cấm; đường có biển báo hiệu nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển; đi ngược chiều đường của đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”;		
d) Người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;		
đ) Chở người ngồi trên xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật;		
e) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người điều khiển xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Điều khiển xe đi vào đường cao tốc, trừ phương tiện phục vụ việc quản lý, bảo trì đường cao tốc;		
b) Gây tai nạn giao thông không dừng lại, không giữ nguyên hiện trường, bỏ trốn không đến trình báo với cơ quan có thẩm quyền, không tham gia cấp cứu người bị nạn;		
c) Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở;		
d) Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ.		
	đ) Người điều khiển xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm c quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ;	
	g) Chở người ngồi trên xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.	
Điều 11. Xử phạt các hành vi vi phạm khác về quy tắc giao thông đường bộ		
3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô, các	3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô, các loại xe tương tự	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
loại xe tương tự xe gắn máy, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ.	xe gắn máy, xe đạp máy (kể cả xe đạp điện) không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ.	
12. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phải tháo dỡ các vật che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông;	a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phải tháo dỡ <i>phá dỡ</i> các vật che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
Điều 12. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường bộ		
10. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6, điểm b khoản 8, khoản 9 Điều này buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6, điểm b khoản 8, khoản 9 Điều này buộc phải tháo dỡ <i>phá dỡ</i> công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép) và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
Điều 14. Xử phạt các hành vi vi phạm về xây dựng bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, trạm thu phí đường bộ		
2. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này còn buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;	a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 1 Điều này còn buộc phải tháo dỡ phá dỡ công trình xây dựng trái phép và khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
Điều 15. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quản lý, khai thác, bảo trì, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ		
	<i>5a. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện trốn tránh, không trả tiền dịch vụ sử dụng đường bộ khi lưu thông qua các trạm thu phí.</i>	Rà soát mô tả rõ hành vi để phù hợp với Quyết định số 19/2020/QĐ-TTg ngày 17/6/2020 về việc thu phí dịch vụ sử dụng đường bộ theo hình thức điện tử không dừng
Điều 16. Xử phạt người điều khiển xe ô tô (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông	Điều 16. Xử phạt người điều khiển xe ô tô (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông	
1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có kính chắn gió hoặc có nhưng vỡ hoặc có nhưng không có tác dụng (đối với xe có thiết kế lắp kính chắn gió).	1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có kính chắn gió hoặc có nhưng vỡ hoặc có nhưng không có tác dụng (đối với xe có thiết kế lắp kính chắn gió).	
2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe không có đủ đèn chiếu sáng, đèn	a) Điều khiển xe không có đủ đèn chiếu sáng, đèn soi biển	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
soi biển số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu, cần gạt nước, gương chiếu hậu, dây an toàn, dụng cụ thoát hiểm, thiết bị chữa cháy, đồng hồ báo áp lực hơi, đồng hồ báo tốc độ của xe hoặc có những thiết bị đó nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn thiết kế (đối với loại xe được quy định phải có những thiết bị đó), trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm m khoản 3 Điều 23, điểm q khoản 4 Điều 28 Nghị định này;	số, đèn báo hãm, đèn tín hiệu, cần gạt nước, gương chiếu hậu, dây an toàn, dụng cụ thoát hiểm, thiết bị chữa cháy, đồng hồ báo áp lực hơi, đồng hồ báo tốc độ của xe hoặc có những thiết bị đó nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn thiết kế (đối với loại xe được quy định phải có những thiết bị đó), trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm m khoản 3 Điều 23, điểm q khoản 4 Điều 28 Nghị định này; b) Điều khiển xe không có còi hoặc có nhưng còi không có tác dụng;	
b) Điều khiển xe không có còi hoặc có nhưng còi không có tác dụng;	b) Điều khiển xe không có còi hoặc có nhưng còi không có tác dụng;	
c) Điều khiển xe không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc có nhưng không có tác dụng, không bảo đảm quy chuẩn môi trường về khí thải, tiếng ồn.	c) Điều khiển xe không có bộ phận giảm thanh, giảm khói hoặc có nhưng không có tác dụng, không bảo đảm quy chuẩn môi trường về khí thải, tiếng ồn.	
3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ <i>từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe lắp thêm đèn phía trước, phía sau, trên nóc, dưới gầm, một hoặc cả hai bên thành xe;	a) Điều khiển xe lắp thêm đèn phía trước, phía sau, trên nóc, dưới gầm, một hoặc cả hai bên thành xe;	
b) Điều khiển xe có hệ thống chuyển hướng của xe không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;	b) Điều khiển xe có hệ thống chuyển hướng của xe không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật;	
c) Điều khiển xe không gắn đủ biển số hoặc gắn biển số không đúng vị trí; gắn biển số không rõ chữ, số; gắn biển số bị bể cong, bị che lấp, bị hỏng; sơn, dán thêm làm thay đổi chữ, số hoặc thay đổi màu sắc của chữ, số, nền biển (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	c) Điều khiển xe không gắn đủ biển số hoặc gắn biển số không đúng vị trí; gắn biển số không rõ chữ, số; gắn biển số bị bể cong, bị che lấp, bị hỏng; sơn, dán thêm làm thay đổi chữ, số hoặc thay đổi màu sắc của chữ, số, nền biển (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
d) Điều khiển xe không lắp đủ bánh lốp hoặc lắp bánh lốp không đúng kích cỡ hoặc không bảo đảm	d) Điều khiển xe không lắp đủ bánh lốp hoặc lắp bánh lốp không đúng kích cỡ hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
tiêu chuẩn kỹ thuật (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	(kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
đ) Điều khiển xe ô tô tải có kích thước thùng xe không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã đăng ký với cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	đ) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm hoặc có kích thước khoang chở hành lý (hầm xe) không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã đăng ký với cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	
e) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách lắp thêm hoặc tháo bớt ghế, giường nằm hoặc có kích thước khoang chở hành lý (hầm xe) không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã đăng ký với cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.		
4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	4. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
b) Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số);	b) Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số);	
c) Điều khiển xe có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 01 tháng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	c) Điều khiển xe ô tô tải (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) có kích thước thùng xe không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã <i>trong hồ sơ nộp</i> cho cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;	
d) Điều khiển xe lắp đặt, sử dụng còi vượt quá âm lượng theo quy định;	d) Điều khiển xe lắp đặt, sử dụng còi vượt quá âm lượng theo quy định;	
đ) Điều khiển xe không đủ hệ thống hãm hoặc có đủ hệ thống hãm nhưng không có tác dụng, không		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.		
5. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe đăng ký tạm, xe có phạm vi hoạt động hạn chế hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;	a) Điều khiển xe có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 01 tháng (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
b) Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng);	b) Điều khiển xe không đủ hệ thống hãm hoặc có đủ hệ thống hãm nhưng không có tác dụng, không đúng tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật.	
c) Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông (bao gồm cả xe công nông thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông);		
	6. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
d) Điều khiển xe gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	a) Điều khiển xe gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
đ) Sử dụng Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	b) Sử dụng Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
e) Điều khiển xe không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định,	c) Điều khiển xe không có Giấy chứng nhận hoặc tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, trừ xe đăng ký tạm	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
trừ xe đăng ký tạm thời) hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng từ 01 tháng trở lên (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).	thời) hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng từ 01 tháng trở lên (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).	
	d) Điều khiển xe không gắn đủ biển số hoặc gắn biển số không đúng vị trí; gắn biển số không rõ chữ, số; gắn biển số bị bể cong, bị che lấp, bị hỏng; sơn, dán thêm làm thay đổi chữ, số hoặc thay đổi màu sắc của chữ, số, nền biển (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
	7. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
	a) Điều khiển xe đăng ký tạm, xe có phạm vi hoạt động hạn chế hoạt động quá phạm vi, thời hạn cho phép;	
	b) Điều khiển xe quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông (đối với loại xe có quy định về niên hạn sử dụng);	
	c) Điều khiển loại xe sản xuất, lắp ráp trái quy định tham gia giao thông (bao gồm cả xe công nông thuộc diện bị đình chỉ tham gia giao thông);	
6. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	8. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	
a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 3; khoản 4; điểm a, điểm e khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b khoản 3; khoản 4; điểm b khoản 5 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	
	b) Thực hiện hành vi vi phạm tại khoản 7 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng;	
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3, điểm d khoản 4 Điều này bị tịch thu đèn lắp thêm, còi vượt quá âm lượng;	c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 3, điểm d khoản 4 Điều này bị tịch thu đèn lắp thêm, còi vượt quá âm lượng;	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d, điểm đ khoản 5 Điều này bị tịch thu Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, Giấy đăng ký xe, biển số không đúng quy định hoặc bị tẩy xóa; bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	d) Thực hiện hành vi quy định tại <i>điểm a, điểm b khoản 6</i> Điều này bị tịch thu Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, Giấy đăng ký xe, biển số không đúng quy định hoặc bị tẩy xóa; bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	
d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c khoản 5 Điều này bị tịch thu phương tiện (trừ trường hợp xe ô tô từ 10 chỗ ngồi trở lên kinh doanh vận tải hành khách có niên hạn sử dụng vượt quá quy định về điều kiện kinh doanh của hình thức kinh doanh đã đăng ký nhưng chưa quá 20 năm tính từ năm sản xuất, xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi kinh doanh vận tải hành khách) và bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c <i>khoản 7</i> Điều này bị tịch thu phương tiện (trừ trường hợp xe ô tô từ 10 chỗ ngồi trở lên kinh doanh vận tải hành khách có niên hạn sử dụng vượt quá quy định về điều kiện kinh doanh của hình thức kinh doanh đã đăng ký nhưng chưa quá 20 năm tính từ năm sản xuất, xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi kinh doanh vận tải hành khách);	
đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 4, điểm đ khoản 5 Điều này trong trường hợp không có Giấy đăng ký xe hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng số khung, số máy của xe hoặc bị tẩy xóa (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) mà không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của phương tiện (không có giấy tờ, chứng từ chuyển quyền sở hữu xe hoặc giấy tờ, chứng từ nguồn gốc xe hợp pháp) thì bị tịch thu phương tiện.	đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 4, <i>điểm b khoản 6</i> Điều này trong trường hợp không có Giấy đăng ký xe hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng số khung, số máy của xe hoặc bị tẩy xóa (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) mà không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của phương tiện (không có giấy tờ, chứng từ chuyển quyền sở hữu xe hoặc giấy tờ, chứng từ nguồn gốc xe hợp pháp) thì bị tịch thu phương tiện.	
7. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:	9. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển xe thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:	
a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1; khoản 2; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 3; điểm d,	a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1; khoản 2; điểm b, điểm c, điểm d khoản 3; điểm d, điểm đ, điểm e khoản 4	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
điểm d khoản 4 Điều này buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định;	Điều này buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định;	
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm e khoản 3 Điều này buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định, tháo bỏ những thiết bị lắp thêm không đúng quy định.	b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, <i>điểm d</i> khoản 3 Điều này buộc phải lắp đầy đủ thiết bị hoặc khôi phục lại tính năng kỹ thuật của thiết bị theo quy định, tháo bỏ những thiết bị lắp thêm không đúng quy định.	
Điều 17. Xử phạt người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông		
1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Điều khiển xe gắn biển số không đúng quy định; gắn biển số không rõ chữ, số; gắn biển số bị bể bong, bị che lấp, bị hỏng; sơn, dán thêm làm thay đổi chữ, số hoặc thay đổi màu sắc của chữ, số, nền biển;		Bãi bỏ điểm b khoản 1
2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 <i>1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe không có Giấy đăng ký xe theo quy định hoặc sử dụng Giấy đăng ký xe đã hết hạn sử dụng;		
b) Sử dụng Giấy đăng ký xe đã bị tẩy xóa; sử dụng Giấy đăng ký xe không đúng số khung, số máy của xe hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp;		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
c) Điều khiển xe không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải gắn biển số); gắn biển số không đúng với Giấy đăng ký xe hoặc gắn biển số không do cơ quan có thẩm quyền cấp.		
	d) Điều khiển xe gắn biển số không đúng quy định; gắn biển số không rõ chữ, số; gắn biển số bị bẻ cong, bị che lấp, bị hỏng; sơn, dán thêm làm thay đổi chữ, số hoặc thay đổi màu sắc của chữ, số, nền biển.	
3. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
Điều 18. Xử phạt người điều khiển xe thô sơ vi phạm quy định về điều kiện của phương tiện khi tham gia giao thông		
1. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe không có đăng ký, không gắn biển số (đối với loại xe có quy định phải đăng ký và gắn biển số).		
2. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Điều khiển xe không có hệ thống hãm hoặc có nhưng không có tác dụng;		
b) Điều khiển xe thô sơ chở khách, chở hàng không bảo đảm tiêu chuẩn về tiện nghi và vệ sinh theo quy định của địa phương.		
Điều 21. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới	Điều 21. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về điều kiện của người điều khiển xe cơ giới	
1. Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự xe mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô	1. Phạt cảnh cáo người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện) và các loại xe tương tự xe mô tô hoặc điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô.	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
tô.		
2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	2. Phạt tiền từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;	a) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;	
b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe;	b) Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy không mang theo Giấy đăng ký xe;	
c) Người điều khiển xe mô tô và các loại xe tương tự xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5, điểm c khoản 7 Điều này.	c) Người điều khiển xe mô tô và các loại xe tương tự xe mô tô không mang theo Giấy phép lái xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 5, điểm c khoản 7 Điều này.	
3. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 400.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy phép lái xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 8 Điều này;	a) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy phép lái xe, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 8 Điều này;	
b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy đăng ký xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy đăng ký xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc);	
c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).	c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không mang theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (đối với loại xe có quy định phải kiểm định, kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc).	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
4. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	4. Phạt tiền từ <i>800.000 đồng đến 1.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm ³ trở lên;	a) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe mô tô có dung tích xi lanh từ 50 cm ³ trở lên;	
b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;	b) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô không có hoặc không mang theo Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới còn hiệu lực;	
c) Người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng dưới 06 tháng.		
5. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175 cm ³ và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	5. Phạt tiền từ <i>1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng</i> đối với người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh dưới 175 cm ³ và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;	a) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;	
b) Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia;	b) Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia;	
c) Sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe).	c) Sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe).	
6. Phạt tiền từ 1.200.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều	6. Phạt tiền từ <i>2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng</i> đối với người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi điều khiển xe ô tô,	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
khiển xe ô tô, máy kéo, các loại xe tương tự xe ô tô.	máy kéo, các loại xe tương tự xe ô tô.	
7. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm ³ trở lên, xe mô tô ba bánh thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	7. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô hai bánh có dung tích xi lanh từ 175 cm ³ trở lên, xe mô tô ba bánh thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển;	a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển;	
b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;	b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;	
c) Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia;	c) Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia;	
d) Sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe).	d) Sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe).	
8. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:	8. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:	
a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc đã hết hạn sử dụng từ 06 tháng trở lên;	a) Có Giấy phép lái xe nhưng không phù hợp với loại xe đang điều khiển hoặc đã hết hạn sử dụng <i>dưới 03 tháng</i> ;	Rà soát với Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT)
b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp,	b) Sử dụng Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Giấy phép lái xe bị tẩy xóa;		
c) Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia;	c) Có Giấy phép lái xe quốc tế do các nước tham gia Công ước về Giao thông đường bộ năm 1968 cấp (trừ Giấy phép lái xe quốc tế do Việt Nam cấp) nhưng không mang theo Giấy phép lái xe quốc gia;	
d) Sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe).	d) Sử dụng Giấy phép lái xe không hợp lệ (Giấy phép lái xe có số phôi ghi ở mặt sau không trùng với số phôi được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe).	
	9. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự xe ô tô vi phạm một trong các hành vi sau đây:	
	a) Có Giấy phép lái xe nhưng đã hết hạn sử dụng từ 03 tháng trở lên;	Rà soát với Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT)
	b) Không có Giấy phép lái xe hoặc sử dụng Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp;	
9. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	10. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	
a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm c khoản 5; điểm b, điểm d khoản 7; điểm b, điểm d khoản 8 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa, Giấy phép lái xe không hợp lệ;	a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm c khoản 5; điểm b, điểm d khoản 7; điểm b, điểm d khoản 8 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu Giấy phép lái xe không do cơ quan có thẩm quyền cấp, Giấy phép lái xe bị tẩy xóa, Giấy phép lái xe không hợp lệ;	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 5, điểm d khoản 7, điểm d khoản 8 bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng.	b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 5, điểm d khoản 7, điểm d khoản 8 bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe được cấp mới nhất trong hệ thống thông tin quản lý Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng	
Điều 23. Xử phạt người điều khiển xe ô tô chở hành khách, ô tô chở người và các loại xe tương tự xe ô tô chở hành khách, chở người vi phạm quy định về vận tải đường bộ		
2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách, ô tô chở người (trừ xe buýt) thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.	2. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 75.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách, ô tô chở người (trừ xe buýt) thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ, trừ các hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.	
4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách chạy tuyến có cự ly lớn hơn 300 km thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30	4. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 75.000.000 đồng đối với người điều khiển xe ô tô chở hành khách chạy tuyến có cự ly lớn hơn 300 km thực hiện hành vi vi phạm: Chở quá từ 02 người trở lên trên xe đến 9 chỗ, chở quá từ 03 người trở lên trên xe 10 chỗ đến xe 15 chỗ, chở quá từ 04 người trở lên trên xe 16 chỗ đến xe 30 chỗ, chở quá từ 05 người trở lên trên xe trên 30 chỗ.	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
chỗ.		
5. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
g) Điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 6 Điều này;		Bãi bỏ điểm g khoản 5
p) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách không lắp camera theo quy định (đối với loại xe có quy định phải lắp camera) hoặc có lắp camera nhưng không ghi, không lưu trữ được hành ảnh trên xe (kể cả người lái xe) trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định;	p) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách không lắp camera theo quy định (đối với loại xe có quy định phải lắp camera) hoặc có lắp camera nhưng không ghi, không lưu trữ được hành ảnh trên xe, người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định <i>hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của camera của xe ô tô;</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT
6. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
đ) Điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách có gắn thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;	đ) Điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hành khách <i>không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định hoặc có gắn thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT
e) Điều khiển xe chở hành khách liên vận quốc tế không có hoặc không gắn ký hiệu phân biệt quốc gia, phù hiệu liên vận theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng phù hiệu không do cơ quan có thẩm quyền cấp.	c) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa không lắp camera theo quy định (đối với loại xe có quy định phải lắp camera) hoặc có lắp camera nhưng không ghi, không lưu trữ được hành ảnh trên xe, người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định <i>hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	<i>pháp khác làm sai lệch dữ liệu của camera của xe ô tô;</i>	
Điều 24. Xử phạt người điều khiển xe ô tô tải, máy kéo (bao gồm cả rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo) và các loại xe tương tự xe ô tô vận chuyển hàng hóa vi phạm quy định về vận tải đường bộ		
3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hàng hóa không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 5 Điều này;		Bãi bỏ điểm a khoản 3
c) Điều khiển xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa không lắp camera theo quy định (đối với loại xe có quy định phải lắp camera) hoặc có lắp camera nhưng không ghi, không lưu trữ được hình ảnh của người lái xe trong quá trình điều khiển xe tham gia giao thông theo quy định.	c) Điều khiển xe tham gia kinh doanh vận tải hàng hóa <i>không gắn thiết bị giám sát hành trình của xe theo quy định hoặc có gắn thiết bị giám sát hành trình của xe nhưng thiết bị không hoạt động theo quy định hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT
5. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
d) Điều khiển xe kéo theo rơ moóc, sơ mi rơ moóc mà khối lượng toàn bộ (bao gồm khối lượng bản thân rơ moóc, sơ mi rơ moóc và khối lượng hàng chuyên chở) của rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt khối lượng cho phép kéo theo được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 30% đến 50%.		Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT
Điều 25. Xử phạt người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm quy định về vận chuyển	Điều 25. Xử phạt người điều khiển xe ô tô thực hiện hành vi vi phạm quy định về vận chuyển hàng siêu	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hàng siêu trường, siêu trọng	trường, siêu trọng	
1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	1. Phạt tiền từ <i>2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Chở hàng siêu trường, siêu trọng không có báo hiệu kích thước của hàng theo quy định;	a) Chở hàng siêu trường, siêu trọng không có báo hiệu kích thước của hàng theo quy định;	
b) Không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép lưu hành, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.	b) Không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép lưu hành, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm b, điểm c, điểm d khoản 2 Điều này.	
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	2. Phạt tiền từ <i>13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Chở hàng siêu trường, siêu trọng không có Giấy phép lưu hành hoặc có Giấy phép lưu hành nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng Giấy phép lưu hành không do cơ quan có thẩm quyền cấp;	a) Chở hàng siêu trường, siêu trọng không có Giấy phép lưu hành hoặc có Giấy phép lưu hành nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc sử dụng Giấy phép lưu hành không do cơ quan có thẩm quyền cấp;	
b) Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng, kích thước bao ngoài của xe (sau khi đã xếp hàng lên xe) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành;	b) Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng, kích thước bao ngoài của xe (sau khi đã xếp hàng lên xe) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành;	
c) Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành;	c) Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành;	
d) Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng chở không đúng loại hàng quy định trong Giấy phép lưu hành.	d) Chở hàng siêu trường, siêu trọng có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng chở không đúng loại hàng quy định trong Giấy phép lưu hành.	
3. Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	3. Ngoài việc bị phạt tiền, người thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	
b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng;	b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 2 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 02 tháng đến 04 tháng;	
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này bị tịch thu Giấy phép lưu hành đã hết giá trị sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.	c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này bị tịch thu Giấy phép lưu hành đã hết giá trị sử dụng hoặc không do cơ quan có thẩm quyền cấp.	
4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	
Điều 28. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ		
1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
e) Không đánh số thứ tự ghế ngồi trên xe ô tô chở	e) Không đánh số thứ tự ghế ngồi, <i>giường nằm</i> trên xe ô tô	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hành khách theo quy định;	chở hành khách theo quy định;	
g) Sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt không có chỗ ưu tiên cho người khuyết tật, người cao tuổi và phụ nữ mang thai theo quy định;		
h) Sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách không có hướng dẫn cho hành khách về an toàn giao thông, thoát hiểm khi xảy ra sự cố trên xe theo quy định.		
	<i>i) Không thanh toán tiền vé cho khách theo quy định đối với tuyến cố định có cự ly từ 300 km trở xuống</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT
3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.	3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%; <i>b) Không thanh toán tiền vé cho khách theo quy định đối với tuyến cố định có cự ly trên 300 km.</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT
4. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
d) Sử dụng xe taxi chở hành khách không gắn hộp	d) Sử dụng xe taxi chở hành khách không gắn hộp đèn với	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
đèn với chữ "TAXI" trên nóc xe và không niêm yết cụm từ “XE TAXI” trên kính phía trước, kính phía sau xe theo quy định hoặc có gắn hộp đèn, có niêm yết cụm từ “XE TAXI” nhưng không cố định, không đúng kích thước, không làm bằng vật liệu phản quang theo quy định; không có hoặc có số điện thoại giao dịch ghi trên xe không đúng với đăng ký của doanh nghiệp (hợp tác xã);	chữ "TAXI" trên nóc xe <i>hoặc</i> không niêm yết cụm từ “XE TAXI” trên kính phía trước, kính phía sau xe theo quy định hoặc có gắn hộp đèn, có niêm yết cụm từ “XE TAXI” nhưng không cố định, không đúng kích thước, không làm bằng vật liệu phản quang theo quy định; không có hoặc có số điện thoại giao dịch ghi trên xe không đúng với đăng ký của doanh nghiệp (hợp tác xã);	
6. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
o) Sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải không lắp camera theo quy định (đối với loại xe có quy định phải lắp camera) hoặc có lắp camera nhưng không ghi, không lưu trữ được hình ảnh trên xe, người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định;	o) Sử dụng xe ô tô kinh doanh vận tải không lắp camera theo quy định (đối với loại xe có quy định phải lắp camera) hoặc có lắp camera nhưng không ghi, không lưu trữ được hình ảnh trên xe, người lái xe trong quá trình xe tham gia giao thông theo quy định <i>hoặc sử dụng biện pháp kỹ thuật, trang thiết bị ngoại vi, các biện pháp khác làm sai lệch dữ liệu của camera của xe ô tô;</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/NĐ-CP
p) Không thực hiện việc truyền, lưu trữ hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô về máy chủ của đơn vị, không cung cấp tài khoản truy cập vào máy chủ của đơn vị cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;	p) Không thực hiện việc <i>cung cấp, cập nhật</i>, truyền, lưu trữ, <i>quản lý dữ liệu</i> hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô theo quy định, không cung cấp tài khoản truy cập vào máy chủ của đơn vị cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định;	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/NĐ-CP
8. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô, đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải thực hiện một trong các hành vi sau:	8. Phạt tiền từ <i>20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng</i> đối với đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô, đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải thực hiện một trong các hành vi sau:	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
a) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô không có nhân sự cho từng vị trí công việc theo quy định;	a) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô không có nhân sự cho từng vị trí công việc theo quy định;	
b) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô không báo cáo về việc cập nhật, thay đổi Firmware của thiết bị theo quy định;	b) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô không báo cáo về việc cập nhật, thay đổi Firmware của thiết bị theo quy định;	
c) Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải không thực hiện đúng quy định về cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải; không công bố quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, không có hệ thống lưu trữ các khiếu nại của khách hàng theo quy định.	c) Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải không thực hiện đúng quy định về cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải; không công bố quy trình giải quyết khiếu nại của khách hàng, không có hệ thống lưu trữ các khiếu nại của khách hàng theo quy định;	
	<i>d) Đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải không cung cấp cho cơ quan quản lý danh sách các đơn vị kinh doanh vận tải, xe ô tô và lái xe của các đơn vị vận tải hợp tác với đơn vị cung cấp phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải hoặc không cung cấp tài khoản truy cập vào phần mềm ứng dụng hỗ trợ kết nối vận tải cho cơ quan quản lý khi có yêu cầu; hoặc không thực hiện lưu trữ theo quy định</i>	
9. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô hoặc đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình của xe ô tô thực hiện hành vi làm sai lệch các thông tin, dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô.	9. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu camera lắp trên xe ô tô, thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô; đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình của xe ô tô; đơn vị cung cấp dịch vụ phần cứng, phần mềm xử lý dữ liệu, truyền dẫn dữ liệu của camera trên xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
	a) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu thiết bị giám sát	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	hành trình của xe ô tô, đơn vị cung cấp dịch vụ giám sát hành trình của xe ô tô làm sai lệch các thông tin, dữ liệu của thiết bị giám sát hành trình của xe ô tô;	
	<i>b) Đơn vị sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu camera lắp trên xe ô tô, đơn vị cung cấp dịch vụ phần cứng, phần mềm xử lý dữ liệu, truyền dẫn dữ liệu của camera trên xe ô tô làm sai lệch các thông tin, dữ liệu của camera trên xe ô tô.</i>	Rà soát với Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và Thông tư số 12/2020/NĐ-CP
Điều 29. Xử phạt hành vi sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; sản xuất, bán biến số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép	Điều 29. Xử phạt hành vi sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; sản xuất, bán biến số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ trái phép	
1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi bán biến số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không phải là biến số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sản xuất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.	1. Phạt tiền từ <i>10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 24.000.000 đồng</i> đối với tổ chức thực hiện hành vi bán biến số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ không phải là biến số do cơ quan nhà nước có thẩm quyền sản xuất hoặc không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.	
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sản xuất biến số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	2. Phạt tiền từ <i>30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng</i> đối với tổ chức thực hiện hành vi sản xuất biến số trái phép hoặc sản xuất, lắp ráp trái phép phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	
3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu biến số, phương tiện sản xuất, lắp ráp trái phép.	3. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung tịch thu biến số, phương tiện sản xuất, lắp ráp trái phép.	
4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi quy định tại khoản	4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
1, khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.	này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính.	
Điều 30. Xử phạt chủ phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ		
2. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 400.000 đồng đối với cá nhân, từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Tự ý thay đổi màu sơn của xe không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe;		Bãi bỏ điểm b khoản 2
3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với chủ phương tiện là cá nhân, từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 80.000.000 đồng đối với chủ phương tiện là tổ chức giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.	3. Phạt tiền từ 400.000 đồng đến 600.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá <i>75.000.000 đồng</i> đối với chủ phương tiện là cá nhân, từ 800.000 đồng đến 1.200.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá <i>150.000.000 đồng</i> đối với chủ phương tiện là tổ chức giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định này.	
b) Không làm thủ tục đổi lại Giấy đăng ký xe theo quy định khi thay đổi địa chỉ của chủ xe;	b) Không làm thủ tục đổi lại Giấy đăng ký xe theo quy định khi thay đổi địa chỉ của chủ xe <i>hoặc các trường hợp khác theo quy định</i>	
5. Phạt tiền từ 800.000 đồng đến 2.000.000 đồng		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
đối với cá nhân, từ 1.600.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe mô tô, xe gắn máy và các loại xe tương tự xe mô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	l) T ự ý thay đổi màu sơn của xe không đúng với màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe;	
6. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 40.000.000 đồng đối với chủ phương tiện là cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 80.000.000 đồng đối với chủ phương tiện là tổ chức giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này.	6. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 75.000.000 đồng đối với chủ phương tiện là cá nhân, từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng trên mỗi người vượt quá quy định được phép chở của phương tiện nhưng tổng mức phạt tiền tối đa không vượt quá 150.000.000 đồng đối với chủ phương tiện là tổ chức giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 23 Nghị định này.	
7. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 4.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
d) Không làm thủ tục đổi lại Giấy đăng ký xe theo quy định khi xe đã được cải tạo hoặc khi thay đổi địa chỉ của chủ xe;	d) Không làm thủ tục đổi lại Giấy đăng ký xe theo quy định khi xe đã được cải tạo hoặc khi thay đổi địa chỉ của chủ xe <i>hoặc các trường hợp khác theo quy định;</i>	
k) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện		Bãi bỏ điểm k khoản 7

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này;		
m) Đưa phương tiện không có Giấy đăng ký xe tham gia giao thông hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng; đưa phương tiện có Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời tham gia giao thông quá thời hạn, tuyến đường, phạm vi cho phép.		Bãi bỏ điểm m khoản 7
8. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 8.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
đ) Đưa phương tiện quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 6 Điều 28 Nghị định này;		Bãi bỏ điểm đ khoản 8
9. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 12.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
d) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 5 Điều 24 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 5 Điều 24 Nghị định này;	d) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 33 Nghị định này	
e) Đưa xe ô tô tải có kích thước thùng xe không		Bãi bỏ điểm e khoản 9

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã đăng ký với cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tham gia giao thông;		
10. Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 28.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
e) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 33 Nghị định này;	e) Đưa phương tiện không có Giấy đăng ký xe tham gia giao thông hoặc có nhưng đã hết hạn sử dụng; đưa phương tiện có Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời, <i>phương tiện có phạm vi hoạt động hạn chế</i> tham gia giao thông quá thời hạn, tuyền đường, phạm vi cho phép.	
g) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 33 Nghị định này;		Bãi bỏ điểm g khoản 10
h) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 33 Nghị định này;		Bãi bỏ điểm h khoản 10
12. Phạt tiền từ 18.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 36.000.000 đồng đến		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
40.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định này.	b) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều 33 Nghị định này	
13. Phạt tiền từ 28.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 56.000.000 đồng đến 64.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô khi giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 33 Nghị định này.	13. Phạt tiền từ 28.000.000 đồng đến 32.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 56.000.000 đồng đến 64.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên dùng và các loại xe tương tự xe ô tô khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 5 Điều 33 Nghị định này; b) Đưa xe ô tô tải có kích thước thùng xe không đúng thiết kế của nhà sản xuất hoặc thiết kế đã đăng ký với cơ quan đăng ký xe hoặc thiết kế cải tạo đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt tham gia giao thông; c) Đưa phương tiện quá niên hạn sử dụng tham gia giao thông, trừ hành vi vi phạm quy định tại điểm i khoản 6 Điều 28 Nghị định này;”	
	14. Phạt tiền từ 70.000.000 đồng đến 75.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 140.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với tổ chức là chủ xe ô tô, máy kéo, xe máy chuyên	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	dùng và các loại xe tương tự xe ô tô khi thực hiện hành vi giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 33 Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều 33 Nghị định này.	
14. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	15. Ngoài việc bị phạt tiền, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	
a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm d, điểm h, điểm i, điểm k khoản 5; điểm b, điểm e khoản 7; điểm e, điểm g, điểm i khoản 8 Điều này bị tịch thu biển số, Giấy đăng ký xe (trường hợp đã được cấp lại); tịch thu hồ sơ, các loại giấy tờ, tài liệu giả mạo; tịch thu biển số, thiết bị thay đổi biển số, Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời không đúng quy định hoặc bị tẩy xóa;	a) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm d, điểm h, điểm i, điểm k khoản 5; điểm b, điểm e khoản 7; điểm e, điểm g, điểm i khoản 8 Điều này bị tịch thu biển số, Giấy đăng ký xe (trường hợp đã được cấp lại); tịch thu hồ sơ, các loại giấy tờ, tài liệu giả mạo; tịch thu biển số, thiết bị thay đổi biển số, Giấy đăng ký xe, Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện, Giấy chứng nhận đăng ký xe tạm thời không đúng quy định hoặc bị tẩy xóa;	
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 7, điểm đ khoản 8, điểm b khoản 9 Điều này bị tịch thu phương tiện;	b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 5, điểm a khoản 7, điểm b khoản 9, <i>điểm c khoản 13</i> Điều này bị tịch thu phương tiện;	
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g, điểm h khoản 5; điểm m khoản 7; điểm e khoản 8 Điều này trong trường hợp không có Giấy đăng ký xe hoặc có Giấy đăng ký xe nhưng không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng số khung, số máy của xe hoặc bị tẩy xóa (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) mà không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của phương tiện (không có giấy tờ, chứng từ	c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g, điểm h khoản 5; điểm e khoản 8, <i>điểm e khoản 10</i> Điều này trong trường hợp không có Giấy đăng ký xe hoặc có Giấy đăng ký xe nhưng không do cơ quan có thẩm quyền cấp, không đúng số khung, số máy của xe hoặc bị tẩy xóa (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) mà không chứng minh được nguồn gốc xuất xứ của phương tiện (không có giấy tờ, chứng từ chuyển quyền sở hữu xe hoặc giấy tờ, chứng từ nguồn gốc	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
chuyển quyền sở hữu xe hoặc giấy tờ, chứng từ nguồn gốc xe hợp pháp) thì bị tịch thu phương tiện;	xe hợp pháp) thì bị tịch thu phương tiện;	
d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 5; điểm g, điểm i, điểm m khoản 7; điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm i khoản 8; điểm c, điểm d, điểm đ, điểm h khoản 9; điểm a, điểm e khoản 10 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển xe cơ giới), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 01 tháng đến 03 tháng;	d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 5; điểm g, điểm i; điểm b, điểm c, điểm d, điểm e, điểm g, điểm i khoản 8; điểm c, điểm d, điểm h khoản 9; điểm a, điểm e khoản 10; <i>khoản 13</i> Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển xe cơ giới), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 01 tháng đến 03 tháng;	
đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, điểm g, điểm h khoản 10; khoản 11; điểm b khoản 12 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển xe cơ giới), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 02 tháng đến 04 tháng;	đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ, khoản 10; khoản 11; điểm b khoản 12 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển xe cơ giới), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 02 tháng đến 04 tháng;	
e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 12, khoản 13 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển xe cơ giới), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 03 tháng đến 05 tháng;	e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 12, <i>khoản 14</i> Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển xe cơ giới), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 03 tháng đến 05 tháng;	
g) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 6	g) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện chở vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện, còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện chở vượt trên 50% đến 100% số người quy định được phép chở của phương tiện, còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 01 tháng đến 03 tháng;	
h) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện chở vượt trên 100% số người quy định được phép chở của phương tiện, còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng;	h) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều này trong trường hợp chủ phương tiện là người trực tiếp điều khiển phương tiện chở vượt trên 100% số người quy định được phép chở của phương tiện, còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe từ 03 tháng đến 05 tháng;	
i) Thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 7, điểm d khoản 9, điểm a khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều này mà phương tiện đó có thùng xe, khối lượng hàng hóa cho phép chuyên chở không đúng theo quy định hiện hành thì còn bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng;	i) Thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 7, điểm d khoản 9, điểm a khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều này mà phương tiện đó có thùng xe, khối lượng hàng hóa cho phép chuyên chở không đúng theo quy định hiện hành thì còn bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng;	
k) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm e, điểm g khoản 9 Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng;	k) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm g khoản 9, <i>điểm b khoản 13</i> Điều này bị tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường và Tem kiểm định của phương tiện từ 01 tháng đến 03 tháng;	
l) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều này trong trường hợp chở vượt trên 50% số người quy định được phép chở của phương tiện còn bị tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có). Thực hiện hành vi quy định tại điểm h, điểm i khoản 7; điểm c, điểm d,	l) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều này trong trường hợp chở vượt trên 50% số người quy định được phép chở của phương tiện còn bị tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có). Thực hiện hành vi quy định tại điểm h, điểm i khoản 7; điểm c, điểm d, điểm đ khoản 9; <i>điểm a, điểm b, điểm c,</i>	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
điểm đ khoản 9; khoản 10; khoản 11; khoản 12; khoản 13 Điều này còn bị tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có).	<i>điểm d, điểm đ</i> khoản 10; khoản 11; khoản 12; <i>điểm a</i> khoản 13; <i>khoản 14</i> Điều này còn bị tước quyền sử dụng phù hiệu (biển hiệu) từ 01 tháng đến 03 tháng (nếu có).	
15. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:	16. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:	
a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1; điểm b khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại nhãn hiệu, màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe theo quy định;	a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1; <i>điểm l khoản 5</i> Điều này buộc phải khôi phục lại nhãn hiệu, màu sơn ghi trong Giấy đăng ký xe theo quy định;	
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này buộc phải thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định (lắp đúng loại kính an toàn);	b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a khoản 2 Điều này buộc phải thay thế thiết bị đủ tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật theo quy định (lắp đúng loại kính an toàn);	
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 4, điểm đ khoản 7 Điều này buộc phải thực hiện đúng quy định về biển số, quy định về kẻ chữ trên thành xe và cửa xe;	c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 4, điểm đ khoản 7 Điều này buộc phải thực hiện đúng quy định về biển số, quy định về kẻ chữ trên thành xe và cửa xe;	
d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm e, điểm g khoản 9 Điều này buộc phải khôi phục lại hình dáng, kích thước, tình trạng an toàn kỹ thuật ban đầu của xe và đăng kiểm lại trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông;	d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm g khoản 9, <i>điểm b khoản 13</i> Điều này buộc phải khôi phục lại hình dáng, kích thước, tình trạng an toàn kỹ thuật ban đầu của xe và đăng kiểm lại trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông;	
đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 7, điểm d khoản 9, điểm a khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều này mà phương tiện đó có thùng xe, khối lượng hàng hóa cho phép chuyên chở không đúng theo quy định hiện hành thì còn bị buộc phải thực hiện điều chỉnh thùng xe theo đúng quy định hiện hành, đăng kiểm lại và điều chỉnh lại khối	đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm h khoản 7, điểm d khoản 9, điểm a khoản 10, khoản 11, điểm a khoản 12 Điều này mà phương tiện đó có thùng xe, khối lượng hàng hóa cho phép chuyên chở không đúng theo quy định hiện hành thì còn bị buộc phải thực hiện điều chỉnh thùng xe theo đúng quy định hiện hành, đăng kiểm lại và điều chỉnh lại khối	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
lượng hàng hóa cho phép chuyên chở ghi trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông;	Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định hiện hành trước khi đưa phương tiện ra tham gia giao thông;	
e) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3, khoản 6 Điều này (trường hợp chở hành khách) buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện;		Bãi bỏ điểm e khoản 15
g) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g, điểm h, điểm i, điểm k khoản 7; điểm c khoản 8; điểm d, điểm đ khoản 9; khoản 10; khoản 11; khoản 12; khoản 13 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;	e) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm g, điểm h, điểm i khoản 7; điểm c khoản 8; điểm d, điểm đ khoản 9; điểm a, điểm b, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 10; khoản 11; khoản 12; khoản 13; khoản 14 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;	
h) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4; điểm e, điểm g khoản 5; điểm c, điểm d, điểm l, điểm m khoản 7 Điều này buộc phải làm thủ tục đăng ký xe, đăng ký sang tên, đổi lại, thu hồi Giấy đăng ký xe, biển số xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định (trừ trường hợp bị tịch thu phương tiện).	g) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4; điểm e, điểm g khoản 5; điểm c, điểm d, điểm l, điểm e <i>khoản 10</i> Điều này buộc phải làm thủ tục đăng ký xe, đăng ký sang tên, đổi lại, thu hồi Giấy đăng ký xe, biển số xe, Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định (trừ trường hợp bị tịch thu phương tiện).	
Điều 33. Xử phạt người điều khiển xe bánh xích; xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của cầu, đường (kể cả xe ô tô chở hành khách)	Điều 33. Xử phạt người điều khiển xe bánh xích; xe quá tải trọng, quá khổ giới hạn của cầu, đường (kể cả xe ô tô chở hành khách)	
1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép lưu hành, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 3; điểm b, điểm c khoản 4 Điều này.	1. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định trong Giấy phép lưu hành, trừ các hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 3; điểm b, điểm c khoản 4 Điều này.	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 10% đến 20%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	2. Phạt tiền từ <i>4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng</i> đối với hành vi điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 10% đến 20%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	
3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ <i>6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường ghi trong Giấy phép lưu hành;	a) Chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường ghi trong Giấy phép lưu hành;	
b) Điều khiển xe bánh xích tham gia giao thông không có Giấy phép lưu hành hoặc có Giấy phép lưu hành nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định hoặc lưu thông trực tiếp trên đường mà không thực hiện biện pháp bảo vệ đường theo quy định;	b) Điều khiển xe bánh xích tham gia giao thông không có Giấy phép lưu hành hoặc có Giấy phép lưu hành nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định hoặc lưu thông trực tiếp trên đường mà không thực hiện biện pháp bảo vệ đường theo quy định;	
c) Điều khiển xe vượt quá khổ giới hạn của cầu, đường hoặc chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường tham gia giao thông, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;	c) Điều khiển xe vượt quá khổ giới hạn của cầu, đường hoặc chở hàng vượt khổ giới hạn của cầu, đường tham gia giao thông, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;	
d) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 20% đến 50%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.		
4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	4. Phạt tiền từ <i>10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành.	
a) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 50% đến 100%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;		
b) Điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe nếu có) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành;		
c) Điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong Giấy phép lưu hành.		
5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với hành vi điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 100% đến 150%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	5. Phạt tiền từ <i>13.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Điều khiển xe có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe nếu có) vượt quá quy định trong Giấy phép lưu hành; b) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 20% đến 50%, trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	
6. Phạt tiền từ 14.000.000 đồng đến 16.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	6. Phạt tiền từ <i>40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 150%,	a) Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của cầu, đường trên 50%, trừ trường hợp có Giấy	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
trừ trường hợp có Giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng;	phép lưu hành còn giá trị sử dụng;	
b) Không chấp hành việc kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn xe khi có tín hiệu, hiệu lệnh yêu cầu kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn xe; chuyển tải hoặc dùng các thủ đoạn khác để trốn tránh việc phát hiện xe chở quá tải, quá khổ.	b) Không chấp hành việc kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn xe khi có tín hiệu, hiệu lệnh yêu cầu kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn xe; chuyển tải hoặc dùng các thủ đoạn khác để trốn tránh việc phát hiện xe chở quá tải, quá khổ.	
7. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	7. Ngoài việc bị phạt tiền, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:	
a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 3, điểm a khoản 4 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 01 tháng đến 03 tháng;	a) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 1, khoản 3, <i>điểm b khoản 5</i> Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 01 tháng đến 03 tháng;	
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b, điểm c khoản 4; khoản 5 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 02 tháng đến 04 tháng;	b) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4; <i>điểm b</i> khoản 5 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 02 tháng đến 04 tháng;	
c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 03 tháng đến 05 tháng.	c) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 6 Điều này còn bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe (khi điều khiển ô tô, máy kéo và các loại xe tương tự ô tô), chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ (khi điều khiển xe máy chuyên dùng) từ 03 tháng đến 05 tháng.	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
8. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	8. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6 Điều này nếu gây hư hại cầu, đường còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.”	
Điều 34. Xử phạt người đua xe trái phép, cổ vũ đua xe trái phép		
2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép.	2. Phạt tiền từ <i>10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng</i> đối với người đua xe mô tô, xe gắn máy, xe máy điện trái phép.	
3. Phạt tiền từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với người đua xe ô tô trái phép.	3. Phạt tiền từ <i>20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng</i> đối với người đua xe ô tô trái phép.	
Điều 35. Xử phạt người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gắn biển số nước ngoài	Điều 35. Xử phạt người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gắn biển số nước ngoài	
1. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gắn biển số nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	1. Phạt tiền từ <i>1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng</i> đối với người điều khiển phương tiện giao thông cơ giới đường bộ gắn biển số nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển phương tiện không gắn ký hiệu phân biệt quốc gia theo quy định;	a) Điều khiển phương tiện không gắn ký hiệu phân biệt quốc gia theo quy định;	
b) Giấy tờ của phương tiện không có bản dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo quy định;	b) Giấy tờ của phương tiện không có bản dịch sang tiếng Anh hoặc tiếng Việt theo quy định;	
c) Xe chở khách không có danh sách hành khách theo quy định.	c) Xe chở khách không có danh sách hành khách theo quy định.	
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	2. Phạt tiền từ <i>8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng</i> đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Lưu hành phương tiện trên lãnh thổ Việt Nam	a) Điều khiển phương tiện không có Giấy phép vận tải	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
quá thời hạn quy định;	quốc tế, phù hiệu vận tải quốc tế liên vận theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng;	
b) Hoạt động quá phạm vi được phép hoạt động;	b) Điều khiển phương tiện không gắn biển số tạm thời hoặc gắn biển số tạm thời không do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có quy định phải gắn biển số tạm thời);	
c) Điều khiển phương tiện không có Giấy phép vận tải quốc tế, phù hiệu vận tải quốc tế liên vận theo quy định hoặc có nhưng đã hết giá trị sử dụng;	c) Vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa không đúng với quy định tại Hiệp định vận tải đường bộ, Nghị định thư đã ký kết <i>(trừ các hành vi vi phạm quy định tại mục 5 chương II Nghị định này)</i> ;	
d) Điều khiển phương tiện không gắn biển số tạm thời hoặc gắn biển số tạm thời không do cơ quan có thẩm quyền cấp (nếu có quy định phải gắn biển số tạm thời);	d) Điều khiển xe ô tô có tay lái bên phải, xe ô tô hoặc xe mô tô của người nước ngoài vào Việt Nam du lịch tham gia giao thông mà không có xe dẫn đường theo quy định;	
đ) Vận chuyển hành khách hoặc hàng hóa không đúng với quy định tại Hiệp định vận tải đường bộ, Nghị định thư đã ký kết;	đ) Điều khiển xe ô tô có tay lái bên phải, xe ô tô gắn biển số nước ngoài tham gia giao thông mà người điều khiển xe không đúng quốc tịch theo quy định.	
e) Điều khiển xe ô tô có tay lái bên phải, xe ô tô hoặc xe mô tô của người nước ngoài vào Việt Nam du lịch tham gia giao thông mà không có xe dẫn đường theo quy định;		
g) Điều khiển xe ô tô có tay lái bên phải, xe ô tô gắn biển số nước ngoài tham gia giao thông mà người điều khiển xe không đúng quốc tịch theo quy định.		
	3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 12.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây: a) Hoạt động quá phạm vi được phép hoạt động; b) Lưu hành phương tiện trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn quy định <i>dưới 30 ngày</i> ;	Rà soát với khoản 5 Điều 7 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
	4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 35.000.000 đồng đối với hành vi lưu hành phương tiện trên lãnh thổ Việt Nam quá thời hạn quy định từ 30 ngày trở lên.	Rà soát với khoản 5 Điều 7 Nghị định số 128/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hải quan
3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm c, điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tái xuất phương tiện khỏi Việt Nam.	3. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, người điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, <i>điểm b</i> , điểm c, điểm d khoản 2; <i>điểm b</i> khoản 3; <i>khoản 4</i> Điều này còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tái xuất phương tiện khỏi Việt Nam.	Rà soát để quy định biện pháp khắc phục cho phù hợp đối với các hành vi vi phạm
Điều 37. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về đào tạo, sát hạch lái xe		
1. Phạt tiền từ 600.000 đồng đến 800.000 đồng đối với giáo viên dạy lái xe thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
d) Không đeo phù hiệu “Giáo viên dạy lái xe” khi giảng dạy;	<i>d) Tổ chức đào tạo cho học viên chưa có đủ hồ sơ của người học lái xe theo quy định.</i>	Rà soát với Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 01/2021/TT-BGTVT)
Điều 38. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về hoạt động kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới		
1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của Trung tâm đăng kiểm thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	<i>c) Thực hiện không đúng nhiệm vụ được phân công.</i>	
Điều 44. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
về chấp hành tín hiệu giao thông đường sắt		
3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với lái tàu, trưởng tàu, <i>phó trưởng tàu khách</i> phụ trách an toàn thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	Rà soát bổ sung quy định xử phạt đối với chức danh “phó trưởng tàu khách” theo với khoản 1 Điều 35 Luật Đường sắt Việt Nam, Điều 3 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT
a) Lái tàu, trưởng tàu cho tàu chạy khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trục ban chạy tàu ga hoặc người làm tín hiệu truyền;	a) Lái tàu, trưởng tàu, <i>phó trưởng tàu khách</i> phụ trách an toàn cho tàu chạy <i>khi chưa nhận được tín hiệu an toàn của trục ban chạy tàu ga</i> hoặc người làm tín hiệu truyền;	
Điều 47. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về quy tắc giao thông tại đường ngang, cầu chung, hầm đường sắt		
4. Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 300.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.	4. <i>Phạt tiền từ 200.000 đồng đến 250.000 đồng đối với người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy (kể cả xe máy điện), các loại xe tương tự xe mô tô và các loại xe tương tự xe gắn máy dừng xe, đỗ xe trong phạm vi an toàn đường ngang, cầu chung; không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường khi đi qua đường ngang, cầu chung.</i>	
Điều 51. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ công trình đường sắt		
1. Phạt tiền từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng đối với cá nhân đổ, để rác thải sinh hoạt lên đường sắt hoặc xả rác thải sinh hoạt từ trên tàu xuống đường sắt.		
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 6.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
vi vi phạm sau đây:		
a) Đổ, để chất độc hại, chất phế thải lên đường sắt hoặc xả chất thải không bảo đảm vệ sinh môi trường lên đường sắt;		
b) Đổ trái phép đất, đá, vật liệu khác lên đường sắt hoặc để rơi đất, đá, vật liệu khác từ trên tàu xuống đường sắt trong quá trình vận chuyển;		
c) Để chất dễ cháy, chất dễ nổ trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;		
d) Làm che lấp tín hiệu giao thông đường sắt;		
đ) Làm hư hỏng hoặc làm mất tác dụng của hệ thống thoát nước công trình đường sắt;		
e) Đặt tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác trái phép trong lòng đường sắt hoặc trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;		
g) Bơm, xả nước hoặc các chất lỏng khác làm ngập nền đường sắt, ảnh hưởng đến khả năng thoát nước của hệ thống thoát nước đường sắt hoặc ảnh hưởng đến chất lượng, an toàn công trình đường sắt.		
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Đào, lấy, san, lấp đất, đá hoặc các vật liệu khác trái phép trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, hành lang an toàn giao thông đường sắt;		
b) Làm hỏng, tháo dỡ trái phép tường rào, hàng rào ngăn cách giữa đường sắt với khu vực xung quanh; làm sai lệch vị trí hoặc phá, dỡ trái phép mốc chỉ		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
giới ga đường sắt, mốc giới đất dành cho đường sắt, hàng rào dùng để đóng lối đi tự mở, cọc dùng để thu hẹp lối đi tự mở;		
c) Làm hỏng, thay đổi, chuyển dịch biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt.		
4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Tự mở lối đi qua đường sắt;		
b) Khoan, đào, xẻ đường sắt trái phép;		
c) Tháo dỡ, làm xê dịch trái phép ray, tà vẹt, cầu kiện, phụ kiện, vật tư, trang thiết bị, hệ thống thông tin tín hiệu của đường sắt;		
d) Kéo đường dây thông tin, đường dây tải điện, xây dựng cầu, cầu vượt, hầm, hầm chui, cống, cột điện, cột viễn thông, hệ thống dẫn, chuyển nước, đường ống cấp nước, thoát nước, viễn thông (bao gồm cả công trình phục vụ quốc phòng, an ninh) trái phép qua đường sắt hoặc trong phạm vi đất dành cho đường sắt.		
5. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân, từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện hành vi sử dụng chất nổ; khai thác đất, đá, cát, sỏi, các vật liệu khác làm lún, nứt, sạt lở, rạn vỡ công trình đường sắt, cản trở giao thông đường sắt.		
6. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
a) Thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1; điểm a, điểm b khoản 2 Điều này buộc phải đưa rác thải sinh hoạt; đất, đá, chất độc hại, chất phế thải và các vật liệu khác ra khỏi đường sắt;		
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 2 Điều này buộc phải đưa chất dễ cháy, dễ nổ ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;		
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 2 Điều này buộc phải dỡ bỏ vật che khuất biển hiệu, mốc hiệu, tín hiệu của công trình đường sắt;		
d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu (của hệ thống thoát nước công trình đường sắt) đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;		
đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm e khoản 2 Điều này buộc phải đưa tấm đan bê tông, gỗ, sắt thép, các vật liệu khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi bảo vệ công trình đường sắt;		
e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm g khoản 2; khoản 3; điểm a, điểm b, điểm c khoản 4; khoản 5 Điều này buộc phải khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra;		
g) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép), khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	g) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 4 Điều này buộc phải tháo dỡ phá dỡ công trình xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng với giấy phép), khôi phục lại tình trạng ban đầu đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra.	
Điều 52. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về xây dựng công trình, khai thác tài nguyên và các hoạt động khác ở vùng lân cận phạm vi bảo		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
vệ công trình đường sắt		
4. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2; khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt;	b) Thực hiện hành vi quy định tại điểm a, điểm b, điểm c, điểm d khoản 2; khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ phá <i>dỡ</i> công trình xây dựng gây ảnh hưởng đến an toàn công trình đường sắt, an toàn giao thông đường sắt;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
Điều 53. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng, khai thác trong phạm vi đất dành cho đường sắt		
5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ, di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;	d) Thực hiện hành vi quy định tại điểm b khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ phá dỡ , di chuyển lều, quán dựng trái phép ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ, di chuyển biển quảng cáo, các biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;	đ) Thực hiện hành vi quy định tại điểm c khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ phá dỡ , di chuyển biển quảng cáo, các biển chỉ dẫn hoặc các vật che chắn khác (đặt trái phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt;	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ, di chuyển các công	e) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d khoản 3 Điều này buộc phải tháo dỡ phá dỡ , di chuyển các công trình, nhà ở,	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
trình, nhà ở, lều, quán gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt;	lều, quán gây trở ngại cho việc xây dựng, cải tạo, mở rộng và bảo đảm an toàn công trình đường sắt;	Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
g) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phải tháo dỡ, di chuyển nhà, công trình, biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng giấy phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.	g) Thực hiện hành vi quy định tại khoản 4 Điều này buộc phải tháo dỡ phá dỡ, di chuyển nhà, công trình, biển quảng cáo hoặc các biển chỉ dẫn xây dựng trái phép (không có giấy phép hoặc không đúng giấy phép) ra khỏi phạm vi đất dành cho đường sắt.	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
Điều 54. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về thi công xây dựng, quản lý, khai thác công trình thiết yếu không thuộc kết cấu hạ tầng đường sắt trong phạm vi đất dành cho đường sắt		
5. Ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt, cá nhân, tổ chức thực hiện hành vi vi phạm còn bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này buộc phải phá dỡ công trình hết hạn sử dụng, tháo dỡ công trình xây dựng không đúng với giấy phép hoặc bị thu hồi, hủy giấy phép.	c) Thực hiện hành vi quy định tại điểm d, điểm đ khoản 2 Điều này buộc phải phá dỡ công trình hết hạn sử dụng, tháo dỡ phá dỡ công trình xây dựng không đúng với giấy phép hoặc bị thu hồi, hủy giấy phép.	Rà soát để sửa đổi phù hợp với điểm a khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính.
Điều 66. Xử phạt đối với lái tàu, phụ lái tàu	Điều 66. Xử phạt đối với lái tàu, phụ lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp	Rà soát bổ sung quy định xử phạt đối với chức danh “người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp” theo với

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
		khoản 1 Điều 35 Luật Đường sắt Việt Nam, Điều 3 Thông tư số 33/2018/TT-BGTVT
3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	3. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
c) Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ đến 10 km/h.	c) Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ đến 10 km/h.	
4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với lái tàu điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 10 km/h đến 20 km/h.	4. Phạt tiền từ 4.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 10 km/h đến 20 km/h	
5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với lái tàu thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	5. Phạt tiền từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng đối với lái tàu, người trực tiếp điều khiển phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Điều khiển tàu chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 20 km/h;	a) Điều khiển tàu, phương tiện giao thông đường sắt phục vụ dây truyền công nghệ của doanh nghiệp chạy quá tốc độ quy định của Công lệnh tốc độ trên 20 km/h;	
Điều 67. Xử phạt các hành vi vi phạm quy định về sử dụng nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu		
a) Không tổ chức kiểm tra sức khỏe cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp;	a) Không tổ chức kiểm tra sức khỏe cho nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu trong phạm vi quản lý của doanh nghiệp <i>theo quy định của pháp luật</i> ;	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 75. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp	“Điều 75. Thẩm quyền xử phạt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp	
1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:	1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 10.000.000 đồng;	
d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:	2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:	3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.”	
Điều 76. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân	“Điều 76. Thẩm quyền xử phạt của Công an nhân dân	
1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:	1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 400.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt.	b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.	
2. Trạm trưởng, Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:	2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội, Trạm trưởng, Đội trưởng của người quy định tại khoản 1 Điều này có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 1.200.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực	b) Phạt tiền đến 1.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt.	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
vực giao thông đường sắt.		
3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất có quyền:	3. Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Trạm trưởng Trạm Công an cửa khẩu, khu chế xuất, Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 2.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 2.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 5.000.000 đồng;	
d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.	d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 4 của Nghị định này.	
4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt; Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động từ cấp đại đội trở lên, có quyền:	4. Trưởng Công an cấp huyện; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm Trưởng phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông đường bộ, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động; Trung đoàn trưởng Trung đoàn Cảnh sát cơ động có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 8.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 30.000.000 đồng;	
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:	5. Giám đốc Công an cấp tỉnh có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có quyền:	6. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh	b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
vực giao thông đường sắt;		
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, c, đ và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.”	
Điều 77. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa	Điều 77. Thẩm quyền xử phạt của Thanh tra chuyên ngành, Cảng vụ hàng hải, Cảng vụ hàng không, Cảng vụ đường thủy nội địa	
1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:	1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 400.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	c) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 1.000.000 đồng;	
d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	d) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ	2. Chánh Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, Chánh Thanh tra Cục Hàng hải Việt Nam, Thủ trưởng cơ quan quản lý đường bộ ở khu	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam có quyền:	vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Môi trường, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Đường sắt Việt Nam, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của cơ quan quản lý đường bộ ở khu vực thuộc Tổng cục Đường bộ Việt Nam có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 37.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 75.000.000 đồng;	
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm có quyền:	3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải, Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục kiểm soát ô nhiễm có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 28.000.000 đồng đối với hành vi vi	b) Phạt tiền đến 52.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 52.500.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền, sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền, sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 105.000.000 đồng;	
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:	4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Chánh Thanh tra Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Môi trường, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ và 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường sắt;	b) Phạt tiền đến 75.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
5. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:	5. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng hải, Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không, Trưởng đại diện Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ.	b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ.	
6. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có quyền:	6. Giám đốc Cảng vụ hàng hải, Giám đốc Cảng vụ hàng không, Giám đốc Cảng vụ đường thủy nội địa có quyền:	
a) Phạt cảnh cáo;	a) Phạt cảnh cáo;	
b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ;	b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm trong lĩnh vực giao thông đường bộ;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;	
d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức xử phạt tiền được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;	
đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, c, đ và e khoản 1 Điều 4 Nghị định này.	
Điều 80. Thủ tục xử phạt đối với chủ phương tiện, người điều khiển phương tiện vi phạm quy định liên quan đến giao thông đường bộ, đường sắt		
1. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm có mặt tại nơi xảy ra vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt lập biên bản vi phạm hành chính và ra quyết định xử phạt hành vi vi phạm hành chính	1. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm có mặt tại nơi xảy ra vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt lập biên bản vi phạm hành chính và <i>tiến hành</i> xử phạt hoặc xử phạt hành vi vi phạm hành chính theo các điểm, khoản	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
theo các điểm, khoản tương ứng của Điều 30 Nghị định này.	tương ứng của Điều 30 Nghị định này.	
2. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt căn cứ vào hành vi vi phạm để lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện và tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật, người điều khiển phương tiện phải ký vào biên bản vi phạm hành chính với tư cách là người chứng kiến và được chấp hành quyết định xử phạt thay cho chủ phương tiện.	2. Trong trường hợp chủ phương tiện vi phạm không có mặt tại nơi xảy ra vi phạm, thì người có thẩm quyền căn cứ vào hành vi vi phạm để lập biên bản vi phạm hành chính đối với chủ phương tiện và tiến hành xử phạt theo quy định của pháp luật, người điều khiển phương tiện phải ký vào biên bản vi phạm hành chính với tư cách là người chứng kiến và được chấp hành quyết định xử phạt thay cho chủ phương tiện	
5. Đối với những hành vi vi phạm quy định về tải trọng, khổ giới hạn của phương tiện, của cầu, đường được quy định tại Điều 24, Điều 28, Điều 30, Điều 33, Điều 65 của Nghị định này, người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải, cá nhân, tổ chức xếp hàng lên xe ô tô, phương tiện giao thông đường sắt buộc phải chấm dứt hành vi phạm theo quy định cụ thể sau đây:		
	<i>e) Đối với những hành vi vi phạm quy định về vận tải đường bộ được quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 23; khoản 3, khoản 6 Điều 30 của Nghị định này, người điều khiển phương tiện, chủ phương tiện, đơn vị kinh doanh vận tải buộc phải chấm dứt hành vi phạm theo quy định: buộc phải bố trí phương tiện khác để chở số hành khách vượt quá quy định được phép chở của phương tiện.</i>	
7. Khi xử phạt đối với chủ phương tiện quy định tại khoản 6 Điều này, thời hạn ra quyết định xử phạt có thể được kéo dài để xác minh đối tượng bị xử phạt	7. Khi xử phạt đối với chủ phương tiện quy định tại khoản 6 Điều này, thời hạn ra quyết định xử phạt có thể được kéo dài để xác minh đối tượng bị xử phạt theo quy định tại	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
theo quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính nhưng tối đa không quá 60 ngày.	khoản 1 Điều 66 Luật Xử lý vi phạm hành chính <i>(được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính)</i> nhưng tối đa không quá 60 ngày.	
8. Đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính được phát hiện thông qua việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ mà cơ quan chức năng chưa dừng ngay được phương tiện để xử lý, cơ quan chức năng gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) đến trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm; chủ phương tiện có nghĩa vụ phải hợp tác với cơ quan chức năng để xác định đối tượng đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm.	8. Đối với trường hợp hành vi vi phạm hành chính được phát hiện thông qua việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ mà cơ quan chức năng chưa dừng ngay được phương tiện để xử lý, cơ quan chức năng gửi thông báo yêu cầu chủ phương tiện và cá nhân, tổ chức có liên quan (nếu có) đến trụ sở để giải quyết vụ việc vi phạm; chủ phương tiện có nghĩa vụ phải hợp tác với cơ quan chức năng để xác định đối tượng đã điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm.	
11. Người có thẩm quyền xử phạt được sử dụng các thông tin, hình ảnh thu được từ thiết bị ghi âm, ghi hình của cá nhân, tổ chức cung cấp để làm căn cứ xác minh, phát hiện hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này.		Bãi bỏ khoản 11 Điều 80
Điều 81. Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn trong lĩnh vực giao thông đường bộ, đường sắt		
2. Thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc thời hạn đình chỉ hoạt động cụ thể đối với một hành vi vi phạm quy định tại Nghị định này là mức trung bình của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối thiểu của khung	2. <i>Trường hợp một cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính nhiều lần mà bị xử phạt trong cùng một lần thì bị xử phạt tiền đối với từng hành vi vi phạm, nếu hành vi vi phạm đó có quy định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề thì chỉ bị tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 01 lần với thời hạn tước là mức tối đa của khung thời gian tước quy định đối với hành vi đó.</i>	

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động; nếu có tình tiết tăng nặng thì thời hạn tước, đình chỉ hoạt động là mức tối đa của khung thời gian tước hoặc đình chỉ hoạt động.		
Điều 82. Tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm		
2. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính. Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hạn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.	2. Để bảo đảm thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính hoặc để xác minh tình tiết làm căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt còn có thể quyết định tạm giữ phương tiện, giấy tờ có liên quan đến người điều khiển và phương tiện vi phạm một trong các hành vi quy định tại Nghị định này theo quy định tại khoản 6, khoản 8 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 64 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính). Khi bị tạm giữ giấy tờ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, nếu quá thời hạn hạn đến giải quyết vụ việc vi phạm ghi trong biên bản vi phạm hành chính, người vi phạm chưa đến trụ sở của người có thẩm quyền xử phạt để giải quyết vụ việc vi phạm mà vẫn tiếp tục điều khiển phương tiện hoặc đưa phương tiện ra tham gia giao thông, sẽ bị áp dụng xử phạt như hành vi không có giấy tờ.	<i>Rà soát với khoản 64 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính</i>
Điều 83. Sử dụng kết quả thu được từ phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ do các tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt cung cấp làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao		Bãi bỏ để phù hợp với khoản 5 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính (được sửa đổi, bổ sung năm 2020) và đề nghị quy định tại Nghị định thay

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
thông đường bộ và đường sắt		thể Nghị định số 165/2013/NĐ-CP
1. Người có thẩm quyền xử phạt quy định tại Điều 75, Điều 76 và Điều 77 của Nghị định này được sử dụng kết quả thu được từ thiết bị cân kiểm tra tải trọng xe cơ giới, máy đo tốc độ có ghi hình ảnh, thiết bị ghi âm và ghi hình, thiết bị đo tải trọng trục bánh toa xe do các tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt cung cấp làm căn cứ để xác định vi phạm hành chính và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt.		
2. Phương tiện, thiết bị quy định tại khoản 1 Điều này trước khi đưa vào sử dụng phải bảo đảm được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm theo quy định của pháp luật; tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật phải được duy trì trong suốt quá trình sử dụng và giữa hai kỳ kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm.		
3. Việc sử dụng phương tiện, thiết bị quy định tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo đúng nguyên tắc quy định tại khoản 2 Điều 64 Luật Xử lý vi phạm hành chính.		
4. Yêu cầu đối với người sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:		
a) Là nhân viên của tổ chức được giao quản lý, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường sắt;		
b) Nắm vững chế độ quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ;		
c) Được tập huấn về quy trình, thao tác sử dụng,		

Nghị định 100/2019/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và các quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính có liên quan;		
d) Thực hiện đúng quy trình, đảm bảo an toàn, giữ gìn, bảo quản phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ và chịu trách nhiệm về việc sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ.		
5. Các Bộ trưởng: Công an, Giao thông vận tải căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy định về quy trình sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý; tuyên truyền, phổ biến pháp luật; tổ chức tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ; kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ quy định tại khoản 1 Điều này.		

Phụ lục 3**RÀ SOÁT VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ ĐỊNH SỐ 162/2018/NĐ-CP QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG**

Nghị định 162/2018/NĐ-CP	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Văn bản rà soát
Điều 4. Hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả		
3. Ngoài hình thức xử phạt chính, xử phạt bổ sung, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính còn có thể bị áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:		
d) Buộc tháo dỡ công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt không có Giấy phép hoặc xây dựng không đúng với Giấy phép;	d) Buộc tháo phá dỡ công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt không có Giấy phép hoặc xây dựng không đúng với Giấy phép;	Điểm a Khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Thay từ “ <i>tháo dỡ</i> ” bằng từ “ <i>phá dỡ</i> ”
Điều 8. Vi phạm quy định về khai thác tàu bay		
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Hút thuốc, kể cả thuốc lá điện tử trên tàu bay;	a) Hút thuốc, kể cả thuốc lá điện tử hoặc gây khói, cháy trên tàu bay;”	- Bổ sung trên cơ sở thực tế xảy ra trường hợp hành khách bật lửa trên tàu bay để đốt khăn tắm còn - Điều 10.193 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/2011 và được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016, 21/2017/TT-BGTVT ngày 30/6/2017, 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018.

		- Tài liệu hướng dẫn khai thác bay (FOM) của các hãng hàng không, các hướng dẫn trên tàu bay bằng tài liệu, biển báo và hướng dẫn trực tiếp của thành viên tổ bay.
Điều 9. Vi phạm quy định về quản lý và khai thác cảng hàng không, sân bay		
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
e) Không sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi có thay đổi liên quan đến các nội dung của tài liệu khai thác sân bay.	e) Không cập nhật , sửa đổi, bổ sung tài liệu khai thác sân bay, tài liệu khai thác công trình khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; không trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt khi có sự thay đổi về các thông số kỹ thuật của các công trình, trang thiết bị trong sân bay, phương án vận hành khai thác tàu bay, quy trình khai thác, cung cấp dịch vụ trong sân bay các nội dung của tài liệu khai thác sân bay.	- Khoản 9 Điều 51, Khoản 1, 2, 3 Điều 56 Nghị định 05/2021/NĐ-CP; - Khoản 1 Điều 38 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 - Khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 65 dự thảo Thông tư sửa đổi thông tư 17
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Bảo trì, xây dựng, sửa chữa công trình hoặc lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay mà không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm	a) Không thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không khi xây dựng, cải tạo , nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, hoặc lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị tại cảng hàng không, sân	- Khoản 7, 11 Điều 50 Nghị định 05/2021/NĐ-CP; - Khoản 7 Điều 44 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày

quyền theo quy định;	bay ảnh hưởng đến hoạt động bay của cơ sở cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không, sân bay hoặc sửa chữa, khắc phục hư hỏng trong trường hợp đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, thiết bị bảo đảm hoạt động bay bị hư hỏng đột xuất uy hiếp trực tiếp đến an toàn, an ninh hàng không mà không thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;	30/6/2016 (dự thảo Thông tư sửa Thông tư 17 bỏ quy định này)
b) Không thực hiện phương án tổ chức thi công đã được chấp thuận khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay;	b) Không Thực hiện không đúng biện pháp hoặc phương án tổ chức thi công theo quy định đã được chấp thuận khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay;	- Điều 82, 84 Luật Xây dựng “biện pháp tổ chức thi công” - Điểm c Khoản 1 Điều 43, điểm d khoản 5, khoản 8 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP “phương án tổ chức thi công”; - Điểm b khoản 2, khoản 8 Điều 44, điểm c khoản 1 Điều 46 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT - Điểm i khoản 4 Điều 54 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 17
	k) Thay đổi thời gian xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay có ảnh hưởng đến hoạt động bay đã được thông báo theo quy định về thông báo tin tức hàng không mà không thống nhất với các cơ quan, tổ chức liên quan trước khi thực hiện quy trình thông báo sự thay đổi;	Khoản 12 Điều 50 Nghị định 05/2021/NĐ-CP
	g) Thực hiện không đúng phương án đảm bảo	- Khoản 3, 4, 5, 8, 10 Điều 50

	an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay theo quy định.	nghị định 05/2021/NĐ-CP “phương án” - Điểm d Khoản 5 và khoản 8 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP “biện pháp” - Khoản 4 Điều 27, điểm c khoản 1 Điều 46 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT - Điểm i khoản 4 Điều 54 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 17
4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
d) Thực hiện không đúng biện pháp tổ chức thi công đã được duyệt khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay.	d) Không thực hiện không đúng biện pháp hoặc phương án tổ chức thi công theo quy định đã được duyệt khi xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình tại cảng hàng không, sân bay;	- Điều 82, 84 Luật Xây dựng “biện pháp tổ chức thi công” - Điểm c Khoản 1 Điều 43 Nghị định 05/2021/NĐ-CP “phương án tổ chức thi công” ; - Điểm b khoản 2, khoản 8 Điều 44, điểm c khoản 1 Điều 46 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT - Điểm i khoản 4 Điều 54 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 17
	đ) Không kiểm tra tình trạng mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay theo quy định nhằm loại bỏ các vật ngoại lai;	- Khoản 18 Điều 25 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 - Điểm a, b khoản 4 Điều 92 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư

		số 17
	e) Không thực hiện phương án đảm bảo an ninh, an toàn và vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay theo quy định.	- Khoản 3, 4, 5, 8, 10 Điều 50 nghị định 05/2021/NĐ-CP “phương án” - Điểm d Khoản 5 và khoản 8 Điều 51 Nghị định 05/2021/NĐ-CP “biện pháp” - Khoản 4 Điều 27, điểm c khoản 1 Điều 46 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT - Khoản 4 Điều 11, khoản 1 Điều 53, điểm i khoản 4 Điều 54 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư 17
5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
k) Sử dụng đèn laze trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến việc tàu bay cất cánh, hạ cánh, di chuyển tại cảng hàng không, sân bay;	k) Lắp các đèn hiệu, biển quảng cáo có sử dụng đèn xoay, đèn laze và các thiết bị chiếu sáng trong cảng hàng không, sân bay hoặc khu vực lân cận cảng hàng không, sân bay gây ảnh hưởng đến hoạt động bay trong khu vực cảng hàng không, sân bay;	- Điểm e khoản 3 Điều 71 Nghị định 05/2021/NĐ-CP; - Khoản 2 Điều 69 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016
m) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa các công trình, hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị trong cảng hàng không, sân bay mà không được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.	m) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án đảm bảo an ninh hàng không, an toàn hàng không;	- Khoản 3, 4 Điều 50 Nghị định 05/2021/NĐ-CP ngày 25/1/2021; - Điều 44 Thông tư 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016
	n) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp công trình, lắp đặt thiết bị tại cảng hàng không, sân bay không phù	Khoản 1 Điều 50 Nghị định 05/2021/NĐ-CP

	hợp với mục đích sử dụng, quy hoạch cảng hàng không, sân bay, bản vẽ tổng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;	
	i) Xây dựng, cải tạo, nâng cấp, bảo trì, sửa chữa công trình, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị trong khu vực cảng hàng không, sân bay khi chưa được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận phương án tổ chức thi công.	Điểm i khoản 4 Điều 54 dự thảo Thông tư thay thế Thông tư số 17
8. Biện pháp khắc phục hậu quả: a) Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu đối với các hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, b khoản 1 và các điểm a, b, c, d khoản 2 Điều này;		
b) Buộc <i>tháo dỡ</i> công trình, phần công trình xây dựng vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 3, điểm m khoản 5 Điều này;	b) Buộc tháo phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm quy định tại điểm c, d khoản 3, điểm m khoản 5 Điều này;	Điểm a Khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Thay từ “ <i>tháo dỡ</i> ” bằng từ “ <i>phá dỡ</i> ”
	Buộc điều chỉnh cho phù hợp với quy hoạch cảng hàng không, sân bay, bản vẽ tổng mặt bằng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đối với hành vi quy định tại điểm n khoản 5 Điều này.	
Điều 10. Vi phạm quy định về cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không, sân bay		
1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Không niêm yết công khai hoặc niêm yết không rõ ràng gây nhầm lẫn cho khách hàng hoặc niêm yết không đúng giá hàng hóa, giá dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không, sân bay;	a) Cung cấp dịch vụ phi hàng không tại cảng hàng không mà không đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng dịch vụ, sản phẩm bán ra; không niêm yết công khai; không đảm bảo sản phẩm đúng nhãn mác;	Khoản 5 Điều 70 Nghị định 05/2021/NĐ-CP; - Điều 11 Thông tư 36/2015/TT-BGTVT ngày 24/7/2015

	không có chứng nhận công bố chất lượng sản phẩm, nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa	
b) Đặt biển quảng cáo tại cảng hàng không, sân bay không đúng quy định;	b) Đặt biển quảng cáo, sử dụng tờ rơi, âm thanh để quảng cáo tại khu bay hoặc tại vị trí cửa thoát hiểm của các công trình tại cảng hàng không, sân bay không đúng quy định ;	- Điểm b, c khoản 3 Điều 71 Nghị định 05/2021/NĐ-CP; - Điểm b, c Khoản 3 Điều 74 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016
c) Sử dụng tờ rơi, âm thanh để tiếp thị, quảng cáo ở khu vực công cộng của cảng hàng không, sân bay ảnh hưởng đến hoạt động của cảng hàng không, sân bay.	c) Sử dụng tờ rơi, âm thanh để tiếp thị , quảng cáo tại ở khu vực công cộng của các công trình thuộc kết cấu hạ tầng cảng hàng không, sân bay ; tại các công trình khác ảnh hưởng đến việc cung cấp dịch vụ hàng không ảnh hưởng đến hoạt động của cảng hàng không, sân bay ;	Điểm d khoản 3 Điều 71 Nghị định 05/2021/NĐ-CP; Điểm b Khoản 3 Điều 74 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 - Điều 8 Luật Quảng cáo
	d) Đặt biển quảng cáo ảnh hưởng đến công tác an toàn hàng không, an ninh hàng không, phòng cháy chữa cháy, an toàn giao thông, cản trở luồng di chuyển của người và phương tiện tại cảng hàng không, sân bay;	Điểm d khoản 3 Điều 71 Nghị định 05/2021/NĐ-CP;
	đ) Xây dựng công trình quảng cáo, lắp đặt phương tiện quảng cáo làm ảnh hưởng đến mỹ quan, kiến trúc nhà ga, hệ thống biển báo trong nhà ga.	Điểm a khoản 3 Điều 71 Nghị định 05/2021/NĐ-CP;
2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	e) Lắp đặt các thiết bị điện tử, màn hình để quảng cáo trên các phương tiện mặt đất hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, các thiết bị tại sân đỗ tàu bay.	Điểm h khoản 3 Điều 71 Nghị định 05/2021/NĐ-CP

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	đ) Tổ chức kinh doanh dịch vụ phi hàng không tại khu bay trái quy định.	Khoản 3 Điều 70 Nghị định 05/2021/NĐ-CP
5. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	g) Không duy trì đủ điều kiện khai thác công trình, phương tiện, thiết bị cảng hàng không, sân bay, cung cấp dịch vụ hàng không theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.	Khoản 2 Điều 58 Nghị định 05/2021/NĐ-CP
7. Biện pháp khắc phục hậu quả:		
b) Buộc <i>tháo dỡ</i> công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 5 Điều này;	b) Buộc tháo-phá dỡ công trình, phần công trình được xây dựng, lắp đặt vi phạm quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 5 Điều này;	Điểm a Khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính quy định: Thay từ “ <i>tháo dỡ</i> ” bằng từ “ <i>phá dỡ</i> ”
Điều 11. Vi phạm quy định về đi lại, điều khiển, vận hành phương tiện, thiết bị hoạt động trong cảng hàng không, sân bay		
6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 01 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này trực tiếp gây uy hiếp hoặc làm mất an toàn hàng không, an ninh hàng không;	6. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại các điểm a, b, c khoản 1 Điều này trực tiếp gây uy hiếp hoặc làm mất an toàn hàng không, an ninh hàng không;	- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;
b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 02 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại khoản 2 và các điểm a, b, c, d, đ, l	b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 03 tháng đến 05 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại khoản 2 và các	- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính;

khoản 3 Điều này trực tiếp gây uy hiếp hoặc làm mất an toàn hàng không, an ninh hàng không;	điểm a, b, c, d, đ, e, l khoản 3, khoản 4 và điểm g khoản 5 Điều này trực tiếp gây uy hiếp hoặc làm mất an toàn hàng không, an ninh hàng không;	
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm e khoản 3, khoản 4 và điểm g khoản 5 Điều này.	e) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 03 tháng đến 04 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm e khoản 3, khoản 4 và điểm g khoản 5 Điều này.	
Điều 14. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường trong khai thác tàu bay		
1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	đ) Không xây dựng kế hoạch giám sát nhiên liệu theo quy định;	Điều 5 Thông tư số 22/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020
	e) Không gửi Kế hoạch giám sát nhiên liệu theo quy định;	Điều 13 Thông tư số 22/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020
	g) Không thực hiện báo cáo phát thải đối với chuyến bay quốc tế; nhiên liệu đối với các chuyến bay nội địa theo quy định.	Điều 6, 8, 13 Thông tư số 22/2020/TT-BGTVT ngày 28/9/2020
Điều 15. Vi phạm quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không, sân bay		
Mục 4: VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG, ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ, SỬ DỤNG NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VÀ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE CHO NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG	Mục 4: VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THỰC HIỆN CÔNG VIỆC THEO TÀI LIỆU, QUY TRÌNH VÀ YÊU CẦU CÔNG VIỆC CỦA NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VÀ NGƯỜI LAO ĐỘNG KHÁC; ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ HÀNG KHÔNG, SỬ DỤNG NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG VÀ GIÁM ĐỊNH SỨC KHỎE CHO NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG	Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu về xử phạt vi phạm hành chính

Điều 16. Vi phạm quy định về nhân viên hàng không và thực hiện công việc theo tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động	Điều 16. Vi phạm quy định về nhân viên hàng không và thực hiện công việc theo tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động	
2. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng (một triệu đồng) đến 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không, nhân viên bảo đảm điện nguồn cơ sở điều hành bay không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động, trừ nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay;	b) Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không, nhân viên bảo đảm điện nguồn cơ sở điều hành bay không đúng tài liệu, quy trình, quy trình phối hợp hoạt động và yêu cầu công việc, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3, điểm a, c, d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này; nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay;	- Tài liệu hướng dẫn khai thác của các cơ sở cung cấp dịch vụ, quy trình làm việc,... được hình thành trên cơ sở pháp luật chuyên ngành hàng không. - Sửa đổi cho rõ nội dung
3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Thực hiện nhiệm vụ nhân viên hàng không, nhân viên điện nguồn cơ sở điều hành bay không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trừ nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay;	a) Thực hiện nhiệm vụ nhân viên hàng không, nhân viên điện nguồn cơ sở điều hành bay không đúng tài liệu, quy trình thực hiện công việc, quy trình phối hợp hoạt động và yêu cầu công việc ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3, điểm d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này; nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ	- Thông tư 42/2011/TT-BGTVT ngày 01/6/2011; - Bộ luật lao động, Nghị định 45/2013/NĐ-CP,... - Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở, quy trình làm việc của cơ sở, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên hàng không tương ứng

	liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay;	
b) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động;	b) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình thực hiện công việc, quy trình phối hợp hoạt động và yêu cầu công việc;	- Các văn bản pháp luật chuyên ngành, như: Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và 56/2018/TT-BGTVT; Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở, quy trình làm việc của cơ sở, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên hàng không tương ứng
d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nhân viên hàng không theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận, trừ nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay.	d) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nhân viên hàng không theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 và điểm e khoản 5 Điều này. nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay.	Sửa để đảm bảo tính đồng bộ của văn bản
4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không, nhân viên bảo đảm điện nguồn cơ sở điều hành bay không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động gây uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trừ nhiệm vụ	a) Thực hiện nhiệm vụ của nhân viên hàng không, nhân viên bảo đảm điện nguồn cơ sở điều hành bay không đúng tài liệu, quy trình thực hiện công việc, quy trình phối hợp hoạt động và yêu cầu công việc gây uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng	- Các văn bản pháp luật chuyên ngành, như: Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số

điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay;	không, trường hợp quy định tại điểm b khoản 3, điểm d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này; nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay;	03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và 56/2018/TT-BGTVT; Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở, quy trình làm việc của cơ sở, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên hàng không tương ứng
c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nhân viên hàng không theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận gây uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, trừ nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay;	c) Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nhiệm vụ nhân viên hàng không theo giấy phép, chứng chỉ chuyên môn đã được cấp hoặc công nhận gây uy hiếp an toàn hàng không, an ninh hàng không, trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này; nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay;	- Luật HKDD Việt Nam - Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và 56/2018/TT-BGTVT - Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2016/TT-BGTVT) - Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016 - Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 - Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 04/3/2018 - Các văn bản pháp luật chuyên ngành hàng không dân dụng khác có liên quan.

đ) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không;	đ) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình thực hiện công việc, quy trình phối hợp hoạt động và yêu cầu của công việc, quy trình phối hợp hoạt động ảnh hưởng đến hoạt động hàng không dân dụng mà chưa uy hiếp đến an ninh hàng không, an toàn hàng không, trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 3, điểm a, c khoản 4 và điểm d khoản 5 Điều này;	- Sửa đổi để bảo đảm tính đồng bộ trong văn bản - Các văn bản pháp luật chuyên ngành, như: Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và 56/2018/TT-BGTVT; Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở, quy trình làm việc của cơ sở, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên hàng không tương ứng; quy trình phối hợp hoạt động với các tổ chức khác có liên quan
5. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Sử dụng Giấy phép nhân viên hàng không, năng định, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe, chứng nhận trình độ tiếng Anh giả mạo	a) Sử dụng Giấy phép nhân viên hàng không, năng định, chứng chỉ chuyên môn, Giấy chứng nhận đủ điều kiện sức khỏe, chứng nhận trình độ tiếng Anh giả mạo không do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp”	
d) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập dữ liệu bảo	d) Thực hiện nhiệm vụ điều khiển tàu bay, điều hành bay, bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và thiết bị của tàu bay, lập kế hoạch bảo dưỡng tàu bay, lập	- Sửa đổi để bảo đảm tính đồng bộ trong văn bản - Các văn bản pháp luật chuyên

dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình, yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;	dữ liệu bảo dưỡng tàu bay, bảo đảm kỹ thuật tàu bay không đúng tài liệu, quy trình và yêu cầu công việc, quy trình phối hợp hoạt động gây uy hiếp an ninh hàng không, an toàn hàng không;	ngành, như: Bộ Quy chế an toàn hàng không dân dụng lĩnh vực tàu bay và khai thác tàu bay ban hành kèm theo Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và 56/2018/TT-BGTVT; Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Tài liệu hướng dẫn khai thác cơ sở, quy trình làm việc của cơ sở, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiệm vụ của nhân viên hàng không tương ứng và quy trình phối hợp thực hiện nhiệm vụ với các tổ chức khác có liên quan
7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 01 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại các điểm a, c, h khoản 4, điểm b, d, đ, e khoản 5 và các điểm a, c khoản 6 Điều này trực tiếp gây uy hiếp hoặc làm mất an toàn hàng không, an ninh hàng không;	7. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại các điểm a, c, h khoản 4, điểm b, d, đ, e, g khoản 5 và điểm c khoản 6 Điều này trực tiếp gây uy hiếp hoặc làm mất an toàn hàng không, an ninh hàng không;	
	b) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 03 tháng đến 05 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 6 Điều này;	- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính; - Thực tiễn áp dụng
		- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính; - Thực tiễn áp dụng

Điều 18. Vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không và đánh giá trình độ tiếng Anh	Điều 18. Vi phạm quy định về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không và đánh giá trình độ tiếng Anh	- Theo Thông tư 10/2018/TT-BGTVT, việc đánh giá trình độ tiếng Anh là nhiệm vụ quản lý nhà nước được Bộ GTVT giao cho Cục HKVN - Nhiều trường hợp đào tạo, huấn luyện cho nhân viên chưa phải là nhân viên HK
1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
a) Làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài kiểm tra, bài thi, đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không;	thuê, nhờ người khác hoặc làm bài hộ thí sinh hoặc trợ giúp thí sinh làm bài kiểm tra, bài thi chuyên môn, nghiệp vụ; bài đánh giá trình độ tiếng Anh nhân viên hàng không.	Điều chỉnh cho phù hợp với phạm vi của hành vi vi phạm
b) Đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không không đúng quy định;	b) Đánh giá trình độ tiếng Anh cho nhân viên hàng không không đúng quy định;	Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định là nhiệm vụ quản lý nhà nước
c) Làm sai lệch kết quả đánh giá trình độ tiếng Anh của học viên.	c) Làm sai lệch kết quả đánh giá trình độ tiếng Anh của học viên.	Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT quy định là nhiệm vụ quản lý nhà nước
2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không không đúng nội dung; không đủ số giờ theo quy định;	b) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không không đúng nội dung; không đủ số giờ theo quy định;	- Sửa đổi cho phù hợp với phạm vi và thực tế của vi phạm Điểm d khoản 1 Điều 73 Luật giáo dục nghề nghiệp - Điều 12 và khoản 3 Điều 20 Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018;

		- Thông tư số 43/2017/TT-BGTVT ngày 16/11/2017; - Phần 14 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và 56/2018/TT-BGTVT; - Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016; - Nội dung và chương trình đào tạo, huấn luyện trong các tài liệu: Tài liệu quản lý an toàn (SMS), tài liệu hướng dẫn khai thác (OM), tài liệu hướng dẫn khai thác của các cơ sở cung cấp dịch vụ,...
c) Sử dụng giáo viên đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không, đánh giá trình độ tiếng Anh không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;	c) Sử dụng giáo viên đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không mà không đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;	- Điều 26 Nghị định 92/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 - Khoản 1 Điều 15 Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018.
d) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đủ hồ sơ đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không theo quy định.	d) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đủ hồ sơ đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không chuyên môn nghiệp vụ theo quy định.	- Khoản 6 Điều 20 Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018 - Thông tư số 27/2016/TT-BGDDT ngày 30/12/2016
3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu		

đồng) đến 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không ngoài phạm vi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã được cấp.	b) Đào tạo, huấn luyện chuyên môn, nghiệp vụ cho nhân viên hàng không ngoài phạm vi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.	- Chính lý cho phù hợp với thực tế và phạm vi của Mục này - Khoản 1 Điều 20 Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/3/2018
5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ kết quả đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, c khoản 1 Điều này.	5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc hủy bỏ kết quả đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.	
Điều 19. Vi phạm quy định về giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không		
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với hành vi không duy trì điều kiện về tổ chức bộ máy; trang bị, thiết bị; quy trình khám, giám định; đội ngũ nhân viên theo Giấy chứng nhận cơ sở y tế khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.	4) Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:	
	a) Không duy trì điều kiện về tổ chức bộ máy; trang bị, thiết bị; quy trình khám, giám định; đội ngũ nhân viên theo Giấy chứng nhận cơ sở y tế khám, giám định sức khỏe cho nhân viên hàng không đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.	- Thông tư liên tịch số 18/2012/TT-BYT-GTVT ngày 05/11/2012 của Bộ Y tế và Giao thông vận tải - Điều 8.067, 8.070, 8.075, 8.080, 8.083, Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011 và các sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT, 21/2017/TT-BGTVT và

		56/2018/TT-BGTVT - Luật khám chữa bệnh
	b) Không có hệ thống đảm bảo chất lượng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận theo quy định.	Điều 8.085 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27/1/2011
Điều 21. Vi phạm quy định về quản lý hoạt động bay		
1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với hành vi thả thiết bị, vật dụng và các vật thể khác từ tàu bay vào không trung ảnh hưởng đến hoạt động bay.	1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với hành vi thả thiết bị, vật dụng và các vật thể khác từ tàu bay vào không trung ảnh hưởng đến hoạt động bay.	Điểm c khoản 1 Điều 12 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam
7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc <i>tháo dỡ</i> công trình, phần công trình xây dựng vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.	7. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tháo dỡ phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.	
Điều 22. Vi phạm quy định về thành lập doanh nghiệp vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung		
1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
b) Không làm thủ tục đăng ký với cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi có thay đổi phải đăng ký.	b) Không làm thủ tục đăng ký thông báo với cơ quan có thẩm quyền theo quy định khi có những thay đổi phải đăng ký thông báo; nội dung thông báo;	Điều 10 Nghị định 89/2019/NĐ-CP và Nghị định số 30/2013/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2013.
	c) Không niêm yết hoặc công bố công khai đường dây nóng theo quy định.	- Khoản 16 Điều 1 Thông tư 27/2017/TT-BGTVT; - Khoản 16 Điều 1 Thông tư 27/2017/TT-BGTVT
Điều 23. Vi phạm quy định về khai thác vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không		

chung		
1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	g) Không thông báo hoạt động của văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kể từ ngày được cấp Giấy phép theo quy định;	Điều 7 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung điều 12 của Thông tư 81/2014/TT-BGTVT;
	h) Không hoạt động tại trụ sở kể từ ngày được cấp Giấy phép mở Văn phòng đại diện, văn phòng bán vé của hãng hàng không nước ngoài; không đăng tin trên một tờ báo được phát hành tại Việt Nam theo quy định;	Điều 7 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung điều 12 của Thông tư 81/2014/TT-BGTVT;
	ì) Không thông báo cho cơ quan có thẩm quyền trong trường hợp thay đổi nhân sự là người nước ngoài.	Điều 7 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung điều 12 của Thông tư 81/2014/TT-BGTVT
Điều 24. Vi phạm quy định về hoạt động vận chuyển hàng không và hoạt động hàng không chung		
3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	l) Không cung cấp thông tin về nguyên nhân hủy chuyến bay, chuyến bay bị chậm kéo dài theo quy định;	Khoản 1 Điều 2 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT
	m) Không báo cáo hoặc báo cáo không đầy đủ về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại theo quy định.	Khoản 1 Điều 2 Thông tư 21/2020/TT-BGTVT
Điều 25. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng	Điều 25. Vi phạm quy định về quản lý, sử dụng	Khoản 1, Điều 30 Thông tư

thẻ và giấy phép kiểm soát an ninh hàng không	thẻ, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không và giấy tờ tùy thân	13/2019/TT-BGTVT
2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) đến 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Sử dụng Thẻ, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không của người khác vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay;	a) Sử dụng Thẻ, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không hoặc thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ của người khác vào khu vực hạn chế của cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay;	- Khoản 2 Điều 6 Nghị định 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 - Điều 14, 110 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 - Khoản c Điều 1.033 Thông tư số 01/2011/TT-BGTVT ngày 27//2011, được sửa đổi, bổ sung tại các Thông tư số 03/2016/TT-BGTVT ngày 31/3/2016, 21/2017/TT-BGTVT ngày 30/6/2017 và 56/2018/TT-BGTVT ngày 11/12/2018. - Khoản 5 Điều 263 Thông tư số 19/2017/TT-BGTVT ngày 06/6/2017 - Khoản 1, 2 Điều 34 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT ngày 30/6/2016
b) Sử dụng giấy tờ nhân thân, vé, thẻ lên tàu bay giả hoặc giấy tờ nhân thân, vé, thẻ lên tàu bay mang tên người khác vào khu vực cách ly, lên tàu bay hoặc cho người chưa thành niên vào khu vực cách ly, lên tàu bay;	b) Sử dụng giấy tờ nhân thân không do cơ quan có thẩm quyền cấp hoặc; vé, thẻ lên tàu bay không do hãng hàng không có thẩm quyền xuất giả hoặc giấy tờ nhân thân, vé, thẻ lên tàu bay mang tên người khác vào khu vực cách ly, lên tàu bay hoặc cho	Khoản 1 Điều 41 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019

	người khác vào khu vực cách ly, lên tàu bay;	
c) Cho người khác mượn Thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không để vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay.	c) Cho người khác mượn thẻ kiểm soát an ninh hàng không, giấy phép kiểm soát an ninh hàng không, thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không hoặc thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ để vào khu vực hạn chế tại cảng hàng không, sân bay, lên tàu bay.	Điều 30 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với hành vi sử dụng Thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc Thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không giả mạo.	3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với hành vi sử dụng thẻ kiểm soát an ninh hàng không, Giấy phép kiểm soát an ninh hàng không hoặc thẻ giám sát viên an ninh hàng không, an toàn hàng không hoặc thẻ giám sát viên chất lượng dịch vụ giả mạo không do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.	Điều 30 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019
Điều 26. Vi phạm quy định về an ninh hàng không tại cảng hàng không, sân bay; trên chuyến bay; tại nơi có công trình, trang bị, thiết bị hàng không		
5. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng) đến 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
h) Không cung cấp hoặc cung cấp không đúng hoặc không đầy đủ thông tin trước chuyến bay (API) theo quy định;	h) Không cung cấp hoặc cung cấp không đúng hoặc không đầy đủ thông tin trước chuyến bay (API) theo quy định;	- Nghị định 85/2019/NĐ-CP đã bãi bỏ quy định về cung cấp thông tin trước chuyến bay
9. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 01 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các điểm b, d, đ, i, l khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này;	9. Hình thức xử phạt bổ sung: a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 4, các điểm b, d, đ, i, l khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều này;	- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính.

Điều 27. Vi phạm quy định về tổ chức bảo đảm an ninh hàng không		
2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) đến 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
	i) Không cung cấp tờ khai an ninh cho người khai thác cảng hàng không, sân bay quá cảnh, trung chuyển và hãng hàng không theo quy định.	Khoản 8 Điều 50 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT ngày 29/3/2019 (được sửa đổi tại Thông tư số 41/2020/TT-BGTVT ngày 31/12/2020)
3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) đến 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Không thực hiện đúng Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;	a) Không thực hiện đúng Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận ;	- Điều 196 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam - Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT (áp dụng đối với hãng hàng không nước ngoài)
4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) đến 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng) đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:		
a) Không có Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;	a) Không có Chương trình an ninh hàng không, Quy chế an ninh hàng không được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận ;	- Điều 196 Luật Hàng không dân dụng Việt Nam - Điểm a khoản 5 Điều 25 Nghị định 92/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 - Khoản 4 Điều 4 Thông tư số 13/2019/TT-BGTVT (áp dụng đối với hãng hàng không nước ngoài)

Điều 28. Vi phạm quy định về phòng, chống cháy nổ tại cảng hàng không, sân bay và cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay		
6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 01 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.	6. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều này.	- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính
Điều 30. Vi phạm quy định về điều tra sự cố, tai nạn hàng không		
5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề 01 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.	5. Hình thức xử phạt bổ sung: Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề từ 01 tháng đến 03 tháng đối với nhân viên hàng không vi phạm quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.	- Khoản 11 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính; - Thực tiễn áp dụng
Điều 31. Thẩm quyền xử phạt của thanh tra		
1. Thanh tra viên, người được giao thực hiện nhiệm vụ thanh tra chuyên ngành đang thi hành công vụ có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 500.000 đồng;		
c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	Điểm k khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
2. Chánh Thanh tra Cục Hàng không Việt Nam, trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Cục Hàng không Việt Nam có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;		

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;		
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	Điểm k khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
3. Trưởng đoàn thanh tra chuyên ngành của Bộ Giao thông vận tải có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 70.000.000 đồng;		
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;		
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	Điểm k khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
4. Chánh Thanh tra Bộ Giao thông vận tải, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;		
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;		
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;		
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định		

tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
Điều 32. Thẩm quyền xử phạt của Cảng vụ hàng không		
1. Trưởng đại diện Cảng vụ hàng không có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 10.000.000 đồng;		
c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.	c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này.	Điểm k khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
2. Giám đốc Cảng vụ hàng không có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 25.000.000 đồng;	b) Phạt tiền đến 25.000.000 50.000.000 đồng;	Điểm d khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;		
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;;	Điểm c khoản 74 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
Điều 33. Thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp		
1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 5.000.000 đồng;		
c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá 02 lần mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	Điểm k khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 50.000.000 đồng;		
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;		
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt được quy định tại điểm b khoản này;	Điểm d khoản 2 Điều 38 Luật xử lý vi phạm hành chính
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm c, d, đ, e, g, h, n khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có quyền:		
a) Phạt cảnh cáo;		
b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;		
c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;		
d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;		
đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này.		
Điều 36. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng Lực lượng thanh tra chuyên ngành hàng không và Cảnh vụ hàng không được xử phạt đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này và các hành vi vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực	Điều 36. Phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng Lực lượng thanh tra chuyên ngành hàng không và Cảnh vụ hàng không có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; áp dụng hình thức xử phạt chính,	Tạo cơ sở pháp lý cho việc xử phạt vi phạm hành chính của lực lượng thanh tra chuyên ngành và các Cảnh vụ hàng không vì quy định như hiện nay, các lực lượng này không xử phạt được do

hàng không dân dụng quy định tại các văn bản sau:	xử phạt bổ sung; áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này và các hành vi vi phạm hành chính xảy ra trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại các văn bản sau:	không rõ thẩm quyền
5. Khoản 3 Điều 19, khoản 1 Điều 25, khoản 1 Điều 26 Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Nghị định số 124/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 185/2013/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	5. Khoản 2 Điều 6, Điều 7, Điều 11, các khoản 1, 2 Điều 23 và khoản 1, điểm c khoản 3 Điều 30 Nghị định 98/2020/NĐ-CP ngày 26/8/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	Nghị định 98/2020/NĐ-CP đã thay thế Nghị định 185/2013/NĐ-CP
	9. Các khoản 1, 2, 4 Điều 6, điểm b khoản 2 Điều 11, điểm a khoản 1, khoản 4 Điều 12, khoản 2 Điều 14, Điều 18, khoản 2, 3 Điều 25, Điều 26, khoản 2, điểm a, b khoản 4 Điều 29, Điều 30, Điều 31 Nghị định 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế.	Nghị định số 117/2020/NĐ-CP ngày 28/9/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế
Điều 39. Bổ sung nhóm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại Mục V Phụ lục Danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi	Điều 39. Bổ sung nhóm các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng quy định tại Mục V Phụ lục Danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi	

phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ Bổ sung các khoản 6, 7, 8, 9 và 10 Mục V Phụ lục Danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường như sau: “6. Máy đo tốc độ có ghi hình ảnh; 7. Phương tiện đo độ ồn; 8. Phương tiện đo nồng độ khí thải; 9. Thiết bị đo âm lượng; 10. Thiết bị đo cường độ ánh sáng.”	phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ 1. Bổ sung các khoản 6, 7, 8, 9 và 10 Mục V Phụ lục Danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện hành vi vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Nghị định số 165/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về việc quản lý, sử dụng và danh mục các phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ được sử dụng để phát hiện vi phạm hành chính về trật tự, an toàn giao thông và bảo vệ môi trường như sau: “6. Máy đo tốc độ có ghi hình ảnh; 7. Phương tiện đo độ ồn; 8. Phương tiện đo nồng độ khí thải; 9. Thiết bị đo âm lượng; 10. Thiết bị đo cường độ ánh sáng.”	
	2. Cơ quan, người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng, cá nhân, tổ chức được giao quản lý phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện hành vi vi phạm hành chính được sử dụng phương tiện, thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ để phát hiện vi phạm hành chính trong lĩnh vực hàng không dân dụng.	Khoản 32 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính